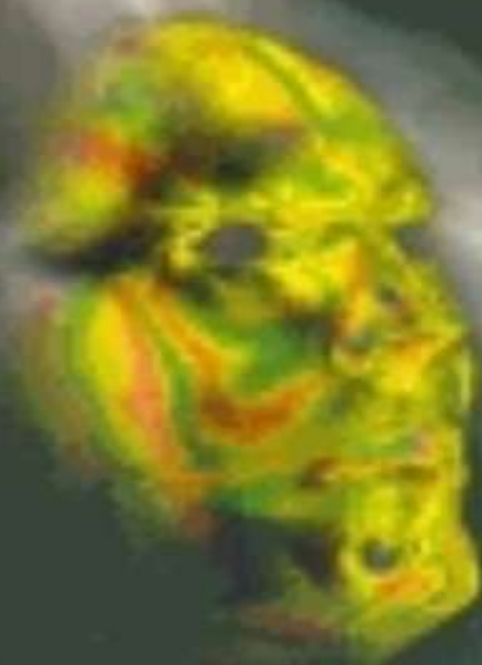


truyện
kịch đi

ALFRED HITCHCOCK

truyện chạp

KẺ SÁT NHÂN LÀM ỒI CÓ CÁNH?



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

KẼ SÁT NHÂN LÀM GÌ CÓ CÁNH

Tập truyện trinh thám

Nhiều Tác Giả

Nhà Xuất Bản Trẻ

Chuyên text, soát lỗi: **cailubietdi**

Ebook: **Cuibap**

1

Câu Thủy Tinh

Robert Arthur

V húng tôi đang nói về những vụ sát nhân không giải thích được, bá tước de Hirsch, trung úy Olivier Baynes, thuộc cảnh sát liên bang, và tôi. Thực ra chỉ mình de Hirsch nói còn Baynes và tôi chỉ được phép nghe thôi. Qua một loạt suy luận xuất sắc, tay người Hungary có các mũi hình mỏ đại bàng này lý giải nửa chục vụ án khét tiếng nhất vẫn còn nằm trong hồ sơ cảnh sát với chú thích “dở dang”.

De Hirsch có khi rất đáng ghét. Anh ta vô cùng tự tin, Tất đề cao trí thông minh của chính mình, và không giấu diếm gì việc này. Tôi luôn muốn hỏi anh ta xem tại sao một người đàn ông đa tài như anh lại đi giày cần sửa chữa và mặc quần áo cần được khâu vá. Dĩ nhiên là tôi không bao giờ hỏi thế.

Olivier Baynes bắt đầu bực mình. Baynes thấp người, vạm vỡ, nước da đỏ gay. Anh ta nói chuyện chậm chạp và không có đặc điểm gì nổi bật. Nhưng anh ta là một cảnh sát giỏi - một trong những người giỏi nhất.

Anh ta uống hết ly - đang là tháng tám và chiều hôm đó trời rất nóng - rồi vừa đưa tay lấy một lon bia mới vừa nhìn về hướng tôi.

- Sao anh không thử nhờ anh bạn của ta đây giải quyết vụ bí ẩn “cô tổng tiền tóc vàng” của ta? - Baynes vừa nói vừa che giấu sự mỉa mai trong câu hỏi này bằng một bộ mặt thản nhiên.

De Hirsch ngưng nói. Hai con mắt đen sáng lên, mũi phập phồng.

- Vụ bí ẩn “cô tổng tiền tóc vàng” à? - Bá tước de Hirsch hỏi bằng giọng điệu nhẹ nhàng lịch sự.

Baynes mở lon bia, bọt tràn ra đầy tay áo.

- Cô nàng tên là Marianne Montrose. Ngày 13 tháng hai vừa qua, giữa ba và bốn giờ chiều, cô ấy đã bước qua hai mươi ba bậc thềm phủ đầy tuyết dẫn lên một ngôi nhà xây trên đỉnh đồi, cách đây khoảng năm chục cây số. Cô ấy không bao giờ trở ra nữa.

Baynes rót bia vào ly, húp sột sột bọt bia tràn ra.

- Ít lâu sau, - Baynes nói tiếp - chúng tôi lục soát cả ngôi nhà. Không thấy dấu vết gì. Không manh mối nào cho biết cô ấy rời nhà bằng cách nào. Ngoài ra, chủ nhà, là người duy nhất sống trong nhà, lại bị bệnh tim: mọi nỗ lực nhỏ đều có thể gây tử vong. Dấu chân cô ấy được in trên lớp tuyết phủ bậc thềm cầu thang và dẫn vào nhà. Người ta đã nhìn thấy cô ấy vào, nhưng cô ấy lại không có trong nhà. Cô ấy đã vào để không bao giờ trở ra nữa. Anh hãy thử cho chúng tôi biết chuyện gì xảy ra.

De Hirsch nhìn chăm chăm Baynes.

- Anh cứ trình bày mọi sự việc cho tôi nghe, - de Hirsch nói - rồi tôi sẽ nói cho anh biết.

Anh ta đã không nói: “Tôi sẽ thử nghĩ”.

- Để tôi lấy hồ sơ - Tôi bực mình nói - Cuối cùng ta sẽ biết được sự thật. Và tôi sẽ viết được bài báo mới.

Baynes nhâm nhi ly bia, không nói gì, dường như đang ngủ gật. De Hirsch tự rót thêm một ly rượu đầy. Tôi bước lại tủ, lấy hồ sơ Marianne Montrose ra. Hồ sơ khá đầy đủ. Tôi viết bài tường thuật các vụ án có thật cho những tờ tạp chí được ưa thích, và tôi lưu giữ các ghi chép chi tiết về mọi vụ án mà tôi viết. Tôi đã viết vụ này với dấu chấm hỏi lớn: “Chuyện gì đã xảy ra với nàng Marianne Montrose xinh đẹp?”

- Anh muốn bắt đầu từ đâu? - Tôi hỏi - Đây là lời khai của cậu Danny Gresham. Cậu ấy là người cuối cùng nói chuyện với Marianne trước khi cô ấy vào nhà, rồi bốc hơi mất.

De Hirsch đẩy tờ giấy đánh máy ra.

- Đọc cho tôi nghe đi. - De Hirsch nhã nhặn nói.

Lỗ mũi của Olivier Baynes phát ra một tiếng động có thể tưởng là tiếng cười. Tôi trừng mắt nhìn Baynes rồi bắt đầu đọc.

Ngày 3 tháng Hai. Theo lời khai của Danny Gresham, 19 tuổi.

Tôi đang ở văn phòng tòa báo Weekly Sentinel, đang đọc các bản in thử. Lúc ấy ba giờ rưỡi. Nhiệt độ bên ngoài khoảng 12 hay 13 độ dưới không. Trời đẹp và khô ráo. Tôi đang nghĩ đến việc gọi điện thoại cho bạn gái, là Dolly Hansome, để rủ cô ấy đi trượt tuyết. Tuyết rất đẹp, với lớp vỏ băng đá phủ trên một lớp bột mịn như cát. Đúng lúc đó có một chiếc xe mui trần sang trọng đến đậu bên lề đường.

Một người phụ nữ ngồi tay lái. Cô ấy trông giống Dolly Hansome, nhưng cao lớn hơn, phụ nữ hơn. Cô ấy có mái tóc vàng dài và xoăn, đội mũ đỏ và mặc bộ đồ trượt tuyết cũng màu đỏ. Cô ấy bước xuống xe, đứng một hồi nhìn về hướng thung lũng rồi đi về hướng ngọn đồi. Nhà ông Hyllier, nhà văn viết truyện trinh thám, xây trên ngọn đồi ấy. Ông Hyllier đặt tên ngôi nhà là l'Eyrie, nghĩa là tổ. Tên này rất phù hợp, vì nhà như trèo trên đỉnh đồi.

Thoạt nhìn, địa điểm có vẻ không thích hợp cho một người đàn ông cô độc bị bệnh tim. Vào mùa hè, còn một con đường ngoằn ngoèo đầy khúc queo dẫn đến sân hiên phía sau nhà, nhưng đến mùa đông, dịch vụ công chánh chỉ dọn tuyết con đường đến chân cầu thang.

Điều này có nghĩa rằng ông Hillyer không bao giờ ra khỏi nhà sau những trận tuyết rơi to đầu tiên, và ông cũng không cần. Vào mùa thu, ông mua về mười hai ngàn lít dầu fuel và một kho dự trữ đồ hộp, thế là ông đã sẵn sàng đối phó. Hằng ngày, bà Hoff lên đó dọn dẹp và nấu ăn. Bà ấy không sợ hai mươi bốn bậc thềm, Sam, em chồng bà ấy cũng vậy. Chính Sam có nhiệm vụ dọn tuyết cầu thang và sân hiên hướng bắc.

Ông Hillyer thích cô lập. Ông không tìm cách giao thiệp với đồng loại. Ông là người cao, thanh mảnh, có gương mặt dài cay đắng, ăn nói rất xẵng, ông đã viết mười hai quyển tiểu thuyết trinh thám và giữ nhiều bài báo nói về công lao của chính ông. Ông đặc biệt rất tự hào về những bài báo hâm mộ cách lên tình tiết ly kỳ rất tài tình của ông.

Tuy nhiên, ông đã không viết sách từ năm năm nay. Tôi nghĩ ông nản lòng vì sách ông chưa bao giờ thật sự bán chạy.

Vâng, tôi nói trở lại về người phụ nữ đây.

Cô ấy nhìn ngôi nhà, rời quay đi và bước vào văn phòng. Tôi chạy ra để đón cô ấy. Cô ấy mỉm cười chào tôi. Giọng cô ấy trầm và khàn. Cô ấy hỏi tôi có phải là tổng biên tập không. Tôi trả lời tôi là phó. Rồi cô ấy xin phép dùng điện thoại. Tôi trả lời là được và đưa máy cho cô ấy. Cô ấy xin số của Mark Hillyer. Tôi buộc phải nghe những gì cô ấy nói thôi. Dĩ nhiên là tôi nhớ những gì cô ấy đã nói. Cô ấy đã nói bằng một giọng rất khác:

“A-lô, anh Mark à? Em Marianne đây. Em gọi điện thoại từ dưới làng. Em hy vọng anh đang chờ em. Mười phút nữa em sẽ có mặt trên đó”.

Cô ấy gác máy rồi nói bằng một giọng gọi cảm.

- Mark Hillyer không thích tôi - Cô ấy nói - Anh ấy là một người cực kỳ thông minh. Anh sẽ giết tôi nếu có thể làm được mà không bị trừng phạt. Nhưng đây là một câu chuyện khác. Dù sao, nếu một tiếng nữa không thấy tôi về, thì anh sẽ báo cảnh sát nhé? Tôi sẽ ghé qua văn phòng anh để cho anh biết rằng mọi việc ổn.

Cô ấy ban cho tôi một nụ cười và dĩ nhiên tôi trả lời cô ấy là cô có thể tin tôi, tôi sẽ gọi công an đi tìm cô ngay. Tôi cảm thấy kích động; chuyện ấy giống y như một cảnh trích từ một tiểu thuyết trinh thám của ông Hillyer. Dĩ nhiên tôi có cảm giác cô ấy không nói nghiêm túc. Nhưng tôi vẫn cứ lao ra cửa sổ để nhìn cô ấy ra đi.

Cô ấy nổ máy rồi một phút sau, tôi nhìn thấy xe của cô ấy rẽ vào con đường ngoằn ngoèo dẫn đến biệt thự l’Eyrie của ông Hillyer. Phía dưới, trên đoạn dốc, có một đám trẻ con đang vui đùa với thanh trượt, xe trượt và mấy cái khay băng nhôm. Trẻ con chơi vui lắm. Tôi có ý định gọi Dolly đến để chơi... Nhưng tôi không còn ham muốn như trước nữa. Sau một khúc queo cuối cùng, tôi nhìn thấy chiếc xe mui trần đỗ ngay dưới chân cầu thang - xe quét tuyết chỉ dọn đến đó thôi. Cô gái đậu xe, rồi tiến hành leo các bậc thềm. Tôi thấy cô ấy đến trước cửa nhà. Cánh cửa mở ra. Cô ấy vào, rồi cánh cửa khép lại phía sau cô ấy.

Suốt buổi chiều còn lại, tôi vừa làm việc vừa theo dõi nhà ông Hillyer. Đêm xuống. Cô ấy không trở ra.

Hết lời khai của Danny Gresham.

Tôi ngược mắt nhìn de Hirsch. Anh ta ngả lưng trên ghế, đầu tựa vào lưng ghế và như mãi mê ngắm trần nhà.

- Lời mở đầu khá thú vị đối với một vụ sát nhân - de Hirsch vừa nói vừa tự cao nhìn tôi - Tạm thời, tôi chỉ có thể đưa ra những kết luận hoàn toàn không chính xác. Xin anh đọc tiếp đi.

Tôi đọc:

Ngày 14 tháng Hai. Lời khai của cảnh sát Harvey Redman.

Hôm qua, lúc khoảng năm giờ rưỡi chiều, cậu Danny Gresham đã chạy ào vào văn phòng tôi. Cậu ấy tuyên bố rằng một phụ nữ trẻ đẹp đã đi gặp ông Hillyer và rất có thể đang bị nguy hiểm. Thoạt đầu, tôi tưởng cậu ấy tưởng tượng ra chuyện, nhưng cậu trình bày sự việc và tôi quyết định đi xem xét kỹ hơn. Khi viết tiểu thuyết trinh thám tài tình như thế, thì có lẽ người ta dễ dàng chuyển từ lý thuyết sang thực hành.

Tôi lấy vài cái đèn pin, rồi ra đi bằng chiếc xe cũ của tôi. Chúng tôi đến nhà Hillyer vào khoảng sáu giờ. Thật vậy, chiếc xe mui trần của cô Montrose vẫn đậu bên đường. Rồi Danny chỉ cho tôi dấu chân phụ nữ trên các bậc thềm phủ tuyết.

Dấu chân đang đi lên bậc thềm.

Không có dấu chân nào đi xuống.

Vậy ta có cơ để khẳng định rằng cô ấy vẫn còn đó.

Chúng tôi leo lên, thận trọng không đi gần các dấu chân, rồi gõ cửa. Ông Hillyer, nét mặt ngạc nhiên, mời chúng tôi vào nhà. Tôi kể lại cho ông ấy nghe những gì người phụ nữ trẻ đã nói với cậu Danny rồi hỏi cô Montrose đang ở đâu. Ông Hillyer phá lên cười.

- E rằng cô Montrose đã lừa các anh - Ông nói - Cô ấy rời nhà tôi khi trời mới tối, cách đây khoảng một tiếng.

- Thưa ông Hillyer, - Tôi nói - có dấu chân dẫn vào nhà ông. Không có dấu chân đi ra. Ngoài ra, xe vẫn còn đó.

- Lạ quá! - Ông Hillyer nói nhưng có vẻ như đang cười.

- Tôi cũng nghĩ vậy - Tôi trả lời - Chính vì vậy mà tôi muốn hỏi ông xem người phụ nữ đó đang ở đâu.

- Làm sao tôi biết được! - Ông đáp và nhìn thẳng vào mắt tôi - Anh cảnh sát ơi, tôi sẽ nói thật với anh: người phụ nữ đó tổng tiền tôi. Hôm nay cô ấy đến nhận, một khoản cống là một ngàn đô-la mà cô ấy trích của tôi. Tôi nộp tiền cho cô ấy. Sau đó cô ấy ra đi. Tôi chỉ biết bấy nhiêu thôi. Tôi muốn anh lục soát căn nhà này thật kỹ để xem có manh mối nào về sự hiện diện của cô ấy, hay về một hành động mà tôi đã thực hiện đối với cô ấy. Tôi yêu cầu làm sáng tỏ vụ này.

Danny và tôi đã lục soát ngôi nhà. Ông Hillyer ngồi bên đống lửa trong phòng làm việc hút ông điếu chờ chúng tôi.

Ngôi nhà không khó thám hiểm. Nhà chỉ gồm sáu phòng, tất cả đều cùng một tầng. Không có tầng hầm, không có tầng mái. Máy sưởi trung tâm nằm trong một phòng nhỏ. Nền nhà bằng xi măng. Tường nhà hai lớp cách ly bằng một vách có sưởi.

Cô gái không có trong nhà. Thậm chí không có gì cho phép khẳng định rằng cô ấy từng bước chân vào đây. Không có dấu vết đánh nhau chông cự, không có vết máu nào.

Danny và tôi bước ra khỏi nhà. Xung quanh nhà, lớp tuyết trắng tinh còn nguyên vẹn. Sân hiên bắc được dọn sạch bằng xẻng, nhưng gió đã thổi một lớp tuyết mịn, trên đó không thấy dấu vết nào.

Danny đã thử lớp vỏ, nó vỡ ra ngay. Không ai có thể bước trên lớp tuyết này mà không để lại dấu vết. Và nếu thử làm, thì ông Hillyer đã bị cơn đau tim rồi.

Chúng tôi xem xét nhà xe, lục soát xe, đặc biệt là cốp xe, mà không thấy dấu vết gì của người phụ nữ trẻ. Dường như cô Montrose đã ra đi thật.

- Các anh đã tin rằng tôi không giấu cô ấy chưa? Vậy thì tôi rất vui - Hillyer cười khúc khích - Bất chấp câu chuyện mà cô ấy đã kể cho cậu Danny, bất chấp dấu chân đi vào nhà mà không đi ra, bất chấp chiếc xe của cô ấy đậu ở dưới, rõ ràng tôi không thể nào giết chết và giấu xác cô ấy - dĩ nhiên là trừ phi tôi có một cây cầu thủy tinh để chở cô ấy phía trên tuyết.

- Tôi không hiểu ý anh!

- Kìa anh cảnh sát ơi, anh cũng đọc các truyện trinh thám cổ điển mà. Một trong những truyện danh tiếng nhất kể về một người đàn ông bị giết

bằng con dao gam bằng thủy tinh. Kẻ sát nhân vút vũ khí vào một cái bình nước. Dao găm đã nằm trong đó một cách tàng hình và không ai tìm thấy được. Có thể tôi đã giết cô Montrose rồi mang xác cô ấy đi bằng một cây cầu thủy tinh tàng hình. Một giả thiết khác: có đĩa bay đến sát mặt đất rồi bắt cô ấy đi: không ai thấy cũng không ai biết. Mà càng nghĩ, tôi càng cho rằng đó giải đáp thật sự.

- Tôi thấy ông không nghiêm túc lắm, ông Hillyer à - Tôi nói - Riêng tôi không nghĩ như ông, và tôi sẽ kêu gọi đến cảnh sát liên bang.

Và tôi đã làm đúng như vậy. Để họ tìm xem cô gái kia biến đi đâu. Hiện tôi còn rất nhiều việc khác phải làm.

Hết lời khai của cảnh sát Harvey Redman.

Cổ họng tôi bị khô. Tôi ngưng đọc và rót bia. De Hirsch mở mắt ra.

- Đầy đủ một cách xuất sắc - De Hirsch tử tế nói - Anh là điều tra viên rất giỏi, nhưng anh thiếu đầu óc tưởng tượng. Tôi đoán chính anh đã tiếp tục vụ này, phải không trung úy? - De Hirsch quay sang Baynes nói.

- Đúng, - Baynes lầm bầm - nhưng trước đó các cảnh sát viên Reynolds và Rivkin đã đáp yêu cầu anh cảnh sát Redman. Họ đã tiến hành lục soát lại. Kết quả cũng như thế. Khi đó, người ta giao vụ này cho tôi. Tôi thừa hưởng tất cả những khó khăn. Ngày hôm sau tôi ra quân ngay. Nhưng hỏi cung Hillyer cũng y như hỏi chú mèo xem nó đã làm gì chú chim hoàng yến. Ông ấy nói về vụ này dưới góc độ tổng tiền và tuyên bố rằng ông ấy đã phạm một sai lầm cách đây rất nhiều năm. Cô Montrose biết chuyện. Từ đó, ông ấy nộp cho cô ấy một niên kim là một ngàn đô-la. Mỗi năm, khi đi qua vùng này, cô ấy lại báo ông Hillyer biết trước một hai ngày, và Hillyer chuẩn bị tiền mặt cho cô ấy.

Tôi đã liên hệ với New York. Đúng là cô ấy thuộc một băng tổng tiền. Vậy có lẽ câu chuyện này là thật. Tôi cũng đã liên hệ với ngân hàng địa phương. Đúng là người ta đã chuyển cho ông Hillyer một ngàn đô-la, ba ngày trước đó. Tôi đã khám xét vùng xung quanh nhà và nhận thấy những gì anh cảnh sát Redman và các thanh tra khác nói là. Một lớp tuyết cứng,

nhưng không đủ chắc để chịu trọng lượng của một người. Cả thanh trượt tuyết cũng để lại dấu vết. Cầu tuột thì có thể là không.

Nhưng rất tiếc, trong nhà không có gì trông giống cầu tuột, thanh trượt hay xe con để trượt. Sáng hôm đó bà Hoff đã làm tổng vệ sinh. Bà xuống cả nhà xe để lấy đồ. Thế nào bà cũng phải nhìn thấy một vật to lớn như cái cầu tuột. Bà thề thốt rằng bà chưa bao giờ nghe thấy một câu chuyện điên rồ như thế. Ngoài ra, Hillyer không thể đặt giao một cầu tuột qua điện thoại: nếu có người ta phải giao trước đó hai ba tuần, nhưng người ta chỉ giao có thức ăn và thư từ. Tôi đã kiểm tra việc này.

Biết nghĩ ra cách nào khác bây giờ? Cô gái phải biến đi một chỗ nào đó chứ! Tôi cho bốn viên cảnh sát trượt tuyết chạy khắp vùng xung quanh. Họ đã lục soát một vùng bán kính bốn trăm mét, không bỏ sót vài khe vực và hố; không tìm thấy dấu vết gì. Rồi tuyết lại rơi và tôi phải cho ngừng cuộc tìm kiếm.

Hillyer mừng rỡ. Ông ta vui sướng trả lời phỏng vấn và cho nhà báo chụp hình. Ông ký tặng sách cho các nhà báo. Tự nhiên ông như trẻ lại mười tuổi; ông vui chơi như một đứa trẻ con.

Ông nêu ra một đồng giả thiết hoang đường về vụ bí ẩn, nêu một ông Charles Fort nào đó từng viết một quyển sách về những vụ mất tích bí ẩn. Ông nói về sự phân rã tự phát, về không gian cong, về vụ bắt bởi những con người xanh lục nhỏ bé đến từ đĩa bay. Ông chưa bao giờ chơi đùa vui như thế.

Cuối cùng chúng tôi đành phải xếp hồ sơ vụ này vào loại không giải quyết được. Tất cả những gì biết được, chúng tôi đã biết ngay từ đầu: một người phụ nữ trẻ đã leo lên các bậc thang để bước vào nhà rồi biến mất. Chỉ cần chờ các sự kiện tiếp diễn. Rồi đến tháng sáu...

Olivier Baynes ngưng một chút để uống hết ly bia.

De Hirsch gật gù cái đầu.

- Rồi vào tháng sáu, người ta tìm thấy cái xác. - De Hirsch nói.

Baynes nhìn de Hirsch hơi ngạc nhiên.

- Đúng - Baynes nói - Đến tháng sáu, nàng Marianne trở thành một loại bí ẩn khác. Anh hiểu chứ?

Nhưng de Hirsch đưa tay lên.

- Cứ để anh Bob đọc cho chúng tôi nghe chuyện này - De Hirsch gợi ý
- Tôi tin chắc anh ấy đã viết lại rất hay và đầy kịch tính. Đôi khi tôi rất thích đọc văn anh ấy.

Tôi đọc:

Ngày 3 tháng Sáu. Theo lời khai của Willy Johnson, 11 tuổi, và Ferdie Pulver, 10 tuổi.

Hai thằng bé dừng bên một bờ ao xanh thắm rộng không đầy chín mét.

Hai thằng bé đang ở trong một chỗ trũng dài và sâu với những vách gần như thẳng đứng cao đến mười lăm mét. Chỗ trũng đó chạy dài khoảng một trăm mét, kết thúc là một mặt bằng đá có một cái thác nhỏ đổ xuống một cái máng tự nhiên, và chảy thành cái ao ngay dưới chân hai thằng bé. Phần tràn đầy ao lại chảy vào một khe đá nhỏ hẹp, đủ rộng để một cậu bé lọt qua, nhưng quá chập hẹp đối với một người lớn.

Hai thằng bé đi chân không, giày cầm trên tay, và nước lạnh ngắt. Nhưng hai thằng bé mãi mê quan sát thế giới nhỏ bé bí mật ở vịnh nước và hầu như không để ý đến nhiệt độ nước.

- Ồ! - Ferdie reo lên - Tuyệt quá. Ta đi rủ cả bọn đến đây chơi hải tặc đi, há?

Willy khịt mũi:

- Hải tặc! Thôi đi! Câu cá vui hơn. Này, ném lưỡi câu đi.

Cậu bé xỏ một con trùn giầy giữa vào lưỡi câu, rồi quăng xuống ao. Mặt nước nhả đi, lưỡi câu chìm xuống. Cậu bé chờ ba mươi giây, rồi nóng lòng giật cần câu lên.

- Ồ! - Willy reo lên - Trúng được gì rồi... Xui quá! Lưỡi câu bị mắc kẹt.

Cậu bé kéo mạnh hơn. Cần câu cong từ từ, như bị một trọng lượng chết kéo đi. Ferdie không hề chú ý đến chuyện này. Ferdie đang nhìn phía trên cao, nơi có một cái gì đó trắng trắng tòng teng ở tán lá xanh bạc của cây liễu.

- Cái đó là cái gì vậy? - Ferdie hoảng hốt hỏi - Willy, cậu có nghĩ đó là con ma không?

Willy không thèm ngước mắt lên. Cậu đang hớn hển kéo cần câu.

- Làm gì có chuyện đó! Chắc là tứ móc câu phải cành cây hay cái gì đó.

Một vật tối và đỏ xuất hiện lên mặt nước, gây nên một chỗ nước xoáy chậm. Rồi cái khối đó lật lại và một gương mặt tái mét hình trái xoan xuất hiện, xung quanh là một hào quang tóc vàng gợn sóng trong nước như còn sống.

- Ê! - Willy la lên - Người chết! Nhanh Ferdie, đi thôi!

Phía sau lưng, trong khi tiếng la hét của hai cậu bé vang đi xa xa, gương mặt tái xanh và mái tóc vàng như lưỡng lự một hồi, rồi lại chìm xuống nước sâu lặng để trở về chỗ cũ...

Olivier Baynes kể tiếp trong khi de Hirsch uống hết chai rượu.

- Cha mẹ của Willy đã gọi anh cảnh sát khu vực và anh ấy gọi tôi. Hai tiếng sau, khoảng nửa chục cảnh sát chúng tôi đến nhà ông Mark Hillyer. Cách tiện lợi duy nhất đi xuống cái vịnh đó mà không leo trèo là đi qua đất nhà Hillyer. Hillyer tỏ ra rất tử tế lịch sự và khi chúng tôi tiết lộ mục đích chuyên đi, ông chỉ tỏ ra quan tâm thôi.

- Nếu các anh tìm ra cô ấy, - Hillyer nói - xin các anh hãy nhìn kỹ trong túi áo bộ đồ trượt tuyết của cô ấy. Cô ấy cầm một ngàn đô-la khi ra khỏi nhà tôi và tôi rất muốn lấy lại.

Chúng tôi đến được vịnh qua một địa hình rất gồ ghề. Chúng tôi phải dùng dây thừng để xuống. Rồi chúng tôi ném móc. Hai mươi phút sau, chúng tôi lôi được xác lên mặt nước. Khi nhìn thấy, Danny Gresham, cũng đi theo chúng tôi, thốt lên.

- Đúng cô ấy! Nhưng làm sao cô ấy lại ở xa nhà thế? Chẳng lẽ cô ấy bay đi!

Xác cô ấy vẫn còn nguyên vẹn - nước ao gần như lạnh như đá. Trong túi áo cô ấy có một ngàn đôla. Chúng tôi lại ném mấy cái móc và lấy lên được mũ và một chiếc găng tay. Tôi để mọi người tiếp tục tìm kiếm và đi thám hiểm quanh vịnh. Ngoài vài chai bia không và hộp đồ hộp sét ri, tôi hoàn toàn không tìm thấy thêm gì nữa.

Chúng tôi lục soát ao suốt cả ngày. Tôi vẫn cứ hy vọng sẽ tìm thấy một cầu tuột hay một cái gì đó đại loại như vậy. Hoài công. Chúng tôi tìm thấy xác chết cách nhà bốn trăm mét và không có manh mối gì về cách mà xác đến được nơi này.

Tôi cho mang xác về giải phẫu pháp y. Cô ấy chết vì lạnh cóng. Bao tử trống rỗng. Cô ấy đã chết bao nhiêu giờ sau khi ăn? Không thể nào biết được. Không thấy dấu thuốc độc trong các mô.

Olivier Baynes thách thức nhìn de Hirsch.

- Đây - Baynes nói - bây giờ anh đã biết tất cả về vụ án cô gái tóc vàng tổng tiền. Chúng tôi xin nghe lời giải thích của anh. Nhớ đừng nói về sự phân rã tự phát, về không gian cong, về cầu thủy tinh hay về đĩa bay nhé!

Anh bạn người Hungary của tôi chấp các đầu ngón tay lại với nhau.

- Tôi không thể giải thích, - De Hirsch nói trong khi nét đặc trưng hiện trên mặt Baynes - nếu không nói đến cầu thủy tinh, đĩa bay và đặc biệt là tấm vải liệm.

Trung úy Baynes ra vẻ góm ghiếc.

- Biết ngay mà. Anh cứ giải thích với chúng tôi bằng những chuyện tào lao như thế rồi thừa nhận rằng anh không biết chuyện gì đã xảy ra với người phụ nữ kia!

- Không thể được, - De Hirsch bắt bẻ với thái độ tử tế - bởi vì anh biết không, tôi biết điều gì đã xảy ra với cô ấy. Nghĩa là tôi sẽ biết khi anh chỉnh lại một điểm quên sót trong câu chuyện của anh!

- Điểm quên sót nào? - Baynes hỏi.

- Vật màu trắng mà Ferdie Pulver tưởng nhầm là ma. - De Hirsch nói.

- Chỉ là một tấm dra giường cũ bị mắc vào cành cây liễu. Tấm dra có mang dấu tiệt giặt của Hillyer. Theo Hillyer, có lẽ tấm dra bị gió cuốn đi mùa xuân trước, khi phơi trên sợi dây. Các chuyên gia đã xem xét gần như từng sợi vải một. Chỉ là một tấm dra trải giường cũ.

- Không phải tấm dra trải giường, - De Hirsch nhã nhặn chỉnh - mà tấm vải liệm. Chính xác điều mà tôi đang nói - cầu thủy tinh, đĩa bay, tấm vải liệm. Các anh không hiểu sao? Hillyer quá tự cao về trí thông minh hơn người của ông ấy, nên đã nói sự thật! Ông ấy đã cung cấp cho các anh mọi

manh mối. Ít nhất là đã cung cấp cho cảnh sát Redman: các manh mối đều nằm trong lời khai của anh cảnh sát Redman. Hillyer đã giết chết Marianne Montrose, đã bắt cóc cô ấy bằng cái đĩa bay hoặc qua chiếc cầu thủy tinh để cô ấy vào sự vĩnh hằng!

Baynes cắn môi dưới. Baynes nhìn de Hirsch với vẻ mặt không hiểu và tôi cũng làm y như thế. Đó chính là tình huống mà de Hirsch khoái chí nhất - khi anh ta có thể làm cho người khác hoàn toàn không hiểu gì bằng những lời giải thích!

Baynes từ từ rút tay vào túi, lấy bóp tiền ra. Từ bóp tiền, Baynes rút ra một tờ hai mươi đô-la.

- Tôi cá hai mươi đô la rằng anh sẽ kể cho chúng tôi nghe những chuyện tào lao y như Hillyer. - Baynes trịnh trọng nói.

Ánh mắt de Hirsch sáng lên. Nhưng rồi de Hirsch thở dài và lắc đầu.

- Không được, - De Hirsch nói - hai ta đều là khách của một người bạn rất thân. Tôi sẽ thật không phải nếu lấy tiền của anh vì một câu hỏi đơn giản như thế này.

Baynes nghiêng răng. Baynes rút thêm hai tờ bạc mới.

- Năm mươi đô-la rằng anh không biết gì hơn chúng tôi! - Baynes ngắt lời.

De Hirsch quay cặp mắt đen sang nhìn tôi. Tôi vội ước tính số tiền mà tôi sẽ lãnh về truyện ngắn trinh thám có thật mới viết, rồi rút quyển ngân phiếu ra.

- Tôi xin cá một trăm đô-la rằng anh không thể cung cấp lời giải cho chúng tôi. - Tôi nhìn thẳng vào mắt anh ấy và tuyên bố.

Tôi biết rằng anh bạn người Hungary của tôi không có một trăm đô-la, mà cũng không có năm chục đô-la, và thậm chí có khi đến năm đô-la cũng không có.

Bá tước de Hirsch đứng dậy.

- Với tư cách một nhà quý tộc, - De Hirsch nói - tôi không thể nói khác. Tuy nhiên tôi sẽ cần đến một cái kẹp phơi đồ...

Baynes khép lại cái miệng đang há ra. Còn miệng tôi, đang kín, thì lại há ra.

- Trong ngăn kéo bên trái, dưới bồn rửa chén, trong nhà bếp - Tôi nói - Chị Ruggle, chị giúp việc nhà, chắc là cất trong đó...

De Hirsch đứng dậy, nhẹ nhàng rời khỏi phòng khách, trong khi đi rút ra khỏi túi một cái khăn tay trắng tinh bằng vải. Và một cây viết máy.

Tôi nhìn Baynes. Baynes cũng nhìn lại tôi. Không ai nói tiếng nào. De Hirsch đã đi được năm phút. Tôi nghe tiếng mở ngăn kéo. Rồi tôi nghe tiếng động khẽ... Có thể là cánh cửa tủ lạnh mở ra. Chẳng bao lâu de Hirsch quay trở ra, ngồi xuống. De Hirsch lại mở một chai rượu mới mà tôi vừa mới mang ra, sau khi buồn bã nhìn chai rượu không.

- Sẽ mất vài phút - De Hirsch tử tế nói - Trong khi chờ, ta có thể nói chuyện. Các anh nghĩ sao về tình hình chính trị?

- Mặc kệ tình hình chính trị - Baynes càu nhàu - Hay hơn là anh nói cho chúng tôi biết Hillyer đã giết cô gái kia như thế nào.

De Hirsch vỗ trán.

- Quên hỏi anh! - De Hirsch thốt lên - Hillyer có bị chứng mất ngủ không?

Baynes nhú mày.

- Có - Baynes trả lời - Báo cáo của bác sĩ ông ấy có ghi điều này... nhưng mà...

- Dĩ nhiên là tôi đã giả thiết điều này, - De Hirsch ngắt lời - nhưng dĩ nhiên là không nên giả thiết bao giờ. Xem nào, anh trung úy ời, Hillyer đã giết cô ấy bằng cách cho thuốc ngủ vào nước uống. Khi cô ấy ngất rồi, Hillyer mang cô ấy chôn vào tuyết sâu ở vịnh Harrison. Ở đó cơ thể cô ấy đã kịp bài tiết chất thuốc ngủ. Cô ấy tỉnh lại khi đã bị cóng lạnh. Suốt một hồi, cũng may là ngăn ngủi, cô ấy đã giãy giụa chống lại cái vỏ chắc như thép bọc quanh mình. Rồi giấc ngủ dịu dàng đưa cô ấy xuống cầu thang tối tăm dài thòn dẫn đến cái chết.

- Rất văn vẻ - Baynes càu nhàu - Nhưng anh chưa nói được gì cho chúng tôi biết cả. Cô ấy không hề bị sợi dây gì trói buộc. Cô ấy không bị dấu vết nào. Có thể ông ấy đã dùng thuốc ngủ để mê cô ấy. Tôi cũng đã nghĩ đến. Rồi sao nữa?

Bá tước de Hirsch phải mất rất lâu mới chịu trả lời.

- Anh Bob này, - De Hirsch quay sang tôi nói - anh có nghĩ rằng từ này Mark Hillyer đã rút ra được như một dạng nhỏ của sự bất tử không? Rằng ông ấy cuối cùng đã đạt được sự danh tiếng mà ông ấy đã luôn hoài công tìm kiếm?

- Tất nhiên - Tôi nói - Đã có cuộc thảo luận sôi nổi: ông ấy có giết hay không giết cô ấy? Làm thế nào cô ấy đã đến được cái vịnh kia? Đây là một vụ bí ẩn khó chịu y như bí ẩn xung quanh cái chết của nàng Dorothy Arnold danh tiếng. Một trăm năm nữa, tên tuổi Hillyer vẫn sẽ xuất hiện trong các quyển sách, và các nhà trí thức thế kỷ này vẫn sẽ còn bàn luận về sự vô tội hay có tội của ông ấy. Như anh Baynes đã nói, Hillyer đang rất thịnh hành. Cuốn sách sắp đến của ông sẽ ra nhanh chóng và tất cả những quyển sách cũ đã được tái bản. Đúng là ông ấy danh tiếng, và ông ấy vẫn sẽ tiếng tăm khi mà vụ bí ẩn chưa giải được. Thật ra, mất càng nhiều thời gian để giải vụ bí ẩn, thì ông ấy sẽ càng có tiếng hơn. Ý tên Jack Mổ Bụng.

- Đúng, - De Hirsch nói - và ngay khi tìm ra được lời giải của vụ này, thì từ tiếng tăm, ông sẽ trở thành bi ối - một tay giết người tầm thường. Một sai lầm kinh khủng đối với một kẻ mắc chứng hoang tưởng tự đại như ông ấy. Nhưng bây giờ, tôi nghĩ rằng ta đã có thể thảo luận về vụ bí ẩn cầu thủy tinh, đĩa bay và tấm vải liệm.... Có cùng một điểm chung với nhau: là tàn hình.

De Hirsch đứng dậy, bước xuống bếp. Tôi lại nghe tiếng tủ lạnh mở ra, đóng lại. De Hirsch quay trở ra, cầm một cái gì đó để cân bằng trên tay. Vật ấy được phủ một cái khăn để chúng tôi không thấy. De Hirsch đặt vật ấy xuống mặt bàn bóng láng.

- Bây giờ, - De Hirsch nói bằng một giọng đột nhiên rõ ràng và uy nghi - ta hãy quay trở lại hồi tháng hai vừa qua. Buổi chiều trời lạnh. Mark Hillyer đang tức giận đứng bên cửa sổ chờ kẻ tổng tiền tóc dài. Dưới mắt ông, bọn trẻ đang vui đùa trên tuyết. Và đột nhiên sáng kiến nảy ra trong đầu ông ấy, hoàn thiện như nữ thần Minerve chui ra từ đầu óc của thần Jupiter. Với sự may mắn tối thiểu, Hillyer có thể loại bỏ cô tổng tiền. Nếu thất bại: thì dù sao ông ấy vẫn bệnh nặng và tự bào chữa rằng ông ấy bị đồn đến bước đường cùng. Nếu ông thành công: thật là thích thú khi được thấy

cả thế giới góc nghếch lằng xằng cố giải vụ bí ẩn mà chính tay ông đã tạo ra!

Hillyer bắt tay vào việc ngay. Ông ấy lấy một tấm dra trải giường cũ: tấm dra lớn nhất mà ông có, rồi trải thẳng trên những tấm đan sân hiên hướng bắc. Vài phút sau, cô Montrose đến. Hai người nói chuyện, ông mời cô một ly thức uống chứa một liều thuốc ngủ mạnh. Hai mươi phút sau, cô ấy ngủ say như chết.

Hillyer cho cô ấy trượt từ ghế xuống một tấm thảm nhỏ. Các anh thấy không, không có cố sức nhiều, không phải làm gì gây mệt tim.

Hillyer lôi tấm thảm ra sân hiên hướng bắc. Tại đó, ông ấy đẩy người phụ nữ trẻ đang ngủ sang tấm dra trải giường. Ông sắp xếp cho cô ấy nằm co ro ngay giữa...

Bằng động tác đầy kịch tính, de Hirsch rút tấm khăn phủ vật để trên bàn ra. Chúng tôi nhìn thấy cái khăn tay bằng vải. Có một cái gì đó đặt ở giữa khăn tay - một cái kẹp phơi đồ có vẽ hai con mắt nhỏ và cái miệng, như một người phụ nữ thu nhỏ và tỷ lệ khăn tay tượng trưng cho tấm dra trải giường.

Muốn nhìn thấy con búp bê-kẹp phơi đồ, tôi phải nhấc một góc khăn lên. Bởi vì mỗi góc khăn đều đã được gấp vào giữa, che phủ búp bê, giống như chiếc phong bì. Còn chính cái khăn tay thì cứng đờ.

Khi đó chúng tôi hiểu ra de Hirsch đã làm gì. De Hirsch đã phun nước lên khăn tay, rồi bỏ vào ngăn đá tủ lạnh. Giống như đồ giặt phơi trên dây vào một ngày mùa đông, chiếc khăn tay đã trở nên cứng như gỗ. Bên trong, bị nhốt vào nếp gấp khăn, là cái kẹp phơi đồ tượng trưng cho xác người phụ nữ. Tổng thể chỉ là một cái gói rất gọn chiếm vài centimet vuông. Nếu là một tấm dra giường thật, với người phụ nữ nằm co ro ở giữa, thì tất cả có cạnh rộng không quá một mét.

Baynes và tôi cuối cùng hiểu ra những gì Mark Hillyer đã làm. Ông ấy đã tưới nước một tấm dra giường to vào một ngày rất lạnh. Ông đã cho người phụ nữ nằm co ro tội nghiệp kia vào giữa, gấp bốn góc dra phủ lên cô ấy. Trời lạnh đã biến tấm dra thành một cái hộp cứng như gỗ. Trong vài phút, Marianne Montrose đang thiếp ngủ đã bị nhốt vào một tấm vải liệm

băng giá, chắc như dây thép. Rồi ông cho trượt cái vật rộng và dẹp kia từ sân hiên đến lớp tuyết cứng. Do trọng lượng được phân bố trên một diện tích rộng, nên không để lại dấu vết gì. Trái lại, tấm dra trượt theo dốc, tăng tốc, lắc lư trên những chỗ gồ ghề, để cuối cùng băng qua vực hẻm bên bờ vịnh và chìm sâu vào đồng tuyết tích lũy dưới tác động của gió thổi.

Để minh họa, de Hirsch búng cái khăn đóng đá, khiến nó trượt trên mặt bàn phẳng, rồi rơi vào sọt giấy, biến mất xuống đồng giấy nhàu.

- Đĩa bay - De Hirsch kêu - Trong lời khai, Danny Gresham có nêu rõ những cái chậ nhôm kiểu mới của bọn trẻ đang chơi trên tuyết. Đó là những cái đĩa bằng nhôm trẻ con dùng để ngồi lên và trượt dốc rất nhanh. Chúng trượt trên mặt tuyết, hầu như không chạm vào. Đó chính là những cái đĩa bay mà Hillyer đã thấy, và nhờ vậy nảy ra ý kia.

Cầu thủy tinh đã có sẵn - một lớp đá mỏng dính phủ trên tuyết từ nhà de Hirsch đến vịnh Harrison.

Cái đĩa bay làm bằng một tấm dra giường tươi nước rồi phơi ra ngoài trời lạnh, và trở thành ngôi mộ cho người phụ nữ trẻ; chỉ gần gấp bốn cạnh lại. Băng giá làm hết việc còn lại.

Cái đĩa bay tự chế ấy đã trượt xuống dốc, xoay trên chính mình. Nó cứ trượt và không dừng lại được. Nó băng qua vực hẻm, nhào xuống vịnh. Một vật trang trên tuyết trắng. Tất cả vô hình. Chỉ cần gió thổi bay vài cơn lốc tuyết, thế là không còn gì. Muốn tìm thấy, hầu như phải giẫm lên đó. Khả năng rất thấp.

Đấy! Chỉ cần một tấm dra giường cũ ướm kết hợp với hiệu quả tự nhiên của mùa đông để tạo ra vụ bí ẩn khó hiểu, khó lý giải nhất. Một người phụ nữ đã được vận chuyển đi bốn trăm mét bằng một cách thức như phép lạ. Một bệnh nhân đã thực hiện vụ sát nhân gần hoàn hảo.

- Tên khốn! - Baynes phẫn nộ - Dám tiết lộ ngay vào mặt tôi cách thức đã làm mà khiến tôi tưởng rằng hẳn đang kể chuyện tào lao! Có lẽ người phụ nữ đó và tấm dra giường đã bị treo lơ lửng trên cây cho đến mùa xuân. Khi tuyết tan, xác rơi xuống và bị con suối cuốn đến ao mà không để lại dấu vết, manh mối gì - chỉ một tấm dra trải giường cũ! Ta sẽ không bao giờ có chứng cứ.

- Có thể, - De Hirsch nói - nhưng ta cứ để cho hãn biết rằng vụ bí ẩn của hãn không còn gì bí ẩn nữa và đến năm 2000, hãn sẽ trở thành đề tài nghiên cứu của các nhà hình sự học. Tôi sẽ viết cho hãn một bức thư.

De Hirsch bước về phòng làm việc của tôi và suốt nửa tiếng, chúng tôi nghe anh ấy đánh máy chữ. De Hirsch gửi qua bưu điện lá thư ngay chiều hôm đó. Sáng hôm sau, Mark Hillyer nhận thư. Tôi không biết nội dung bức thư, nhưng được Olivier Baynes mô tả cách ông ta nhận thư, theo lời tường thuật của bà giúp việc.

Khi nhân viên phát thư đến, thì bà Hoff đang làm vệ sinh trong phòng làm việc. Bà mang thư đến cho Hillyer đang ngồi ngoài sân hiên làm việc vì trời nóng quá. Hillyer vừa mới liếc qua bức thư thì mặt tái xanh ngay. Và càng đọc, má ông càng đỏ lên không bình thường. Ông vừa lật sang trang thứ nhì, thì ông xé nát thư ra ném vào gạt tàn thuốc. Hillyer bật que diêm bằng đôi tay run đến nổi khó khăn lắm mới châm được lửa vào đồng giấy vụn.

Không nén nổi cơn giận, Hillyer lại chụp lấy cái gạt tàn, ném xuống đất. Suốt một hồi, Hillyer đứng nhìn chăm chăm vịnh Harrison, tay co giật, mở ra nhắm lại.

Rồi ông bắt đầu không thở được, quay lại tìm chỗ vịn, nhưng ông ngã sụp xuống trước khi kịp đến cái ghế. Hai tay quíu lấy ngực và cổ, Hillyer hôn hển:

- Thuốc... Thuốc!

Thuốc trợ tim của ông lại không có trong tủ thuốc, mà để trên tủ kê đầu giường.

Bà Hoff phải mất hai ba phút để tìm ra thuốc. Khi bà vội vàng quay trở về, thì Hillyer đã chết rồi.

Thú thật, kết cục này gây cho tôi ấn tượng rất khó chịu. Nhưng de Hirsch tiếp nhận tin này hết sức bình tĩnh.

- *Utovegre!* - De Hirsch nói.

Có nghĩa rằng cái chết ấy tương đương với lời thú tội!

2

Nét Vẽ Bằng Máu

John Murray

Chắc hẳn quý vị từng ngắm tranh của Louis Fedj. Trị giá tranh ông đã tăng vùn vụt sau cái chết giật gân của ông; chỉ một mình bức tự họa của ông thôi, vẽ rất thực, khỏe mạnh, râu rậm, cổ béo, được ước tính mười ngàn đô-la.

Nhưng Louis Fedj không phải là một nhân vật cường tráng, quan trọng như thế ngay từ đầu. Cách đây cũng không lâu lắm, ông là một chàng trai trẻ nhỏ bé đeo kính, tóc vàng khè, chỉ trưng bày tranh dọc theo hàng rào song sắt công viên Greenwich Village. Khi đó ông được một quả phụ giàu tình mẫu tử phát hiện, bà tổ chức cuộc triển lãm tranh đầu tiên cho ông tại một hành lang nghệ thuật trong khu phố. Cuộc triển lãm đó thành công, và từ đấy, Louis thay đổi hẳn. Cuộc đời của các đại danh họa dường như ảnh hưởng đến ông còn nhiều hơn kiệt tác của họ. Louis Fedj trở thành một phức hợp những họa sĩ mà ông yêu thích nhất: gợi cảm như Gauguin, phóng túng kiểu Rabelais, như Van Gogh, nồng nhiệt như Toulouse-Lautrec. Ông có được tiếng cười ồ ồ, bộ râu đỏ chói, sức ăn như Gargantua, niềm say mê whisky vô bờ bến, tính khí nóng như thuốc nổ và có tiếng là dâm dục.

Trong vòng bảy năm, tầm quan trọng và uy tín của Louis Fedj lớn dần lên. Tác phẩm của ông được trưng bày tại hai hành lang ở Paris và Luân Đôn. Một diễn viên điện ảnh nổi tiếng sưu tập tranh ông; rồi họa sĩ vinh dự có được một cuộc trưng bày toàn thể các tác phẩm kéo dài ba ngày trên các vách tường trắng của Viện bảo tàng Nghệ thuật hiện đại. Phong cách của ông “đông lại”; ông “tự thể hiện mình” bằng những kiểu bùng nổ xanh, đỏ và xanh lá mạ. Ông phun những ống màu sặc sỡ rồi dùng dao tấn công sơn

màu. Hiệu quả tạo ra thường bất ngờ; cả những người thường tự tin về quan điểm và sở thích của mình cũng không tin chắc mình ưa thích tranh của Louis Fedj.

Người ta thường thống nhất rằng một đại danh họa mới đang ra đời và có lẽ lời tiên đoán này đã thành hiện thực nếu như sự xui xẻo không xen vào. Nó xảy ra kín đáo, người ta không hay biết hoặc hầu như không hay biết, dưới dạng một thông cáo nhỏ xíu trên một tờ báo lớn nhất thành phố:

Ông Auguste Bougère, nhà phê bình nghệ thuật Pháp danh tiếng, đã gia nhập ban biên tập tờ Herald.

Tất cả những ai quen giới hội họa đều biết Auguste Bougère. Nghe nói ông từng là bạn thân và cố vấn của Picasso. Người ta nói ông từng chỉ đạo sự nghiệp của nhiều họa sĩ đương thời rất có tiếng. Nhỏ nhắn, hay huơ tay múa chân, mắt sáng rực, ông có tiếng trên cả hai châu lục về ánh nhìn phê bình sắc sảo và miệng lưỡi càng sắc bén hơn nữa. Khi ông khen, thì tuyệt vời; khi ông chê bai, thì thâm hiểm.

Vào một buổi chiều hè oi bức, Louis Fedj ngủ dậy với cơn nhức đầu vì uống rượu như thường lệ. Khoảng nửa chục bức tranh không quan trọng lắm của Louis đang trưng bày tại một hành lang tranh tư nhân trên đường số 57, và khi mở tờ báo buổi sáng ra ở trang thời luận nghệ thuật, Louis ngạc nhiên nhận thấy nhà phê bình du nhập của tờ *Herald* đã ghé qua đó ngày hôm trước. Louis còn ngạc nhiên hơn khi đọc những câu đầu tiên trong bài tường thuật của Auguste Bougère.

Từ ngữ thích hợp với những bức tranh do ông Louis Fedj ký tên có thể là “chấm phá như chất nổ”. Nhưng ta có thể tự hỏi ông Fedj đã lấy cảm hứng từ nguồn nào. Riêng tôi, tôi có cảm giác rằng những chất liệu nổ của ông Fedj chủ yếu gồm trứng rửa, chuối quá chín và thực phẩm khác không ngon lành gì. Kiểu ợ chua bằng màu của thực phẩm hư thối, méo mó vô hình, vô hồn, vô cảm xúc, chỉ có thể là một cơn ác mộng nặng bụng chứ không thể là gì khác nổi...

Khi đọc những câu cay độc kia, lòng dạ Louis Fedj tràn đầy một cơn tức giận muốn giết người. Ông vội vã thay đồ, nuốt nhanh bữa ăn sáng, lao ra khỏi xưởng vẽ để đăm thẳng đến tòa soạn *New York Herald*. Có lẽ ban

biên tập sẽ không bao giờ quên nổi cảnh tượng nhân vật râu ria hung dữ giậm chân sừng sộ trong phòng biên tập. Để tống khứ ông, một người thư ký nhút nhát đưa cho Louis Fedj địa chỉ nhà riêng của ông Bougère.

Fedj bắt gặp ông người Pháp đang mặc áo ngủ bằng lụa thêu, nhâm nhi tách cà phê buổi chiều. Auguste Bougère có vẻ không ngạc nhiên nhiều về sự đột nhập của Louis, và, với một nụ cười hé nở trên gương mặt sáng suốt, lắng nghe ông họa sĩ lớn tiếng chê bai trí thông minh, ngoại hình và cội rễ khả nghi của mình. Có một lúc, trong cơn giận, Louis tóm cổ áo sặc sỡ như thể định bóp cổ nhà phê bình tại chỗ. Ông Bougère thành công trong việc xua đuổi mọi ý tưởng bạo lực bằng cách nói chuyện bình tĩnh, bằng thứ tiếng Anh dở ẹc; rồi Louis Fedj càu nhàu quay lưng bỏ đi.

Louis Fedj nhanh chóng quên đi sự cố, vì say sưa làm việc. Nhưng còn ông Auguste Bougère, mặc dù có vẻ bình thản, thì không quên, và có lẽ không bao giờ quên.

Một tháng sau, nhà phê bình ra tay lần thứ nhì.

Mục thời luận của ông lần này không liên quan trực tiếp đến Louis Fedj; ông nói về triển lãm tranh của một họa sĩ Hungary di cư. Nhưng đoạn thứ ba viết:

... Tuy nhiên, trong khi đa số tranh vẽ của anh thể hiện cảm xúc mãnh liệt chân thật, thì có vài bức tranh gợi nhớ cho tôi kỹ thuật chấm phá mà Louis Fedj đã có công nâng đến mức độ hoàn hảo với phong cách đáng ngờ. Thật là đáng tiếc, bởi vì họa sĩ này xứng đáng với một số phận hay hơn. Có lẽ anh ta nên từ bỏ sắc màu thức ăn ôi thối và các kiểu hình thể như bồ hóng đặc trưng giống cọ vẽ ông Fedj, để tập trung vào những phương diện nghệ thuật phong phú hơn...

Trước cú công kích dữ dội mới này, xuất phát từ ngòi bút nhúng axít của ông Bougère, Louis rống lên như con bò tót bị trúng thương. Lần này, những suy nghĩ sát nhân được ấp ủ trong lòng xém chuyển sang hành động. Louis Fedj tin chắc rằng một họa sĩ không thể để mình bị cản trở bởi những luật lệ chi phối phần còn lại của nhân loại và ông tin tưởng rằng thế giới sẽ không bị hề hấn gì nếu mất đi một nhà phê bình nhỏ bé tầm thường. Nhưng, nếu như những suy nghĩ giết người đang sôi sục trong đầu Louis

Fedj khi chiều hôm đó ông chạy ào vào tòa nhà Auguste Bougère, thì những suy nghĩ ấy sẽ không thành hiện thực. Ông Bougère đi vắng; ông đang ở Chicago dự một cuộc triển lãm tranh để tường thuật lại cho tờ báo thuê ông. Louis đành nhét dưới cửa ông người Pháp một đoạn văn thảo bằng từ ngữ thô tục nhất.

Sáu tuần lễ sau, Fedj giới thiệu một cuộc triển lãm lớn tại một hành lang tranh có tiếng và lo lắng chờ đợi sự kiện này. Các giám đốc hành lang tranh, thường rất nhiệt tình đối với mọi cuộc triển lãm của Louis Fedj, cũng tỏ ra căng thẳng. Sau hai đợt công kích của ông Bougère, lượng tranh bán ra của họa sĩ đã giảm sút rõ.

Theo thường lệ, Louis không tham dự buổi khai mạc: suốt thời gian đó ông ngồi trong một quán rượu cạnh đó. Chỉ qua ngày hôm sau ông mới biết được số phận mình khi được tin rằng nhà phê bình nghệ thuật lừng danh của tờ *Herald* đã có lòng hảo tâm ghé thăm cuộc triển lãm và có ác ý tường thuật lại.

Có lẽ ông Louis Fedj đã đi một vòng các chợ và cửa hàng. Các thức ăn hư thối dùng làm nguồn cảm hứng cho tác phẩm của ông đã được đa dạng hóa lên đáng kinh ngạc. Trong tranh vẽ của ông, ta nhận ra sự đa dạng phong phú những thực phẩm chưa từng gặp trong các tác phẩm trước đây. Trong số đó, ta để mắt đến một cái gì đó có thể là dưa cốm chín quá, những miếng thịt mỡ bị khô mốc, một quả dưa đắng, vài quả trứng và nhiều thực liệu khó nhận dạng khác. Rất tiếc phải nói rằng kết quả trông không hấp dẫn tí nào...

Nếu Auguste Bougère đã có ý chặt ngang sự nghiệp họa sĩ của Louis Fedj, thì ông không thể chọn lưỡi dao bén hơn. Hình ảnh thức ăn ôi thối bám chặt vào tác phẩm của Louis Fedj như một quả trứng thối ném vào một chính trị gia. Các nhà sưu tập từng treo tranh ông tại nhà mình bắt đầu than phiền về một mùi hơi khó chịu do tranh toát ra. Trong vòng hai tuần, lượng tranh mới bán ra sụt xuống bằng không. Bạn bè của Louis, khi ông thành đạt thì rất trung thành, tự nhiên lại tỏ ra bận bịu với những việc khác, với bạn bè khác. Một hợp đồng, ký với một người Texas, chủ nhân một giếng dầu lửa, đang muốn có được một bức tranh của Fedj trong phòng khách,

đột ngột bị hủy ngang. Ba dự án triển lãm tranh tại ba viện bảo tàng khác nhau cũng bị bỏ ngang. Và các hành lang tranh từng thường xuyên trưng bày tranh của Fedj tự nhiên tỏ ra ngại ngùng phải gia hạn thỏa thuận.

Không đầy ba tháng sau, dường như đường công danh của Louis Fedj đã chấm dứt, im lặng và thảm thương.

Tiếp theo là giai đoạn trầm uất nặng. Suốt gần một năm, Fedj bỏ thời gian phung phí số tiền kiếm được trong thời kỳ danh tiếng khởi đầu. Louis Fedj làm việc này không khó khăn gì. Ông đột nhiên tìm lại được vài người bạn đã mất, họ rất vui giúp Louis trút sạch các chai whisky. Theo một kiểu, suốt sáu tháng đầu tiên, thậm chí Louis Fedj thích thú với sự sa sút của mình. Nhưng chẳng bao lâu ông cạn tiền.

Nếu Louis Fedj có tính khí yếu đuối, thì đòn đánh này có thể làm gục ngã ông. Nhưng phải thừa nhận rằng ông không thuộc loại người không có ý chí. Ông lẳng lặng, không tai tiếng, trở về khu Greenwich Village, tìm chỗ ở khiêm tốn. Từ từ, thận trọng, ông cầm lại cọ vẽ và tranh. Ông sống giản dị, bằng tiền kiếm được nhờ vẽ những trang bìa tục tĩu cho các tạp chí đăng tin giật gân. Ông không uống một giọt rượu nào nữa. Ông trở lại thành Louis Fedj như ngày xưa, như chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết, tài năng, ý chí và tự tin vào vận mệnh mình.

Chế độ kỷ luật tự ý này kéo dài suốt gần tám tháng. Cuối thời kỳ này, Louis đã hoàn tất được khoảng bốn chục bức tranh. Từ đáy lòng mình, ông biết rằng đây là bức tranh đẹp nhất cả cuộc đời họa sĩ của mình. Và ông cảm thấy rằng mạng sống của chính mình tùy thuộc vào sự thành của những bức tranh này.

Rõ ràng vị giám đốc hành lang tranh rất lúng túng khi nhận lời tiếp Louis. Tai tiếng vẫn còn vấy bẩn vào tên của Louis Fedj khiến ông giám đốc lo lắng. Nhưng khi Louis cho ông xem tranh, thì ông phân vân. Rồi khi nhìn kỹ hơn, ông nhận ra rằng chữ ký là điểm chung độc nhất giữa những bức tranh này với những bức đã làm cho lưỡi rìu sáng bóng của Auguste Bougère chém xuống, sắc màu tươi tắn và đầy rung động; hình thể và nội dung cảm xúc rất vững chắc đầy đặn; vật và người dễ nhận ra; vũ công balê với cái cổ mềm dẻo, chú hề, nghệ sĩ nhào lộn, người hát rong, người

Polynesie với làn da màu sôcôla, cảnh tượng đường phố, cầu, cây hoa lạ lùng. Rõ ràng có một khuynh hướng mới nơi Louis Fedj và đáng để có một cuộc triển lãm.

Rốt cuộc người ta cũng thống nhất được với nhau và chẳng bao lâu người ta bắt đầu nói về chuyện Fedj trở lại. Những người bạn cũ lại tái xuất hiện. Tên tuổi của Louis càng lúc càng thường xuyên hơn trên các mục thời luận nghệ thuật, nơi người ta đặt dấu hỏi về phong cách mới của ông. Chỉ có một nhà phê bình vẫn giữ im lặng một cách khó chịu: ông Auguste Bougère.

Khi đến ngày triển lãm, Louis Fedj, đã từ bỏ rất nhiều thói quen cũ, cũng không còn chê bai các bữa khai mạc và đi đến hành lang tranh. Ông căng thẳng đi bách bộ, nhìn khách lần lượt bước vào, kính cẩn bắt tay các khách hàng lớn và, nói chung, cư xử như họa sĩ khiêm tốn nhất, ông rình rập khắp hành lang tranh, nghe được những bình luận khâm phục về các tranh vẽ mới và một ít lòng tự tin cũ trở về với ông. Lưng ông thẳng lại; dáng đi vững vàng hơn; thậm chí ông còn phá lên cười. Một tiếng sau khi khai mạc, ông đã trở lại với Louis Fedj ngày xưa.

Khi đó Auguste Bougère bước qua cửa.

Khi thấy ông người Pháp bước nhanh qua hành lang tranh, tay đút túi, đôi chân ngắn lạnh lợi, Louis cảm thấy mạch tim đập nhanh lên. Ông nhìn theo nhà phê bình từ *Herald* đứng trước tranh, hai chân dạn ra, chìa cái mũi khoằm ra trước trong khi cặp mắt sáng rực như đâm xuyên qua những lớp sơn trét trên vải tranh. Sự hiện diện của ông khiến đám khách tham quan cảm thấy khâm phục; họ tránh ra để cho phép ông thoải mái xem xét các tác phẩm của Louis Fedj.

Từ từ, như đang bị nhập đồng, Louis bước lại gần.

- Ông Bougère ời?

- Vâng, sao hả?

Bằng động tác đột ngột, người đàn ông nhỏ bé xoay cái đầu to để nhìn Louis.

- Tôi... tôi muốn cảm ơn ông đã đến.

- À há?

Ông người Pháp có vẻ không hiểu. Rồi môi ông hở ra để lộ một nụ cười có răng nanh.

- À! Phải rồi, dĩ nhiên. Anh đã không trưng bày tranh, ờ ờ, một khoảng thời gian rồi phải không?

- Không trưng bày.

- Vậy những bức tranh này mới hả?

- Đúng.

- Hiểu rồi.

Ông đâm thẳng ra cửa, lôi Louis đi theo phía sau.

- Phong cách tôi có thay đổi đi một chút - Louis lưỡng lự nói - Tôi đã lấy nguồn cảm hứng nhiều từ trường phái ấn tượng chủ nghĩa. Việc sử dụng sắc màu tinh khiết...

- Sao hả? - Ông Bougère nói.

- Sắc màu. Như bức này chẳng hạn. Tôi đặt là *Xe đạp*...

- Dễ thương nhỉ! - Nhà phê bình nói.

- Thật à, ông nghĩ thế à?

- Thật chứ.

Nụ cười nở rộng hơn.

- Dễ thương theo kiểu hình vẽ trẻ con. Có thể gọi là...

Ông tuyệt vọng tìm từ ngữ thích hợp và cuối cùng nói bằng tiếng Pháp:

- *Le charme de l'innocence*...

Louis có vẻ lưỡng lự.

- Đúng là tôi có tìm kiếm một sự ngây thơ trong trắng nào đó...

- Nhưng ông đã thành công mà - Bougère nói với một nụ cười ngọt ngào - Những điều tôi nhìn thấy hết sức ngây thơ. Từ phong cách, cảm xúc, hình thể, ý nghĩa...

- Sao ạ?

- Kìa, ông Fedj ơi, ta hãy nói thẳng thắn với nhau đi. Mấy tranh vẽ này, là những trò đùa nhỏ của ông thôi. Đối với quyển sách tranh dành cho trẻ thơ, thì có thể được; đối với người am hiểu nghệ thuật... (ông lắc đầu)
Ông và tôi đều hiểu rõ nhau mà, phải không?

- Trời ơi, ông đang nói gì vậy?

- Xin ông, - Ông Bougère nói với thái độ bị xúc phạm - không cần phải to tiếng đâu. Ta đang ở nơi công cộng mà.

- Ông không hề *nhìn* những bức tranh này và ông còn chưa *xem xét*...

- Có cần phải xem xét hình vẽ trên các trang hình châm biếm không?

Câu trả lời của Louis mắc nghẹn lại trong cổ họng ông. Ngược ông phồng to lên, mắt ông như muốn lồi ra khỏi đầu; mặt ông đỏ gay lên, từ chân tóc cho đến đường râu. Đúng lúc Louis Fedj định có một hành động bạo lực nào đó trước mặt mọi người thì ông Auguste Bougère đã quay gót và cương quyết bước ra cửa.

- Chờ đã! - Louis kêu lên - Ông đi đâu vậy?

- Sắp mười một giờ khuya rồi - Bougère tử tế trả lời - Tôi còn phải về nhà để chuẩn bị viết bài báo chứ. Ông thông cảm cho. Xin lỗi nhé.

- Nhưng ông thật bất công! Ông chưa xem gì cả!

- Chào ông Fedj.

Trọn một phút trôi qua trước khi Louis hoàn toàn nhận thức được ý nghĩa sự ra đi đột ngột của nhà phê bình. Khi hiểu ra, đôi chân Louis tự động lôi ông ra cửa. Khi ra đến ngoài, ông hoảng hốt nhìn tứ phía để tìm ông Pháp. Không thấy đâu hết.

Khi ấy Louis chuyển sang hành động mà không cần suy nghĩ một giây. Ông chạy đến góc đường, nhảy lên chiếc taxi, báo địa chỉ tòa nhà nơi ông Bougère ở, tại Central Park South. Ông cắn móng tay cho đến khi chiếc taxi dừng trước cổng vào.

Không thấy người gác cổng đâu và thang máy nhỏ chạy tự động. Louis bấm lên nút số mười hai.

Khi trả lời tiếng chuông, Auguste Bougère bắt đầu nói:

- Anh đến sớm quá...

Rồi Auguste Bougère chau mày:

- Ông Fedj à? Tôi tưởng ông là cậu bé chạy việc của tờ *Herald*.

- Tôi cần nói chuyện với ông - Louis nói - Tôi vào được không?

- Để khi khác đi. Tối nay tôi bận làm việc.

- Chỉ một lát thôi...

- Rất tiếc là không được.

Nhưng trong tình thế hiện tại, Louis không thể nào chấp nhận lời từ chối. Ông giữ cửa mở cho đến lúc thấy ánh mắt ông Bougère bắt đầu lo lắng. Nhưng nét mặt của ông người Pháp lại thư giãn ra, một nụ cười xuất hiện trên môi, rồi ông nhún vai.

- Thôi được - Ông nói - Nhưng chỉ một lát thôi, bởi vì tôi đang chờ thẳng bé từ tòa soạn. Ông thông cảm nhé?

Louis bước vào căn hộ. Nhà đầy ắp đồ gỗ kèn càng, bàn ghế cổ xưa. Trên bàn viết chạm khắc cầu kỳ, cái máy đánh chữ bằng sắt xám trông lạc lõng. Một tờ giấy còn trắng đã nhét sẵn trong máy và Louis Fedj liếc nhìn, nhịp thở gấp hơn.

- Ông định viết gì vậy? - Louis quay lại hỏi - Ông phải nói cho tôi biết, Bougère à! Ông định viết gì về tranh của tôi!

Ông người Pháp dang hai bàn tay mở ra.

- Không biết nữa. Tôi đang chờ cảm hứng.

- Ông nói láo! Ông thừa biết ông sẽ viết gì. Những gì ông đã nói... Bài diễn thuyết của ông về sự ngây thơ...

- Cũng khá chứ nhỉ? - Bougère nhe răng cười nói.

- Tôi không thể để ông viết nữa. Bougère, lần cuối cùng, ông đã hủy diệt tôi...

Ông người Pháp thốt ra tiếng cười khúc khích.

- Phải, ông thừa biết! - Louis tức giận la lên - Những gì ông đã viết... Chuyện thức ăn ôi thối! Phá hủy cuộc đời tôi!

- Tôi chỉ là một nhà phê bình khiêm nhường...

- Tôi cần phải biết! Ông định viết gì?

Ông Bougère nhún vai, bước qua trước mặt họa sĩ để đến với máy đánh chữ. Các ngón tay ông lướt nhẹ bàn phím, trong khi ông nghiêng đầu sang một bên nhìn khách.

- Tôi sẽ viết sự thật... người Mỹ các ông nói thế nào nhỉ? Nhưng tôi cho rằng ông là họa sĩ tồi. Họa sĩ rất tồi.

Ông mỉm cười, như thể mong đợi người kia sẽ thấy sự vô tư của ông là dễ thương. Số phận của ông được quyết định qua độ rộng của nụ cười ấy

bởi vì có lẽ Louis Fedj đã hành động khác đi nếu như lời nhận xét độc ác kia đi kèm với một cái chau mày. Nhưng nụ cười là lời sỉ vả tột độ; nụ cười không cho phép Louis có thái độ nào khác ngoài thái độ đã chọn. Louis Fedj tóm cổ ông người Pháp. Bị tấn công, ông Bougère kêu lên một tiếng nhỏ nhưng vùng ra được. Ông chạy xuống cuối phòng, kêu lên một câu gì đó bằng tiếng Pháp, trong khi Louis rượt theo. Cuối cùng Louis dồn được ông Bougère vào góc. Hai bàn tay Louis tóm cái cổ gầy của nhà phê bình. Ông Bougère kêu ọc ọc nhưng tròn trĩnh nhìn lên trần nhà. Louis hất cái đầu to ra phía sau, cái đầu va vào tường nhà dán giấy hoa với tiếng kêu dễ chịu. Bougère rên khẽ, Louis lại hất đầu ông ra sau nữa. Bougère lại rên, vẻ mặt ngơ ngác ra và toan vùng vẫy yếu ớt. Cú va đầu vào tường lần thứ ba là kết liễu; nhà phê bình rên lên một tiếng kéo dài rồi mềm nhũn. Khi Louis thả ra, ông trượt theo tường nhà, ngã sụp xuống đất thành một đống tội nghiệp.

Louis cúi xuống nhìn, với thái độ bình tĩnh lạ thường vào một thời điểm như thế. Louis cầm cổ tay gầy nhưng không thấy mạch đâu. Louis đặt lòng bàn tay ngay miệng nhà phê bình nhưng cũng không thấy hơi thở nào.

Louis đứng dậy, nghĩ đến những gì sẽ làm tiếp theo. Đã gần mười một giờ rưỡi; cậu bé chạy văn thư của tờ *Herald* sắp đến lấy bài viết của ông Bougère, để đăng lên số báo đầu tiên sáng mai. Nếu thằng bé bắt gặp Louis ở đây...

Louis bước ra cửa, rồi quay lại, mắt nhìn chăm chăm tờ giấy trắng đã cài sẵn trên máy đánh chữ của ông Auguste Bougère.

Louis mỉm cười, mang ghế đến gần.

Suốt một hồi Louis nhìn trơ trơ vào tờ giấy trắng. Dù sao, Louis là họa sĩ mà; chứ đâu phải nhà văn.

Nhưng Louis vẫn bắt tay vào việc.

Tôi thật sự thích thú thông báo rằng, sau một năm vắng bóng, ông Louis Fedj đã trở về cuộc triển lãm nghệ thuật ấn tượng tươi đẹp nhất mà ta từng được thấy ở đất nước này từ nhiều năm hay. Vì tôi đã từng gay gắt phê phán những tác phẩm trước của ông Fedj, tôi muốn là người đầu tiên thừa nhận sai lầm mình, vì tôi đã không biết nhận ra cảm xúc sâu sắc và kỹ

thuật xuất sắc trong kỹ năng của ông Fedj. Cuộc triển lãm tối hôm qua chắc chắn đối với tôi đã là kinh nghiệm hấp dẫn nhất trong đời tôi, một kinh nghiệm mà có lẽ tôi đã rất vui nếu được chia sẻ với người bạn thân, ông Pablo Picasso...

Louis Fedj tiếp tục viết, ông say sưa làm việc đến nỗi quên mất kim đồng hồ chạy về mười hai giờ khuya nhanh như thế nào. Khi Louis viết đến kết luận, đã mười hai giờ kém ba phút.

Louis đứng dậy nhanh, chà mấy ngón tay đen xì vào phím để xóa dấu vân tay. Không phải vì Louis nghĩ rằng cái chết của ông Bougère sẽ kéo theo một cuộc điều tra; chắc chắn người ta sẽ xem đó là một tai nạn nhỏ. Louis nhìn xuống người chết, ông Bougère có vẻ tự kiêu hơn bao giờ hết.

Sau đó, Louis ra cửa.

Louis đi thang máy đến tầng hai rồi đi xuống cầu thang đến tầng trệt. Nhưng sự thận trọng của Louis dư thừa; vẫn không thấy người gác cổng đâu. Louis ra đến góc đường, vẫy chiếc taxi đi về nhà.

Louis ngủ rất ngon, một giấc ngủ không mộng mị.

Louis thức dậy lúc chín giờ. Mặt trời sáng rực và trong lòng Louis có cảm giác như buổi sáng Giáng sinh. Louis mất một hồi để nhận ra cảm xúc dễ chịu này, rồi nhớ lại chuyện tối hôm qua và nghĩ ngay đến những gì có thể đọc trong số báo *New York Herald* đầu tiên sáng nay.

Louis vội vàng thay đồ, không thềm tắm rửa. Ông tự pha một tách cà phê, bỏ lên bếp. Rồi Louis mở cửa căn hộ ra kiốt mua báo, cách đó hai con đường.

Louis gặp hai người đang lên cầu thang và mỉm cười với họ. Thậm chí nụ cười vẫn còn trên môi khi Louis nhận ra chức vụ hai người đó. Một người, nước da xám xịt, chân mày rậm, nói với Louis:

- Tôi là trung úy Burrows, ông Fedj à. Thuộc đội hình sự. Đây là trung úy Smiley. Chúng tôi mời ông đi theo chúng tôi.

- Được thôi - Louis trả lời và nhắm mắt lại một nửa - Tôi có thể biết lý do không?

- Chuyện về ông Bou... (ông cảnh sát nói không được tên Pháp) về nhà phê bình của tờ *Herald*. Dường như ông ấy chết tối nay.

- À! Thế sao?

Louis không hề giả vờ ngạc nhiên; Louis chỉ tỏ ra quan tâm thôi.

- Thì, tôi không hiểu tôi có thể giúp gì được các ông. Tôi chỉ gặp ông ấy một lát tại hành lang tranh và ông ấy hoàn toàn...

- Khoan đã - Người cảnh sát thứ nhì xen vào - Dường như ông chưa hiểu, ông Fedj à. Chúng tôi bắt giữ ông vì tội danh sát nhân và ông phải được nghe về quyền lợi của ông. Chúng tôi buộc phải báo với ông rằng kể từ nay tất cả những gì ông nói có thể được ghi lại thành văn và có thể được sử dụng...

- Ông nói gì vậy? - Louis gầm lên - Sát nhân gì?

- Tôi nghĩ ông nên chờ nghe hết câu chuyện Burrows nói.

Louis chờ nhưng chỉ một tiếng sau, trong văn phòng đồn cảnh sát, người ta mới báo tin cho Louis.

- Thằng bé tờ *Herald* đến nhà lúc khoảng mười hai giờ kém mười - Burrows nói - Cậu bé đến lấy bản tường thuật cho ấn bản buổi sáng. Chính cậu bé đã tìm thấy xác chết. Cậu bé gọi chúng tôi và chúng tôi đến căn hộ; người tòa soạn *Herald* đến ít lâu sau đó. Chính lúc ấy, họ đã để ý thấy bản tường thuật...

- Bản tường thuật à?

- Đúng. Dường như họ tìm thấy bản tường thuật đó trên máy đánh chữ của tay người Pháp, nhưng họ thấy nó rất lạ lùng. Ông hiểu không, tay Bougère ấy có thể rất giỏi về việc phê bình, nhưng lại rất dở tiếng Anh. Tòa soạn báo có một người dịch thuật đang chờ bài viết của ông Bougère.

Louis há miệng nhìn trung úy cảnh sát.

- Người dịch à?

- Phải, Bougère viết mọi bài tường thuật bằng tiếng Pháp. Vậy mà bài chúng tôi tìm thấy... thì được viết bằng tiếng Anh, ông Fedj à.

- Và rõ ràng do một người rất hâm mộ ông.

Louis không rời mắt khỏi tờ báo nổi.

- Họ có đăng bài tường thuật đó không?

- Ông tự đọc đi.

Louis hấp tấp lật trang. Phía trên mục thời luận của ông Bougère có dòng chữ nghiêng viết:

Vì lý do ông Auguste Bougère qua đời đột ngột, Herald đã giao bài viết ngày hôm nay cho Frederick Mostyn, nhà phê bình nghệ thuật thuộc Associated News Service.

Rồi Louis đọc bài tường thuật:

Tối hôm qua, tại hành lang tranh Calhoun, Louis Fedj trưng bày một loạt tác phẩm mới chứng tỏ ông là một họa sĩ rất có tương lai...

3

Mới Vào Nghề

Glenn Canary

Jack Breed đóng cửa lại phía sau lưng rồi bước đến cái bàn viết bằng gỗ dái ngựa.

- Thưa ông McIntosh, ông cần nói chuyện với tôi phải không ạ? - Jack hỏi.

Harold McIntosh chỉ ngược mắt lên khi ký xong chồng thư. Khi ấy ông nói:

- Mời cậu ngồi xuống. Hút một điếu nhé?

- Dạ không. Cám ơn ông.

- Tự nhiên đi chứ! Tôi không hề có ý sa thải cậu đâu.

Breed mỉm cười.

- Tôi biết. - Breed nói.

- Tôi có một lời đề nghị với cậu.

- Dạ?

Breed đang ngồi, thẳng lưng. Breed đã cài trước tất cả nút áo vét, nhờ biết phải có thái độ như thế nào.

- Tôi đã điều tra sơ về tình hình gia đình cậu. - McIntosh vừa nói vừa đưa tay lên để xoa dịu - Cậu đừng lo, tôi chỉ muốn kiểm tra xem cậu có đúng là người tôi cần hay không.

- Hy vọng ông hài lòng về tôi?

- Đúng, tôi rất hài lòng.

- Cuộc điều tra của ông có mang lại kết quả tốt đẹp không?

- Rất tốt.

Cuối cùng Breed bình tĩnh châm điếu thuốc, hút một ngụm.

- Ông đã tìm hiểu được gì?

- Cậu có những món nợ lên đến vài ngàn đô-la.

- Đúng.

- Thông thường, - McIntosh nói - công ty chúng tôi rất dè dặt những người mắc nợ.

- Tôi không hề cố tình mắc nợ.

McIntosh tựa lưng vào ghế rồi mỉm cười.

- Tôi biết. Cậu cứ tự nhiên đi... tôi biết cậu không phải loại người lười thôi. Mẹ của cậu góa chồng và bị liệt. Cậu còn phải nuôi đứa em trai còn học trung học. Và cậu còn có một vị hôn thê mà cậu mong cưới ngay khi kiếm được đủ tiền.

- Ông mô tả tình thế khá chính xác.

- Cậu mắc nợ khoảng năm ngàn đô-la. Ở đây cậu kiếm được một trăm mười đô-la một tuần, và cậu không biết làm cách nào để thoát khỏi tình thế này.

McIntosh nói bằng một giọng xẵng và vô hồn, như thể đang đọc số thống kê cho thư ký ghi chép.

- Dạ đúng, Breed nói mà không kiếm được đôi tay run rẩy.

- Cậu cứ bình tĩnh đi - McIntosh nói tiếp - Tôi không mời cậu đến đây để bàn luận về khó khăn tài chính của cậu. Tôi chỉ muốn đánh thức sự quan tâm của cậu và làm cho cậu hiểu tại sao tôi chọn cậu cho vụ này.

- Tôi hiểu ạ.

- Tôi sẽ cho cậu - McIntosh thông báo và nói rõ từng từ mà không nhìn vào mắt chàng trai trẻ - cơ hội kiếm được mười lăm ngàn đô-la.

- Sao ạ? - Breed thốt lên.

- Chắc là cậu cần mười lăm ngàn đô-la chứ?

Breed phá lên cười.

- Tôi phải giết ai để có được số tiền đó?

- Vợ tôi.

- Cái gì?

- Phải giết vợ tôi.

Breed đứng phắt dậy khỏi ghế, nhưng rồi ngồi trở xuống.

- Thưa ông, tôi không hiểu trò đùa này.

- Không phải trò đùa.
- Không thể có chuyện này được, làm sao tôi có thể giết vợ ông!
- Tại sao không? Cậu không hề quen biết gì vợ tôi ma.

Breed nén tiếng cười căng thẳng.

- Tôi không nghĩ đó là lý do đủ để giết chết một người nào đó.
- Mười lăm ngàn đô-la là lý do rất tốt...
- Tôi không thể tin ông đang nói chuyện nghiêm túc!
- Tôi hết sức nghiêm túc. (McIntosh cúi qua bàn viết) Đây, nếu điều này có thể trấn an lương tâm cậu, thì cậu đừng giết, để tôi lo việc này.
- Tại sao ông lại yêu cầu tôi việc này? Tại sao ông không tự làm lấy?
- Hiển nhiên quá mà. Khi một người vợ bị giết, người ta luôn nghi ngờ người chồng. Vậy người chồng phải có chứng cứ ngoại phạm thật vững vàng, và tôi có ý định tự tạo cho mình một chứng cứ ngoại phạm hoàn hảo.
- Còn tôi, tôi sẽ không có à?
- Cậu không cần có. Ai lại nghĩ đến chuyện nghi cậu? Cậu có cứ gì để giết vợ tôi đâu?

Breed dập tàn thuốc, rồi châm ngay một điếu thuốc mới.

- Sao ông lại nghĩ tôi có thể quan tâm đến lời đề nghị của ông? - Breed hỏi.
- Ai cũng quan tâm đến tiền và có một số người cần tiền hơn những người khác.
- Còn nếu tôi từ chối? Nếu tôi kể hết cho cảnh sát nghe?
- Cảnh sát có chịu tin cậu không?
- Có thể không, nhưng nếu sau này vợ ông bị ám sát, thì cảnh sát sẽ nhớ.
- Dĩ nhiên - McIntosh mỉm cười trả lời - Nhưng cậu làm thế để làm gì?
- Để tránh cho một người khỏi bị ám sát.

- Thôi đi! Tôi nói lại, cậu không hề quen biết gì vợ tôi. Vợ tôi không là gì đối với cậu cả. (McIntosh nói nhanh, như một nhà quản trị) Tốt hơn, cậu hãy nghĩ đến số tiền mười lăm ngàn đô-la thì hơn. Cậu sẽ thanh toán được nợ nần, trả tiền học cho thằng em trai và còn đủ để cưới vợ nữa.

Breed cúi mặt xuống nói:

- Ông muốn chuyện xảy ra như thế nào?
- Tùy cậu quyết định.
- Còn thời hạn? Ông muốn bao giờ thì phải làm xong?
- Chính cậu sẽ nói cho tôi biết. Cậu cứ chuẩn bị rồi khi đến lúc, cậu báo cho tôi biết. Tôi sẽ lo chứng cứ ngoại phạm.

- Đồng ý - Breed kết luận - Nhưng tôi muốn tiền phải trả trước.
- Cậu không tin tôi à?
- Không tin lắm, nhưng đó không phải là vấn đề. Lỡ tôi bị bắt thì sao?
Trong trường hợp đó, tôi muốn gia đình được dùng số tiền đó.

- Được rồi, anh sẽ có tiền tối nay.
- Một chuyện cuối cùng. Tại sao ông muốn vợ ông phải chết?
- Không phải việc của cậu.
- Thưa ông McIntosh, ông thứ lỗi cho tôi, nhưng trong tình huống này, thì không còn chỗ cho sự lễ phép kính cẩn của nhân viên. Nếu phải giết người, thì tôi cần biết tại sao.

McIntosh lắc đầu.

- Thì cứ cho là tôi ghen. Động cơ tôi riêng tư, còn động cơ của cậu là tiền.

Breed đứng dậy.

- Tôi sẽ cho ông biết khi nào tôi sẵn sàng hành động.
- Phải nói, - McIntosh nói thêm khi Breed đã ra đến cửa - tôi không ngờ cậu sẽ bình tĩnh như thế.

- Phải - Breed trả lời - Phải, tôi rất bình tĩnh. Lạ quá phải không?

Breed định đi luôn, nhưng rồi quay lại.

- Nếu ông cho phép, chiều nay tôi sẽ không đến công ty.

Khi đã ra khỏi tòa nhà, Breed cố nghĩ đến những gì mình vừa mới làm, nhưng lại thấy giống như bài tập tu từ học không liên quan gì với thực tại. Jack Breed cảm thấy ngạc nhiên vì mình rất bình tĩnh, và càng ngạc nhiên hơn nữa khi nhận thấy mình có thể tiến hành một việc như thế mà không mà có cảm giác tội lỗi gì. Jack Breed chỉ có một cảm giác nhẹ bồng, và hẳn hiểu rằng nguyên nhân là do tiền. Thanh toán nợ là một sự giải thoát. Ngoài ra, McIntosh nói đúng, Jack Breed không hề quen biết gì

người phụ nữ kia. Làm thế nào có thể khóc buồn cái chết của những kẻ lạ hoắc?

- Vũ khí!

Ý nghĩ này đặt vào Jack mạnh đến nỗi hắn nói lớn tiếng. Làm cách nào để tìm một vũ khí? Ở New York, ta không thể tự nhiên đi mua một cây súng được. Jack biết mình không thể nào dùng dao được. Nhấn chìm? Chuyện bà McIntosh mời Jack đi bơi cùng là rất khó có thể xảy ra... mà ở thành phố, có chỗ nào khác để nhấn chìm người ta ngoài cái bồn tắm?

Khi đó Breed nhớ ra khẩu súng cũ của cha. Có lẽ súng vẫn còn trong căn hộ mẹ. Breed biết chắc rằng súng vẫn còn được cất kỹ bởi vì cha luôn rất cẩn thận. Mà khẩu súng cũng không đăng ký, nên sẽ không có cách để từ khẩu súng lần ra được Jack Breed.

Khi Jack về đến nhà, mẹ đang ngủ trưa. Bà đang trong phòng tắm nắng và cô y tá khá hài lòng vì chuyến thăm không báo trước này. Breed dặn cô y tá không phải quấy mẹ. Jack yêu cầu chỉ nói lại với mẹ rằng Jack đến xem qua đồ đạc của cha. Jack biết mẹ sẽ thích bởi vì mẹ thường lập đi lập lại rằng Jack và em trai có vẻ quên cha nhanh quá.

Khẩu súng nằm đúng chỗ mà Jack nhớ, được bôi dầu kỹ, trong ngăn tủ cuối cùng. Bên cạnh có một hộp đạn.

Jack chờ một chút vì không muốn cô y tá thắc mắc sao hắn ra đi nhanh quá.

- Anh Jack ơi, vị hôn thê của Jack nói khi hắn điện thoại cho cô. Anh có chắc là anh khỏe không?

- Anh chỉ hơi nhức đầu một chút thôi, và anh lại cần ghé nhà để cất đồ. Anh nghĩ một giấc ngủ tốt sẽ hữu ích cho anh hơn là một đêm đi chơi phố. Anh yêu em.

- Em cũng yêu anh.

- Em này...

- Sao ạ?

- Không có gì, anh yêu em, vậy thôi.

- Anh có chắc là ổn cả không?

- Không có sao đâu - Jack nói - Thật mà.

Em trai của Jack đi thư viện rồi, nên Jack gần như ở nhà một mình. Jack lau chùi khẩu súng thật kỹ. Jack mất một tiếng rưỡi để làm việc này vì làm đi làm lại nhiều lần.

Đạn đã cũ nhiều năm và Jack tự hỏi không biết chúng còn tốt không.

Jack lắp đạn vào, đứng dậy ra gương tự soi. Jack cảm thấy mình thật vô duyên, với khẩu súng trong tay.

Jack cho súng vào túi rồi bước ra. Jack bước đi suốt khoảng một tiếng rồi cuối cùng dừng bên bờ sông, trong bóng một nhà tàu và nhìn mặt nước.

Jack rút súng ra khỏi túi, nhắm một ánh sáng phản chiếu dưới nước. Khi bóp cò, tiếng nổ mạnh đến nỗi Jack giật mình và xém thả súng ra. Jack hoảng hốt nhét súng vào túi, bỏ chạy. Sau khi đi được vài trăm mét, Jack hỗn hển dừng lại để nhìn lại phía sau lưng. Đường vắng vẻ. Thậm chí không thấy một ánh đèn.

Khi về đến nhà, Jack gặp cậu em trai trong bếp, đang ngồi uống cà phê.

- Anh đi đâu mất tích vậy? - Cậu em hỏi - Cô vợ hôn thê bị bỏ rơi của anh có gọi điện thoại nhiều lần. Nghe chị ấy nói rằng anh bệnh. Em biết tình trạng tài chính của anh, nên biết rõ anh không bỏ đi ăn nhậu. Chị ấy cũng biết rõ như thế, nhưng chị ấy thấy lạ và anh nên tìm một cái cớ cho hay hay để xin lỗi chị ấy.

- Câm mồm! - Jack kêu.

Cậu em trai nghiêm túc trở lại.

- Anh có chuyện gì vậy?

- Không có chuyện gì cả.

- Kìa, anh hai ơi. Em biết anh mà, anh hai à. Anh bị rắc rối à?

- Không.

- Vậy anh kể em nghe anh đi đâu đi.

- Chỉ đi dạo thôi.

Khẩu súng đè nặng trong túi Jack...

Sáng hôm sau, khi bước vào phòng làm việc của Harold McIntosh, Jack Breed ngồi xuống ghế ngay, không chờ mời. Mắt Jack thâm đen vì

mệt mỏi, nhưng Jack vẫn bình tĩnh.

- Sao? - McIntosh hỏi.

- Tối nay.

- Nhanh thế à?

- Tôi không thích chuyện này. Tôi muốn làm cho xong cho rồi. Ông có thể sẵn sàng cho tối nay không?

- Tôi ngạc nhiên vì cậu chuẩn bị nhanh quá!

- Chẳng có gì mà chuẩn bị cả.

- Cậu sẽ làm thế nào?

- Ông hỏi làm gì? Ông thích nghe những chi tiết rùng rợn à?

Câu hỏi làm McIntosh lúng túng. Hắn cười căng thẳng.

- Không - McIntosh nói - Có lẽ anh đừng nói thì hay hơn. Không hiểu sao tôi không bao giờ tìm được điều thuốc khi đang cần, McIntosh vừa nói vừa lục túi áo.

Jack Breed đưa cho McIntosh gói thuốc rồi nói tiếp:

- Ông có tiền chưa?

- Có, có. (Động tác của McIntosh giật giật) Tôi đã sắp xếp rồi. Mười lăm ngàn đô-la tiền mặt. - McIntosh vừa nói vừa lấy một gói ra khỏi ngăn kéo tủ.

Breed cầm tiền.

- Ông sẽ có chứng cứ ngoại phạm cho tối nay chứ?

- Tôi sẽ lo chuyện này.

- Vợ ông sẽ có ở nhà chứ?

- Có.

- Một mình chứ?

McIntosh ngược mắt lên nhanh và như định nói một cái gì đó, nhưng chỉ gật đầu.

- Hai mươi hai giờ, được không? - Breed hỏi.

McIntosh lại gật đầu.

Breed đứng dậy, bước ra khỏi phòng không nói tiếng nào. McIntosh đứng dậy định níu Jack lại, nhưng rồi ngã sụp xuống ghế.

Mười giờ tối hôm đó, bà Irene McIntosh đang xem truyền hình trên phòng ngủ.

Bà vừa hút thuốc vừa nhâm nhi một ly soda whisky. Bà bỏ điếu thuốc và ly rượu xuống để ra cửa xem ai bấm chuông.

Trước khi chết, bà kịp có vẻ ngạc nhiên rằng có kẻ muốn giết bà.

Khi cảnh sát đến căn hộ nhỏ của Jack Breed, thì buổi party đã bắt đầu từ lâu. Lúc đó là hai giờ sáng và chàng trai trẻ ra mở cửa nhìn kỹ thẻ của cảnh sát rồi gọi:

- Jack ơi, cảnh sát đến kiểm tra kìa! Hàng xóm than phiền cái thùng loa của cậu đấy!

Jack Breed ra cửa. Một cô gái tóc vàng xinh đẹp đi theo.

- Tôi xin lỗi về cái thùng loa gây ồn ào - Jack nói - Tôi sẽ cho tắt ngay, mời các anh vào nhà uống một ly.

- Chúng tôi không đến gặp anh về vấn đề đó.

- Anh Jack ơi, em nghi anh là điệp viên quốc tế giả danh quá - Cô gái tóc vàng nói - Nghĩ lại, em sẽ không lấy anh làm chồng đâu!

- Chúng tôi có thể gặp anh riêng một chút được không? - Một người cảnh sát nói.

- Đây là chỗ riêng tư nhất trong nhà rồi - Jack Breed nói - Cô này là vị hôn thê của tôi. Tôi nghĩ cô ấy có quyền được nghe tất cả những gì mà cảnh sát muốn nói với tôi.

- Lúc mười giờ tối nay anh đang ở đâu? - Người cảnh sát nghiêm trang hỏi.

- Ở tại đây.

- Anh có thể chứng minh được không?

Jack Breed phá lên cười.

- Thì ở đây có hai chục người có thể làm chứng rằng tôi đã ở đây suốt từ tám giờ tối đến giờ.

- Đúng - Cô gái tóc vàng nói - Và em nghi anh ấy và em sẽ không rời nhau đến tận rạng sáng.

Nhóm cảnh sát nhìn nhau.

- Sao vậy? - Jack Breed hỏi - Các anh nghi tôi ở đâu lúc mười giờ tối nay?

- Anh có biết Harold McIntosh không?

- Dĩ nhiên là biết chứ!

- Chiều nay anh có đe dọa ông ấy không?

- Dĩ nhiên là không có! Sao vậy? Ông ấy bị đập đầu hay sao vậy?

- Ông ấy khẳng định anh đã đe dọa ông ấy. - Người cảnh sát nói lại.

- Vậy thì ông ấy nói láo.

- Vợ ông ấy đã bị giết tối nay. Lúc mười giờ.

-Ồ! - Jack kêu - Chuyện buồn quá.

- Sao vậy? Anh có quen với bà ấy à?

- Không, tôi chưa bao giờ gặp bà ấy, tôi chỉ lấy làm buồn.

- McIntosh khẳng định là đã đuổi việc anh chiều nay và bị anh đe dọa.

Jack phá lên cười:

- À! thì ra là chuyện đó! Tôi chỉ bảo ông ấy sẽ hối hận vì đuổi tôi, nhưng ý tôi là tôi sẽ sang làm việc cho công ty cạnh tranh và sẽ ra sức giành mọi hợp đồng của ông ấy.

- Anh ở nhà từ lúc hai mươi giờ đến giờ à?

Breed nhún vai.

- Thì các anh cứ thử hỏi đám bạn bè khách khứa của tôi!

- Thôi được - Người cảnh sát nói - Xin lỗi vì đã làm phiền anh. Nhưng chúng tôi phải kiểm chứng.

- Tôi cứ tưởng người chồng sẽ là người đầu tiên bị nghi ngờ chứ?

Nhóm cảnh sát lại nhìn nhau.

- Chúng tôi sẽ xem. - Một người cảnh sát nói.

Đã bốn giờ sáng khi Jack Breed trở về nhà sau khi đưa vị hôn thê về nhà cô ấy. Cậu em trai đã nằm trên giường, nhưng không ngủ và đang chờ.

- Buổi tiệc thế nào? - Cậu em trai hỏi.

- Tốt lắm.

- Em rất tiếc vì không dự được.

- Cảnh sát ghé lúc hai giờ sáng.

- Em biết thế nào cảnh sát cũng đến mà.

- Em đã nghĩ đúng về McIntosh.
 - Biết lắm mà!
 - Em đã đoán đúng.
 - Nhất định hẳn phải loại bỏ anh thôi. Anh là mối nguy hiểm. Hẳn không thể nào để anh bên hẳn. Nếu cảnh sát không có hướng điều tra nào, thì sẽ nghi hẳn ngay.
 - Chắc chắn bây giờ cảnh sát sẽ nghi hẳn.
 - Có lẽ thế.
 - Anh không muốn để em dính đến chuyện này. - Jack Breed nói.
 - Em biết.
 - Anh định tự anh làm lấy.
- Hai anh em nhìn nhau.
- Có khó lắm không? - Jack hỏi em trai.
 - Không, xảy ra rất nhanh.
 - Lẽ ra anh không nên kể cho em nghe vụ này.
 - Vậy làm anh em làm gì?
 - Súng đâu rồi?
 - Vứt xuống sông. Để làm gì?
- Jack Breed ngồi xuống giường nhìn em trai.
- Có lẽ ta nên tìm một khẩu súng khác.
 - Để làm gì vậy?
 - Anh bị mất việc rồi. Kiếm mười lăm ngàn đô-la này dễ quá.

4

Kẻ Sát Nhân Làm Gì Có Cảnh

Arthur Porges

Tôi bắt đầu tin rằng trung úy Ader không còn vụ án phức tạp nào để giải quyết cả. Anh trung úy không quấy rầy tôi đã sáu tháng nay. Thật ra là từ vụ “vòng tròn trên lớp bụi”.

Nhưng lẽ ra tôi phải biết; đó chỉ là một khoảng tạm lắng. Lãnh thổ thuộc quyền trung úy, đặc biệt là thành phố Arden, không thể yên lâu. Không phải là tôi thấy phiền gì; thật ra tôi rất thích chơi trò thám tử. Mà ai lại không thích trò này?

Tuy nhiên, những gì người ta đòi hỏi ở tôi khác hẳn; bởi vì thay vì nhờ tôi tìm ra một kẻ sát nhân, người ta lại mong tôi chứng minh một kẻ sát nhân là vô tội, có thể tạm nói như thế.

Tôi đã quen được Ader gọi điện thoại. Với tư cách là chuyên gia duy nhất khá rành về y học thí nghiệm, tôi là trưởng phòng bệnh lý học thuộc bệnh viện Pasteur của cả vùng, tôi làm việc cho nhiều thành phố và thị xã trong vùng. Quý vị thấy không, họ không tin các bác sĩ pháp y địa phương: phần lớn các bác sĩ này chỉ làm chính trị và không hành nghề từ lâu. Cho nên, khi họ cần một cuộc giải phẫu pháp y nghiêm túc, (ví dụ như một người đã chôn được hơn một tháng) thì họ nhờ đến bác sĩ Joel Hoffman. Bác sĩ Joel Hoffman là tôi.

Thứ ba tuần rồi, tôi đang vui sướng thực hiện một vết cắt trong một cơ bắp; trong đó có bộ sưu tập giòi nhỏ đẹp chưa từng thấy. Mặc dù nghe có vẻ lạ, nhưng tôi lại nghĩ rằng, tuy rất gớm ghiếc đối với kẻ phạm tội, nhưng những sinh vật này không những cân đối hài hoà, mà không bao giờ giết nhau vì lòng tham hay căm thù, và không bao giờ, không bao giờ chế tạo bom nguyên tử để phá hủy thế giới.

Vừa nói đến sát nhân, thì nó xuất hiện ngay. Trung úy Ader bước vào phòng thí nghiệm, lôi theo phía sau một cô gái. Tôi từng thấy trung úy nhiều lần rồi, nhưng chưa bao giờ với anh đi một người như thế; nên tôi nhìn cô gái trước, vì bản chất đàn ông mạnh hơn bản chất nhà bệnh lý học. Cô ấy nhỏ bé, tóc đen và hơi tròn trịa một chút. Kiểu mà cha tôi gọi là “bồ câu béo mập”. Cô ấy khóc nhiều; không cần phải học tám năm để nhận thấy điều này. Còn Ader, thì vừa tức giận vừa xấu hổ.

- Đây là cháu tôi, Dana - Trung úy nói - Chắc là anh thỉnh thoảng có nghe tôi nhắc đến.

Tôi mỉm cười. Cô ấy nhìn tôi bằng đôi mắt xám rồi nói:

- Chú là người duy nhất có thể giúp tụi cháu. Mọi việc có vẻ rất xấu. Anh Larry không thể làm chuyện ấy được.

-Ồ! - Tôi nói - Xin cô hãy trở lui vài đoạn và bắt đầu kể từ đầu.

- Larry là chồng sắp cưới của cháu - Ader giải thích - Tôi đã bắt giữ Larry vì tội danh sát nhân cấp một.

Có lẽ tôi có vẻ ngạc nhiên bởi vì Ader hơi đỏ mặt rồi xãng giọng nói:

- Tôi buộc phải làm thế, nhưng cháu tôi tin Larry vô tội. Tại sao, thì tôi không biết. Tôi từng kể cho cháu nghe những gì anh đã làm, và bây giờ cháu tôi mong đợi anh làm một phép kỳ diệu theo đơn đặt hàng. Nói cách khác, Dana đã chọn anh để đập tan vụ án nhỏ của tôi.

- Tôi xin cảm ơn hai người, - Tôi nói mĩa - nhưng tôi chỉ ban phép lạ vào các ngày thứ tư và thứ sáu; mà hôm nay là ngày thứ ba, nhớ không?

- Thôi được, để ngày mai nhờ anh giải quyết giúp vụ này vậy - Trung úy nói rồi mỉm cười yếu ớt với cô cháu. (Đó là một nỗ lực dũng cảm để giúp cô gái lấy lại tinh thần và dĩ nhiên là thất bại) - Hãy lưu ý, - Trung úy nói thêm - rằng không có cách bào chữa nào; chứng cứ quá rõ ràng. Lát nữa anh sẽ hiểu ý tôi muốn nói gì. Nhưng Dana không tin, và thành thật mà nói, tôi cũng không thể tưởng tượng Larry đập đầu một ông già vì tiền. Larry khá nóng tính, nhưng nguội rất nhanh. Dù gì, tôi không tin Larry là người có thiên hướng bạo lực. Tuy nhiên...

Trung úy ngưng nói, và tôi hầu như đi guốc trong bụng anh ấy. Khi đã gặp được khá nhiều kẻ sát nhân, có một điều thấu suốt như nước cất: không

có cách nào nhận biết nuốt kẻ sát nhân khi mà hẳn ta chưa thực hiện tội ác.

- Tại sao cô tin chắc rằng không phải cậu ấy? - Tôi hỏi Dana.

Với vẻ mặt bướng bỉnh, Dana ngẩng cái cằm tròn nhỏ lên; tôi thích cô ấy vì điều này. Tôi rất ghét loại con gái thụ động, tóc vàng nhợt nhạt và mềm nhũn.

- Cháu biết anh ấy không thể nào giết ai được, nhất là một lão già đang nằm trên cát. Anh ấy có thể đánh nhau với một người con trai cùng tuổi, với điều kiện là cả hai đang đứng, vậy thôi. Bộ chú tưởng cháu có thể yêu một kẻ sát nhân, và sẵn sàng lấy anh ta làm chồng à?

Tôi nhìn Ader và có lẽ cả hai gương mặt chúng tôi đều trở ra cùng một lúc, bởi vì Dana thốt lên một tiếng bực mình.

- Ôi! Đàn ông thật! Chỉ thấy chúng có mà thôi. Cháu biết rõ anh Larry mà!

Trung úy đã có vợ, nên cũng biết phụ nữ. Tuy vậy cách lý luận thuần túy nữ tính kia vẫn khiến trung úy giật mình. Nhưng tôi đã dự đoán cách phản ứng của cô ấy. Nên tôi chỉ nhận xét:

- Nếu anh cho tôi biết sự việc, thì ta sẽ thảo luận để biết ai là thủ phạm.

- Đồng ý. - Ader có vẻ nhẹ nhõm nói.

Trung úy thích các sự việc rõ ràng chính xác hơn là lý thuyết hay cảm xúc. Tôi dễ dàng đoán rằng Dana cùng vợ của Ader, Grace, là người rất tốt bụng, đã năn nỉ người chú suốt mấy tiếng. Không phải là trung úy thiếu sự thông cảm. Tôi biết nhiều người cảnh sát không chịu làm hỏng một vụ án để làm vui lòng vợ, con hoặc ông bà. Trung úy Ader làm việc này chỉ vì một cô cháu.

- Trước hết, - Ader nói - nạn nhân là đại tá McCabe, cựu sĩ quan tại ngũ, sáu mươi hai tuổi. Sáng hôm qua, rất sớm, đại tá xuống bãi biển nhà riêng đi dạo cùng con chó, như mọi khi. Sau khi lội bì bõm gần trên bờ một hồi, đại tá nằm trên một tấm chăn thiếp ngủ đi; trong khi đại tá ngủ, có kẻ đến gần dùng gậy đập vỡ đầu ông bằng quả táo rất nặng ở đầu gậy. Gần như chắc chắn kẻ sát nhân chính là Larry Channing, cháu của đại tá, một chàng trai hai mươi bốn tuổi cũng sống cùng nhà.

- Còn động cơ?

- Tiền. Đại tá McCabe có rất nhiều tiền. Larry là một trong những người được thừa kế một ít, nhưng khoảng năm mươi ngàn đô-la, thì ở tuổi như anh chàng này, đâu ai dám chê.

- Anh Larry muốn trở thành bác sĩ - Dana tức giận nói - Anh Larry muốn cứu mạng sống con người. Ngoài ra, anh Larry không hề cần tiền. Bác của anh Larry sẽ nuôi anh ấy đến khi học xong.

- Đúng - Trung úy Ader nói - Nhưng một anh chàng bác sĩ tương lai vẫn có thể bị số tiền lớn dễ kiếm quyến rũ chứ.

- Không chỉ có những người sắp trở thành bác sĩ là như thế, tôi nói với một tí thèm muốn khi nghĩ đến thuyền buồm mà tôi mơ sẽ sở hữu một ngày nào đó. Nhưng chính xác thì làm thế nào anh đi đến kết luận rằng Larry là kẻ sát nhân?

- Bởi vì anh chàng nóng tính ấy đã hành động như một thằng ngốc. Cậu ấy đã để lại đủ chứng cứ. Để tôi trình bày cho anh nghe chuyện xảy ra như thế nào.

Ader lấy ra khỏi cặp một sơ đồ có chỉ rõ tư thế cái xác trên bãi biển và dấu chân: dấu chân của đại tá và của kẻ sát nhân, cả hai hướng, đi đến xác chết.

- Trước khi đại tá đi dạo, - Ader nói - bãi cát trắng sạch. Thủy triều tôi hôm trước đã làm phẳng bãi cát. Chúng tôi tìm thấy dấu chân đại tá đi từ cầu thang xuống nước, rồi trở về chỗ đại tá nằm xuống tắm chần. Rồi có vết chân của Larry từ cầu thang đến chỗ đại tá McCabe rồi trở về. Không có dấu chân nào khác, ngoại trừ dấu chân chó khắp nơi, phía trên và phía dưới các dấu khác. Ta chỉ có thể xuống bãi biển từ ngôi nhà hoặc từ biển; không có cách nào khác đến đó từ bên hông, cả hai bên đều có vách đá thẳng đứng. Chính khả năng phòng vệ kẻ lạ hoàn thiện này đã làm cho ngôi nhà có được giá trị hai trăm ngàn đô-la. Bây giờ, xét tất cả những điều này, thì một người lý trí kết luận được gì? Những dấu vết cho thấy rõ ràng, người duy nhất đến thăm đại tá McCabe là Larry Channing.

- Chắc anh đã kiểm tra mọi dấu chân?

- Dĩ nhiên. Mặc dù không cần thiết phải làm thế. Larry thừa nhận đã đi gặp ông bác vào khoảng bảy giờ rưỡi khi cả gia đình còn đang ngủ. Thậm chí Larry còn cho chúng tôi biết hai bác cháu đã cãi lộn với nhau. Đây không phải là lần đầu tiên. Anh biết không, đại tá không muốn Larry cưới một cô gái nghèo như Dana.

Giọng nói Ader thoáng cay đắng. Trung úy Ader là người cảnh sát trung thực và luôn bị trễ hạn thanh toán các hóa đơn.

- Lão già nói rằng chỉ có kẻ điên mới cưới nhau vì một cái gì đó khác không phải tiền, rằng tình yêu chỉ là một ảo tưởng thời hiện đại, nhất là đối với thanh niên không biết suy nghĩ và phụ nữ thích đọc tiểu thuyết tình cảm. Yêu một cô gái có tiền cũng dễ như yêu một cô gái nghèo, đại tá cứ khẳng định như thế. Chính đại tá có được số tiền to lớn nhờ cưới một bà góa giàu có. Điều khủng khiếp khi biết điều này, là ta có thể giả thiết rằng chàng trai có một động cơ mạnh hơn động cơ tiền bạc. Đại tá có thể điên đến nỗi cắt tiền nuôi Larry vì Larry chọn Dana. Nêu vậy, thì Larry không thể học y khoa được nữa.

- Chuyện nghe không hay tí nào. Thế còn vũ khí?

- Do cái sợ của đại tá McCabe bị vỡ, chúng tôi đã tìm một vật trông giống như cái chùy. Gắn xác chết, thì không có gì, nên chúng tôi đã nghĩ rằng Larry đã loại bỏ vũ khí. Nhưng điều đáng kinh ngạc là chúng tôi tìm thấy vũ khí trong nhà, dưới đáy tủ áo của chính Larry. Đó là cây gậy mà Larry rất hay xài, một cây gậy bằng gỗ mun với quả táo to nặng, gọt tròn thô sơ để cầm. Gậy được lau sơ sài. vẫn còn dính máu và vài sợi tóc. Bây giờ anh hãy trả lời tôi, thực hiện một tội ác như thế có phải là ngu xuẩn không?

Khi nghe những lời này, Dana đứng phắt lên, mắt sáng rực.

- Lý do là bởi vì không hề có tội ác! Bộ chú không thấy rằng mọi thứ quá hiển nhiên, quá dễ dàng sao?

Ader nhăn mặt.

- Tôi cũng nghĩ đến chuyện này, và theo một nghĩa, thì tôi đồng tình - Ader nói - Trừ phi Larry mong chúng ta nghĩ rằng đây là một vụ dàn dựng, dù rất sơ sài lộ liễu. Như tôi đã nói, Larry nóng tính, nhưng không ngu. Và

chỉ có kẻ ngu nhất mới để lại một dấu vết lộ liễu như thế phía sau. Y như đóng đinh vào chính quan tài mình. Tên này đã tự đóng ít nhất khoảng một chục cái đinh rồi.

Trong khi Ader nói chuyện, tôi đã nghiên cứu sơ đồ và bắt đầu than thở:

- Điều này rồi một ngày cũng phải xảy ra thôi. Lẽ ra tôi phải biết!

- Gì vậy? - Trung úy hỏi.

- Để tôi nói cho anh nghe. Nếu Larry vô tội, thì ta đang đối mặt trước một vụ cổ điển thuần túy, một vụ sát nhân trong phòng kín. Dấu chân trên bãi cát cho thấy rõ ràng rằng không ai khác đã đến gần nạn nhân. Anh có chắc chắn rằng nạn nhân đã bị giết bằng cây gậy đó không?

- Chưa chắc, nhưng tôi dám cá là như vậy. Giải phẫu pháp y chưa tiến hành và cây gậy chưa được chuyên gia bệnh lý học xem xét. Cho đến nay, chúng tôi chỉ mới kiểm tra dấu chân và dấu vân tay. Chỉ có của Larry và đại tá. Phần còn lại thuộc về anh. Nhưng cái sọ của người đàn ông đó đã bị đập vỡ, cho nên nếu có một cái gì đó khác giết chết ông ta, thì cũng vô ích và vô nghĩa. Thi thể đang nằm ở nhà xác và tôi sẽ cho mang đến đây. Anh có thể xem xét cây gậy khi nào anh muốn.

- Thế còn bác sĩ Kurzin? Lại qua mặt ông ta nữa à?

Kurzin là bác sĩ pháp y, một lão già bất tài đã bỏ lỡ cơ hội làm một tay chặt thịt giỏi trong một siêu thị.

- Phải làm thế nếu muốn đạt được một cái gì đó. Anh là chuyên gia được công nhận ở quận này, như thế tôi có quyền làm như vậy.

- Thôi được. - Tôi nói hơi miễn cưỡng.

Bởi vì, thành thật mà nói, dường như chàng trai là tội phạm. Dù sao, đa số bọn sát nhân không được tinh ý lắm; bọn chúng phạm rất nhiều sai lầm. Khi một người bị dồn đến bước đường cùng đến nỗi đi giết người, thì người đó khó mà bình tĩnh lên kế hoạch nổi.

- Tôi sẽ giải phẫu pháp y ngay khi xác chết về đến bệnh viện - Tôi nói tiếp - Sau đó, nếu anh chịu khó mang gậy đến, tôi sẽ xem xem máu và tóc có đúng là của nạn nhân hay không. Trong khi chờ, anh cứ làm như thường

lệ, lập một danh sách những kẻ tình nghi thật dài. Anh hiểu ý tôi rồi: nhận dạng, phân tích tính tình, v.v... Anh giỏi việc này lắm mà.

- Có rất nhiều kẻ tình nghi có thể có - Ader bực mình trả lời - Trong nhà còn bốn người thừa kế khác và tôi không nghĩ họ được đại tá yêu mến nhiều. Ở trong quân đội cũng như ở nơi khác.

- Trong số kẻ tình nghi kia, có bao nhiêu người biết bay? Bởi vì, anh hãy tin tôi, phải có cánh hoặc có một cách di chuyển trên không, thì mới giải thích được làm thế nào đại tá bị ám sát mà kẻ sát nhân không để lại dấu vết gì trên cát.

- Chính vì thế mà tôi không thể không nghĩ rằng Larry là thủ phạm. Tôi không muốn tin điều này, nhưng như anh nói, trong trường hợp ngược lại, cần phải nhảy dù hoặc cái gì đó đại loại như thế. Mà rất khó tưởng tượng nhảy dù theo hướng ngược lại, về phía trên. - Trung úy cay đắng nói.

- Anh Larry vô tội - Dana tin tưởng nói với tôi - Nếu chú nhớ rõ rằng anh Larry vô tội, thì chú sẽ tìm ra cách giải thích. Chú là niềm hy vọng duy nhất của tụi cháu, nên cháu xin chú, chú hãy cố gắng hết sức mình.

- Tôi phải báo trước cho hai người một điều - Tôi nói - Tôi không phải là luật sư; tôi không thể thiên hãn về một hướng. Điều gì sẽ xảy ra, nếu sau khi tôi điều tra... (tôi định nói: "tôi đóng thêm một cái đinh khác vào quan tài của chàng trai kia", nhưng tôi kịp chuyển câu nói sang kiểu khác) các chứng cứ chống lại Larry trở nên hiển nhiên hơn nữa? Có lẽ nên giao vụ này cho Kurzin. Lão ta sẽ làm hỏng bét đến nỗi có khi bồi thẩm đoàn sẽ nghi ngờ và không dám buộc tội Larry.

- Chú sẽ không phá hủy cơ may của anh Larry đâu. Anh Larry vô tội và chính điều này cuối cùng sẽ được chứng minh. - Dana vẫn cương quyết nói.

Ader nhún vai.

- Anh nghe cháu gái tôi nói rồi. Tôi cũng nghĩ rằng Larry chẳng có gì để mất. Tình thế vụ án đã như thế này rồi, thì thẩm phán dõ nhất cũng sẽ kiếm được hình phạt. Tôi sẽ cho chở xác đến ngay, trung úy vừa nói vừa dụ dằng dụa cô cháu ra cửa. Tôi sẽ trở lại sau với cây gậy, trừ phi bị bận đầu đó.

Trung úy trừu mển vuốt vai cháu gái, rồi hai chú cháu bước ra.

Tôi nhím Dana ra đi, cảm ngẩng cao. Tôi nghĩ bụng rằng nếu Larry đã đủ khôn để chọn một cô gái như thế này, thì chàng trai đó khó có thể thực hiện một tội ác một cách vụng về như thế. Rồi tôi nghĩ rằng cách lý luận của tôi đang theo chiều hướng tệ hơn cô gái, và tôi đành trở về với mấy con giò.

Thi thể đến một tiếng rưỡi sau và do công việc ở viện Pasteur rất bình lặng, tôi có thể bắt tay vào việc ngay. Như thường lệ, tôi bắt đầu từ cái đầu và phải thống nhất với Ader cho rằng cái sọ vỡ chính là nguyên nhân gây chết người. Ngoài ra, cũng đúng là ông ấy rất khỏe mạnh và có thể thọ đến một trăm tuổi. Tôi có thể làm thêm rất nhiều xét nghiệm mô, nhưng tôi thấy không cần thiết. Tôi chắc chắn tuyệt đối rằng nạn nhân bị chết do cú đập vào đầu. Tôi vừa mới hoàn tất những xét nghiệm sơ bộ ấy thì Ader mang cây gậy đến.

Ader tránh không nhìn tử thi mặc dù mọi thứ đã sắp xếp đầu vào đó xong. Một phút sau, công việc xong. Tôi phủ tử thi bằng tấm vải, rồi Ader bước đến gần.

- Sao? - Trung úy hỏi.

- Đúng là ông ấy bị giết do cú đập vào đầu. Ta hãy xem xét cây gậy.

Ader đưa cây gậy cho tôi. Phần tay cầm nặng có bao nylon bao phủ; cây gậy mun nhỏ dài khoảng ba mươi tám pouce. Gần như chắc chắn tay cầm gậy hình quả trứng đã gây ra gãy xương sọ. Để biết chắc, chỉ còn việc xem xét gậy.

Thử nghiệm máu làm dễ và nhanh, chỉ cần so sánh nhóm máu. Đối với tóc, cũng không mất nhiều thời gian, tôi xem kính hiển vi. Tôi buồn bã lắc đầu khi thấy kết quả, Ader tái mặt. Trung úy đang trong tình thế rất khó xử. Một bên là vụ án lý tưởng, không phải đi truy tìm nhân chứng không chịu hợp tác hoặc đủ loại những chứng cứ khó tìm khác. Bên kia là cô cháu Dana, một người nhà mà trung úy quý mển, sắp phải thấy vị hôn phu bị đưa vào phòng hơi ngạt, hoặc nếu may mắn hơn thì đi ngồi tù ba chục năm hoặc

nhiều hơn. Cách này hay cách khác đều không làm trung úy vui. Dĩ nhiên là trừ phi ta tìm ra ứng cử viên lý tưởng cho an tử hình.

- Tôi rất tiếc, - Tôi nói - nhưng tôi không tìm thấy gì giúp được chúng ta. Đúng là McCabe đã bị giết bằng cây gậy này. Tôi sẵn sàng đánh cược uy tín chuyên môn của mình về điểm này, và đó sẽ là lời chứng dưới lời thề của tôi.

- Tôi không mong chờ gì hơn - Trung úy ủ rũ nói - Tôi chỉ nuôi hy vọng vì Dana mà thôi. Dù gì, đây là bức tranh đầy đủ của cả gia đình còn lại trong nhà. Ngày mai anh cứ đọc và có thể anh nghĩ ra một cái gì đó. Anh đã từng giải quyết được nhiều vụ tuyệt vọng hơn nữa mà.

- Vụ này tuyệt vọng hơn hết - Tôi nói - Nói thật, ta không cần có kẻ tình nghi, mà điều ta cần biết hơn là tội ác đã thực hiện nhưng bằng cách nào. Một vụ sát nhân; kẻ sát nhân khá rõ rệt, tìm thêm những tên khác để làm gì?

- Tôi cũng không biết - Trung úy nói với vẻ mệt mỏi - Nhưng anh hãy bắt đầu với giả thiết rằng Larry vô tội và thử xem có ai khác có thể thực hiện tội ác hay không.

- Đơn giản thôi - Tôi đáp - Tôi chỉ cần một tháng và thêm năm mươi phần trăm trí thông minh. Nhưng tôi sẽ cố gắng, ông chủ à.

Ader ra đi. Trung úy có vẻ mệt mỏi. Có lẽ trung úy đã không ngủ từ lúc xảy ra vụ sát nhân.

Đã hơn mười một giờ, nhưng tôi không cảm thấy mệt và ngồi xuống để đọc báo cáo về gia đình. Ader rất giỏi viết các loại báo cáo này và tôi dễ dàng tưởng tượng từng thành viên trong nhà đại tá McCabe.

Có năm người thuộc gia đình người quá cố: Larry, cháu, một chàng trai hai mươi bốn tuổi; hai người con trai, Harry ba mươi hai tuổi và Wallace, ba mươi chín tuổi; em trai của đại tá, Wayne, năm mươi bảy tuổi; một người em họ, Gordon Wheeler, hai mươi tám tuổi. Gia nhân có một cặp vợ chồng khá lớn tuổi lo vệ sinh và vườn tược. Một người phụ nữ đứng tuổi lo nấu ăn.

Về động cơ, thì tất cả đều có, ngoại trừ gia nhân, đã được bảo đảm tài chính. Đối với gia đình, đó là vấn đề tiền bạc. Gia tài của đại tá McCabe

lên đến hơn một triệu đô-la, thừa hưởng từ người vợ, một bà góa không con của một nhà công nghiệp giàu có. Bức di chúc của đại tá được mọi người biết rõ. Hai người con trai thừa hưởng mỗi người hai trăm ngàn đô-la; người em trai một trăm năm mươi ngàn; Larry được năm mươi ngàn; còn người em họ được ba chục ngàn, tất cả đều không bị thuế. Tính thêm vài khoản nhỏ cho gia nhân, tất cả số tiền còn lại sau khi nộp thuế sẽ cho viện bảo tàng địa phương với điều kiện phải trưng bày thường xuyên bộ sưu tập vũ khí của đại tá McCabe. Bởi vì ông già tự hào mình là chuyên gia quân đội bậc nhất. Nhưng thay vì tái lập lại những trận đấu của cuộc nội chiến hoặc của chiến tranh 1914, thì đại tá lại thích chỉnh sửa những sai lầm của tướng tá các thế hệ trước. Tóm lại, đại tá McCabe muốn viết lại quyển sách của Oman, *Nghệ thuật chiến tranh thời Trung cổ*.

Một gian trong nhà chứa bộ sưu tập vũ khí và áo giáp trung cổ. Gordon, người em họ, phụ trách gian này. Anh ấy theo dõi cập nhật quyển catalo, giữ mọi thứ sáng bóng và còn dùng được đến nỗi bất cứ lúc nào đại tá McCabe cũng có thể lên đường đi Thập Tự Chinh với trang bị hoàn hảo: bìa gươm, lao, dao găm, v.v, chỉ thiếu mỗi con ngựa.

Ông đại tá quá cố là loại người có khi rất thô tục, nhưng thật ra không ác tâm. Dường như ông không quan tâm đến công việc của các thành viên gia đình, mà cũng không ai có lý do gì để căm thù ông. Khi đọc những hàng Ader viết và cố đoán những gì không được viết ra, tôi cảm thấy động cơ duy nhất chỉ có thể là tiền. Bởi vì có thể đại tá McCabe rất kỹ lưỡng về tiền, mặc dù mỗi người đều đã nhận được một khoản trợ cấp.

Nhưng hiện, động cơ không phải là vấn đề chính yếu. Công việc thật sự của tôi là giải quyết vấn đề mà tôi đã trình bày với Ader: nếu Larry không giết đại tá, thì vụ sát nhân đã được thực hiện như thế nào? Vấn đề “bởi ai” có thể tạm chờ, và tôi tin chắc, sẽ được tìm ra khi ta biết cách thức đã dùng để giết.

Tôi lấy sơ đồ và hình chụp ra. Có một cách làm rất thịnh hành ở Madison Avenue, là “bão táp trí óc”. Cứ để cho trí óc chạy hết tốc độ, thoải mái để cho các ý tưởng điên rồ nhất trội ra với hy vọng rằng trong mớ hỗn độn sẽ tìm ra được ý tuyệt vời. Tôi thử kỹ thuật này và chỉ rút ra được

những ý tưởng phi lý. Ý nghĩ điên rồ nhất của tôi là kẻ sát nhân mang đôi giày có dấu chân giả giống của con chó. Điều rắc rối là dấu chân trên hình rất cạn. Con chó cân nặng khoảng ba chục ký, trọng lượng này lại được chia đều trên bốn chân. Chắc chắn một người đàn ông tám chục ký sẽ để lại dấu sâu hơn. Như quý vị thấy, tôi đã kiệt sức rồi.

Nhưng “lời giải” này không làm tôi hài lòng. Thế là tôi đi theo một hướng khác, và hướng này mang lại cho tôi ít hy vọng. Hay người ta đến từ biển? Theo ghi chép của Ader, tất cả thành viên gia đình đều chơi ván trượt và các môn thể thao dưới nước khác; sao không phải là lặn? Nếu kẻ sát nhân đi ra từ dưới biển, có hay không có thiết bị, giết đại tá rồi ra đi cũng bằng cách đó, thì hẳn có để lại dấu vết hay bị thủy triều xóa sạch? Đây là giải pháp khả dĩ.

Tôi định điện thoại ngay cho Ader, nhưng đã hơn mười hai giờ khuya và tôi nhớ ra rằng Ader rất mệt mỏi. Thứ tư vẫn còn sớm. Thế là tôi về nhà ngủ và nằm mơ thấy một chú chó bơi dưới nước và gây kinh hoàng cho người tắm biển.

Sáng hôm sau tôi gọi điện thoại cho trung úy và trình bày hai giả thiết. Như tôi đã biết trước, giả thiết một người bước đi giống con chó là phi lý. Dấu chân lấy mẫu bằng thạch cao - điều này làm tôi ngạc nhiên, nhưng đúng là Ader không bao giờ bỏ qua việc nhỏ nào - cho thấy rõ rằng nó quá cạn, nên không thể do con người tạo ra.

Giả thiết thứ nhì, đến từ biển cả, có vẻ gây quan tâm cho trung úy. Vấn đề là tìm hiểu xem một kỳ công như thế có thực hiện nổi trên một bãi biển tư nhân hay không. Có một cách kiểm tra là hỏi thăm Sammy Ames, thời luận viên báo địa phương, chuyên gia về các trò chơi dưới nước. Ader gọi ngay và tôi nghe. Ames rất dứt khoát. Trừ phi muốn tự sát, vào mùa này không ai có thể bơi cách bờ năm dặm. Dòng nước-mạnh đến nổi không chống lại nổi; kể cả nhà vô địch Olympic cũng không làm được.

Tìm ra hai giả thiết này đã khó; bây giờ lại phải tìm ra một giả thiết thứ ba hay hơn. Vậy bắt buộc tôi phải đến nhà nạn nhân và nhờ trung úy dẫn đến đó.

Nơi đó thật uy nghi: một ngôi nhà rộng lớn hai tầng, phía sau là cầu thang để đi xuống hai chục mét đá dẫn đến bãi riêng. Bãi biển này được viền vách đá từ ba phía phía thứ tư là biển.

Tôi sẽ không phí thời gian mô tả các thành viên gia đình, vì ngoại hình của họ không có liên quan gì đến vụ án. Tất cả những người đàn ông này đều khỏe mạnh, thuộc tip lực lưỡng, rất nam tính. Tất cả đều rất lấy làm tiếc cho Larry, và đều có vẻ chắc Larry là thủ phạm.

Bộ sưu tập vũ khí thờ Trung cổ cũng đáng để xem, nếu tình thế không bi thảm. Tường phòng phủ đầy rìu, dao, lao, cung... Có nhiều hình nộm mặc những bộ áo giáp được đánh bóng rất kỹ. Wheeler, là người phụ trách viện bảo tàng gia đình, rõ ràng rất tự hào về bộ sưu tập này, và nhờ tìm tòi nghiên cứu cho đại tá, anh ta đã trở nên lão luyện trong cách dùng tất cả số vũ khí này. Anh ta hăng hái biểu diễn cách dùng một số vũ khí, thao tác với sự tự tin của một chuyên gia.

Nhưng không có gì trong tất cả những chuyện này giúp làm rõ vụ bí ẩn, nếu có bí ẩn và nếu Larry không phải là kẻ sát nhân thật.

Tôi khá nản lòng. Có thể John Dickson Carr biết tưởng tượng và giải quyết trên giấy các vụ bí ẩn trong phòng kín, nhưng đối với tôi như vậy là quá khó. Tôi đang sẵn sàng bỏ cuộc và chấp nhận Larry là thủ phạm.

Khi đó tôi nhớ lại những vụ gần đây, mà Ader và tôi đã cùng xử lý. Đối với những vụ này, việc xem xét lại các tang vật một lần nữa đã giúp chúng tôi thoát khỏi ngõ cụt. Tôi rất mến Dana. Mọi việc khác hẳn khi ta có lợi ích trong một cuộc điều tra.

Thế là tôi quay về phòng thí nghiệm. Việc đầu tiên tôi làm là đọc những gì đã ghi chép về cuộc giải phẫu pháp y. Không có gì thay đổi. Sọ của đại tá đã bị lủng sâu ngay phía trên tai phải. Tôi cố gắng tưởng tượng xem cú đập đã được nện như thế nào. Nếu kẻ sát nhân đứng bên phải, ngay phía sau ông già đang nằm trên cát, chân hướng ra biển, rồi quét từ phải sang trái giống như khi đánh golf, phần tròn của gậy hướng xuống dưới, hai tay cầm đầu bọc sắt, thì có thể lý giải được vết thương. Không có gì vô lý; không có gì trái ngược để suy nghĩ thêm.

Khá buồn rầu, tôi quay sang tang vật còn lại, chính cây gậy. Tôi thử cầm theo kiểu tôi vừa mới tưởng tượng và thử lập lại động tác trí mạng. Tia hy vọng đột nhiên loé lên trong tôi. Máu và tóc nằm không đúng chỗ! Nếu cây gậy được hươu giống như gậy đánh golf, bởi một người đang đứng, thì phần bên hông phải bị dính máu. Thật ra, điều này đúng cho dù người ta đã dùng cây gậy như thế nào đi nữa để đập vào đầu. Nhưng thay vì như thế, chỉ có đỉnh tay cầm bị dính máu và tóc. Sao lại có thể như thế được?

Tôi xúc động thử nghiệm lại. Cách thức duy nhất để đánh một người bằng đỉnh tay cầm sẽ là ném gậy như ném lao. Nhưng như vậy sẽ không tiện: giả thiết khó thực hiện nổi. Khi đó một viễn cảnh mới mở ra trước tôi, một viễn cảnh tạo cho suy nghĩ đến những thay đổi quan trọng trong cách diễn giải công dụng của vật này. Cây gậy này không hề được dùng như cái chùy. Có lẽ nó đã được ném như cây lao, tay cầm hướng về phía trước. Nhưng bằng cách nào? Thật ra, chắc chắn không ai có thể ném vật này như một cây lao đủ mạnh và đủ chính xác để giết chết một người ở một khoảng xa bao nhiêu mét? Tôi lại kiểm tra sơ đồ. Xác nằm cách cầu thang gần mười hai mét, nơi mà có lẽ kẻ sát nhân đứng nếu muốn tránh để lại dấu chân trên cát. Một cú ném như thế chỉ bằng sức lực cơ bắp đã là hoang tưởng. Xương sọ rất dày và không dễ lún vỡ ra như thế.

Rồi khi nhìn phần thân gậy dài thon, tôi nảy ra một ý. Tôi lấy kính lúp, xem xét phần bọc sắt. Rõ ràng có hai rãnh, không sâu nhưng rất rõ, ngang trên bề mặt đầu gậy. Chỉ có thể có một cách giải thích: một sợi dây luồn trên đó sẽ không thể trượt ra móp đầu sắt. Điều này có nghĩa là có cung, bây giờ thì quá hiển nhiên. Có việc gì dễ bằng việc đặt phần thân gậy mun nhỏ vào khe một cây cung căng cứng, tay cầm gậy hướng ra trước, rồi từ cầu thang nhắm vào người đàn ông nằm trên bãi cát? Ném với cả sức mạnh của một lò xo sắt, cây gậy sẽ tạo một cú va khủng khiếp vào đầu nạn nhân.

Tôi cuống quýt đi bách bộ. Đó là giải pháp lý tưởng; và giải thích được tất cả. Chính vì vậy mà không có dấu vết nào khác. Kẻ sát nhân không cần phải rời khỏi cầu thang. Việc một cánh tay bình thường không làm được, thì cây cung có thể làm. Nhắm không khó hơn một cây súng, và mười hai mét là một khoảng cách ngắn. Tuy nhiên, cho dù thế, có lẽ kẻ sát nhân đã

luyện tập một chút trước đó để cho chắc. Có thể hẳn đã không thật sự muốn đổ tội Larry, mà chỉ muốn xóa hướng điều tra.

Và vậy hẳn đã bắn cái mũi tên kỳ lạ kia, rồi để bên xác... Tôi chửi thề. Lại một giả thiết rất hay bị hồng bét. Cây gậy đã không nằm lại bên xác chết. Làm thế nào kẻ sát nhân lấy lại được cây gậy mà không để lại dấu vết?

Tôi nghĩ đến một sợi dây, dây câu bằng nylon chẳng hạn, cột vào gậy. Nhưng một cái nhìn vào hình chụp phá tan giải pháp này. Không có dấu vết hẹp dài nào cho thấy gậy bị lôi trên cát.

Tuy nhiên tôi biết rằng nhất định phải có một cách giải thích; phần còn lại quá khớp. Tôi lại xem xét cây gậy, bắt đầu từ phần đầu bọc sắt. Ngay giữa thân cây láng bóng, tôi thấy vài vết khía. Vết khía không sâu, nhưng gỗ rất cứng. Tôi đo thử và ghi nhận khoảng cách giữa chúng. Không có dấu vết nào khác; rõ ràng Larry giữ vật quý giá này rất kỹ. Đúng là một thách thức, nhất là khi tôi cảm thấy mình đã rất gần đích.

Chính nhờ nhìn tấm hình chụp mà cuối cùng tôi nghĩ ra được lời giải. Đây là điều mà lẽ ra tôi phải phát hiện ngay. Nhưng mọi giả thiết đều phải được chứng minh. Thế là tôi gọi điện thoại cho Ader và yêu cầu gặp nhau tại bãi biển. Trên đường đi, Ader sẽ nhờ những người không bị tình nghi, như gia nhân chẳng hạn, dẫn chú chó Gustave-Adolphe ra. Tôi muốn một người mà con chó quen thân và sẽ tuân lệnh.

Trên bãi biển, tôi chỉ cho Ader xem những vết trên cây gậy và giải thích cho trung úy giả thiết về cung bắn.

- Những vết này là vết răng. - Tôi nói với trung úy.

Chú chó đốm chạy tung tăng, vui mừng được ra bãi biển để chạy nhảy. Theo yêu cầu của chúng tôi, chị gia nhân, hơi ngạc nhiên nhưng rất thiện chí, đứng trên cầu thang rồi ném gậy xuống nước.

- Gustave, đi lấy! - Chị gia nhân kêu.

Con chó sủa vui vẻ lao ra, cắn gậy vào mõm, mang về cho chị gia nhân.

Tôi mỉm cười với trung úy.

- Điều này hoàn tất câu chuyện. Sau khi ông già bị giết, kẻ sát nhân vẫn còn đứng trên bậc thềm nơi chị gia nhân hiện đang đứng. Hẳn chỉ cần hô “Mang về!” thì con chó đã đi lấy vũ khí về cho hắn. Một tên đồng lõa câm lạng. Sạch sẽ. Không một dấu chân trên cát.

- Con chó giúp ông đại tá nhiều quá - Ader cay đắng nói và trừng mắt nhìn con chó vụng về - Thay vì cắn kẻ sát nhân, thì nó giúp hắn thoát thân.

- Đừng trách con chó kia - Tôi nói - Anh không thể bắt những con vật kia hiểu được tội sát nhân. Giết người đòi hỏi một trí thông minh cao siêu hơn; chính trí thông minh đã phát minh ra giết chóc. Nhưng có lẽ Wheeler là kẻ ta cần tìm; như anh thấy hắn rất rành cách thao tác mọi vũ khí Trung cổ. Bây giờ nghỉ lại, hắn không hề biểu diễn cho ta xem, cũng như không hề nói đến bản cung. Điều rất ý nghĩa.

- Tôi tin tưởng mọi việc đã diễn ra như thế - Ader nói - Nhưng làm thế nào để chứng minh với bồi thẩm đoàn?

- Việc này sẽ không dễ. Ngoại trừ những cái rãnh để xỏ dây cung và vết răng trên cây gậy, ta không có bằng chứng nào trình bày với bồi thẩm đoàn. Tôi không thể chứng minh rằng cây gậy đã thật sự được bắn đi. Cả bây giờ, có khi ta cũng không giúp được gì cho Larry?

Câu trả lời đến ngay.

- Anh đừng nghĩ thế - Trung úy hăng hái nói - Tôi biết cách bẻ gãy Wheeler. Cách cổ xưa nhất thế giới. Tối nay hắn sẽ nhận được một cú điện thoại nặc danh. Sẽ có người mô tả cho hắn nghe những chi tiết chính yếu trong vụ sát nhân và khẳng định mình đã chứng kiến vụ này, rồi đòi được trả tiền để giữ im lặng. Do Wheeler là thủ phạm, tôi tin chắc điều này, hắn sẽ nhất định đòi gặp ông X đó, hoặc để nộp tiền, hoặc để thủ tiêu người ấy. Ta sẽ bắt quả tang hắn, có nhân chứng. Nhưng trước hết ta phải bảo đảm chắc chắn chị gia nhân không để lộ câu chuyện. Cũng may rằng Gustave Adolphe không nói chuyện được.

- Anh đừng nói thế. Nếu nói được, thì công việc của ta đã dễ dàng hơn rồi.

Như Ader đã hứa, cái bẫy thành công, và cũng dễ hiểu thôi. Kẻ sát nhân thường có nhiều mối lo sợ và sợ nhất là bị một nhân chứng nhìn thấy.

Dana nói rằng Larry và cô ấy sẽ đặt tên tôi cho đứa con trai đầu tiên. Tôi đã gợi ý nên đặt là Gustave-Adolphe. Mặc dù nó đã đồng lõa với vụ sát nhân, nhưng cuối cùng con chó đã làm chứng cho bên bào chữa, nhờ vậy khiến lời giải của ta hoàn hảo.

5

Quả Phụ Thành Ephèse

Margaret Manners

Tôi cần hai điều để tái tạo lại tình tiết vụ án này: thêm một ít thông tin và thật nhiều thời gian rảnh rỗi. Hiện giờ, tôi có cả hai, và tôi có thể nhìn bà ấy từ bên ngoài (có lẽ nên nói “từ bên trong” thì đúng hơn). Bà ấy khá mơ mộng. Thậm chí tôi có thể tưởng tượng cảm xúc của bà Ella Gainer, buổi chiều hôm đó trong căn hộ yên tĩnh và sang trọng ở khách sạn Renaissance, trong khi chờ người đàn ông có thể sẽ đáp ứng mong ước của bà, người đàn ông sẽ mang trở về cho bà sự bình yên và hạnh phúc.

Mặc dù sự việc không xưa lắm, nhưng tôi có cảm giác mọi thứ đã xảy ra trong một thế giới khác. Nay được nhìn lùi lại trong thời gian, tôi có nhãn quan của một khán giả đang xem một diễn viên diễn xuất. Quan sát cách cư xử của chính mình một cách khách quan là việc đỡ khổ nhọc hơn, nếu nói về mình ở ngôi thứ ba. Và đó là việc tôi sẽ làm tại đây.

Thế là hẳn rất phong độ, nhưng lại không biết rất nhiều thứ mà bây giờ tôi được biết. Hẳn quá tự tin. Hẳn cứ tưởng hẳn đã rành mọi khía cạnh của Ella Gainer.

Còn Ella Gainer thì lại không nuôi ảo tưởng về chính mình; bà không phải loại phụ nữ mơ mộng hão huyền - ít nhất cũng trong lĩnh vực chuyện tình cảm. Bà không cố tự tạo ra cho mình một cá tính vay mượn hay một vẻ bề ngoài khác. Không phải là bà thiếu tiền để làm việc này, nhưng bà không hề cảm thấy cần thiết hay thích thú nhờ nhà trang điểm “tạo” cho bà một cái đầu mới. Bà chi tiêu rất nhiều cho trang phục, nhưng sự trang nhã giản dị không thú hút những cái nhìn của đàn ông bằng đường nét khêu gợi. Đáng vốc bà, mặc dù đẹp như tượng, không thuộc loại làm đàn ông mê tít lên. Và gương mặt bà, mặc dù rất dễ nhìn với tí phấn và tí son, cũng chỉ gây

chú ý thoáng qua. Nhưng bà vẫn là một người phụ nữ thượng lưu, một quý bà theo đúng nghĩa. Bởi vì nét duy ríhất làm bà nổi bật chính là sự tự tin trong cung cách đi đứng, sự thoải mái rất tự nhiên giúp bà được luôn kính trọng vồn vã bởi người phục vụ khách sạn bất cứ nơi nào bà đến. Ngay từ cái nhìn đầu tiên, nhân viên khách sạn biết nhận ra sự cao cấp sang trọng và sự giàu sang thật sự. Lúc bà Gainer đến khách sạn Renaissance ở, người ở đó đã đánh giá được khách mới và có thái độ ân cần chu đáo với bà.

Vậy theo những gì hẳn đánh giá được, Ella không nuôi ảo tưởng nào. Bà bí mật tin vào huyền thoại khó tin kia, vào sự lừa dối toàn thể kia từng gạt được bao nhiêu là phụ nữ: bà ấy tin vào tình yêu. Nhưng đối với bà chỉ có Tình Yêu viết hoa mới là quan trọng, tình yêu được những thi sĩ như Browning ngợi ca. Bà chê những mối tình tầm thường, bà có thể tóm tắt những ước vọng của bà thành một câu *Hãy yêu em bằng Tình Yêu Vĩ Đại trên hết*. Một mối tình như thế là điều duy nhất trên thế giới mà bà khao khát, bởi vì chỉ có nó mới cứu vớt được bà!

Hẳn đã thu thập được khá nhiều thông tin về bà Gainer. Nhân viên khách sạn là những nguồn cấp thông tin có khả năng quan sát nhạy bén rất đáng khuyến khích. Mà hẳn cho rằng mình đã biết đủ về bà, và thậm chí suy nghĩ này đã đánh lừa hẳn. Bà ấy là một người phụ nữ, một người phụ nữ bình thường, một bà góa vừa giàu có vừa khát đói theo một nghĩa. Tất cả những điều này khiến Ella Gainer rất quyến rũ; bà ấy hội đủ các điều kiện cần thiết để trở thành mục tiêu của một người đàn ông như hẳn.

Vào buổi chiều ngày hôm đó, xét tầm quan trọng của mục đích cuối cùng (chính số phận của bà sẽ được quyết định), bà đặc biệt chú trọng ăn diện kỹ lưỡng hơn, nhưng không cầu kỳ giả tạo quá bởi vì bà không muốn tự lừa dối chính mình. Bà không muốn được yêu vì một cái cổ hờ táo bạo hay vì tính khêu gợi của một bộ áo dài bó sát hông. Bà muốn được yêu vì chính mình. Và cái tài khoản ngân hàng không nhỏ của bà đã làm cho sự việc phức tạp lên. Phải, bà buộc phải lo âu sợ sệt. Làm sao một bà góa giàu có có thể tin chắc một người đàn ông được?

Bà cảm thấy căng thẳng, nhưng vẫn hy vọng rằng buổi tối trước đó đã đưa bà đến ngưỡng sự thực hiện của ước mong sâu sắc nhất của bà; rằng

cuối cùng bà đã tìm ra người hằng mong chờ. Bà nuôi nấng ảo tưởng rằng hẳn vẫn dành cho bà những tình cảm y như ngày hôm trước.

Hắn đến hẹn đúng giờ. Bà Gainer có vẻ bình tâm. Bình tâm đúng một người phụ nữ đang hoang tiếp người đàn ông đã hỏi cưới mình và đã thì thầm tỏ tình, hứa hẹn một cuộc sống mới với người mình yêu, bà nghĩ bụng.

Thoạt đầu bà thấy hẳn tuyệt vời với vóc dáng cao, vẻ bề ngoài nam tính quyến rũ... Tuy nhiên không quyến rũ bằng hôm trước, mà khá nghiêm túc. Thế loại đàn ông uy nghi và chinh phục mà một người phụ nữ cô đơn có thể tìm chỗ dựa vững chắc.

Hắn ngồi xuống và nhận ly rượu bà mời. Bà tự rót cho mình một tí rượu sherry. Bà mỉm cười đứng đó trong bộ váy rất trang nhã, không đeo một thứ nữ trang nào. Mà bà cũng chưa hề đeo nữ trang và bây giờ cũng không cảm thấy cần thiết phải đeo. Cho nên trên người bà không có cái vòng đeo nào để bà táy máy các ngón tay.

Hắn thưởng thức ly rượu theo kiểu người sành điệu. Bà vẫn chờ đợi, cho rằng trong tình huống này người đàn ông phải đi bước đầu tiên. Bà không nên đặt lại vấn đề trước.

- Phòng này đẹp quá - Hẳn nói - Ella, em sống tiện nghi thật.

- Ngày nay các khách sạn lớn không còn nhạt nhẽo vô tình nữa - Bà trả lời - Các nhà trang trí có rất nhiều sáng kiến và ra sức làm cho không khí khá dễ chịu.

Bà táy máy chiếc khăn tay, mỉm cười với khách, rồi nặn óc để tìm một đề tài đáng nói, vì tin rằng hẳn sẽ không đi thẳng vào vấn đề ngay. Bà rất muốn nói với hẳn những điều thú vị có thể vừa làm cho hẳn biết bà thông minh vừa vén màn để lộ một góc trong tấm lòng bà. Bà không phải là một người phụ nữ tầm thường và bà không muốn hẳn nghĩ bà là người như thế.

Bản tính trung thực vốn có của bà khiến bà hướng cuộc nói chuyện sang chủ đề khác trong khi chờ hẳn.

- Anh sẽ không bao giờ đoán biết được những gì em đã nghĩ chiều nay

- Bà nói - Em đã nhớ lại một câu chuyện trích từ tác phẩm của Pétrone...

Người đối thoại phải mất vài giây để nhớ ra nhà văn la-tinh và không giấu diếm sự ngạc nhiên. Rồi hấn trơ trên nhường một chân mày lên, nhớ lại rằng, sau những tâm sự tối hôm qua, hấn không nên ngạc nhiên vì điều gì nữa cả. Tuy nhiên Ella Gainer có vẻ không thuộc loại người thích thể loại văn học này, cho dù phong cách có tinh vi đến mấy.

- Satiricon hả? - Hấn nói, cố tỏ ra có học hơn là thật sự - Chúa ơi! em đã thật sự đọc cái đó à?

- Dĩ nhiên là không! - Bà trả lời, xấu hổ vì mình cũng như hấn, và tuyệt vọng muốn tìm ra cách giải thích có thể xoa tan ấn tượng xấu này - Anh biết không - Bà nói tiếp - anh Jeff, người chồng quá cố của tôi...

Hấn tự hỏi không biết có nên cắt ngang những lời lẽ chán ngấy của bà để đi thẳng vào vấn đề hay không: nói chuyện nghiêm túc. Chồng bà chết để lại cho bà bao nhiêu là tiền bạc, đó là chuyện cũ. Hấn thấy bất ngờ rằng bà lại dám nói lại về người quá cố ngay bây giờ. Đúng là tối hôm qua, bà hơi ngà ngà say và có thể từ đó bà đã quên tất cả. Hấn tò mò cứ để bà tiếp tục cuộc nói chuyện ngu ngốc kia về một quyển sách mà theo ý hấn, một người phụ nữ đàng hoàng không nên đọc.

- ... Có một hôm anh Jeff đọc quyển sách đó và cười to đến nỗi em phải hỏi lý do. Thế là anh Jeff kể cho em nghe câu chuyện bà quả phụ thành Ephèse. Rất ngắn. Chỉ có vài đoạn.

- Có lẽ một trích đoạn phóng dăng à?

Hấn không nhớ nữa, nhưng tựa đề có vẻ hấp dẫn.

-Ồ! Không! - Bà lúng túng nói - Không hề!

Trong khi hấn nhâm nhi ly rượu gin và nghĩ đến một tương lai rất tiện nghi dễ chịu, Ella kể cho hấn trích đoạn mà bà được chồng đọc cho nghe.

Hấn nghe nhưng không quan tâm lắm. Nếu câu chuyện không tục tĩu, thì chú ý nhiều làm gì? Còn nếu câu chuyện tục tĩu, thì Ella Gainer sẽ không biết kể đúng cách. Hấn giữ im lặng. Gần như liên tục.

Nữ nhân vật chính của của câu chuyện cổ xưa kia là một người vợ yêu chồng mà chồng vừa mới chết. Người vợ đau buồn đi theo xác chồng đến hầm chôn và ở lại đó để khóc chồng, héo hắt dần đi vì đau khổ và đói lả. Cô giúp việc trung thành tự nguyện đến đó với cô chủ để cùng chia sẻ số

phận hẩm hiu. (Người giúp việc mà làm như thế, thì cũng hơi quá - Hãn nghĩ bụng - Người đầy tớ gái đó sẽ làm gì nếu như chính chồng cô ấy chết? Nhưng cũng đúng là vào thời ấy, gia nhân gồm chủ yếu nô lệ sống hoàn toàn phụ thuộc vào chủ. Đầy tớ y như những người bà con nghèo, nhận phần cực nhọc nhưng bị loại khỏi những cuộc vui.).

Mà chuyện xảy ra (thính giả rất thích đoạn này) là một chàng lính trẻ trung và đẹp trai được phái đến canh xác của các phạm nhân bị xử trong vùng. Thời đó, tội phạm bị đóng đinh vào thánh giá. Lính canh có nhiệm vụ không cho gia đình đến tháo gỡ xác để mang đi chôn đàng hoàng. (Lại một chuyện tào lao - Hãn nghĩ bụng - Khi còn sống, có thằng phạm nhân nào bận tâm đến số phận hậu tử của nó!)

Điều ly kỳ là rất cuộc, người vợ góa trinh tiết khóc than chồng lại đi yêu anh chàng lính đẹp trai. Mà cô đầy tớ rất lấy làm vui vì chuyện này! (Dĩ nhiên! Dễ hiểu quá. Cô chủ sống, thì đầy tớ cũng được sống theo).

Nhưng một người lính canh không thể vừa yêu đương vừa canh gác tốt. Khi chàng lính trở về với các thánh giá, thì thiếu mất một thi thể. Sự việc này rất nghiêm trọng, bởi vì người lính canh để “mất” một xác chết phải đền tội bằng chính mạng sống mình.

Thế là chàng lính đi tìm quả phụ ở dưới hầm và tuyên bố rằng đời chàng sắp tiêu tan. Nói xong, chàng rút gươm ra: chàng sẽ không chờ bị nhục hình, chàng sẽ tự kết liễu ngay trước mắt quả phụ, bảo rằng nàng có thể cho xác chàng nằm cạnh chồng nàng để canh cả hai cùng một lúc.

Quả phụ kinh hoàng cứu mạng chàng lính bằng cách giao thi thể của người chồng để thế vào chỗ mất trên thánh giá, vì quả phụ đã yêu chàng lính y như từng yêu chồng quá cố. Thế là mọi sự kết thúc tốt đẹp (bài học rút ra từ câu chuyện này có lẽ là: thà còn một, hơn là từng có hai).

Vị khách không thể không tự hỏi tại sao Ella Gainer đã kể cho mình nghe câu chuyện này. Dường như chính bà cũng không biết, như thế bà đã quên mất lý do kể chuyện.

- Khá gớm ghiếc. - Hãn bình luận.

Hãn không ngờ Ella Gainer dám kể cho hãn nghe một câu chuyện như thế này sau những gì bà đã làm với chồng của bà. Mặc dù hầu như vô lương

tâm, nhưng hẳn, thì hẳn cũng biết điều.

- Em thấy câu chuyện này khá hay - Bà buồn bã nói như thể hẳn đã làm cho bà thất vọng - Nhưng phần lớn những câu chuyện hay đều có chỗ thiếu sót. Câu chuyện này cũng thế thôi.

- Á! Chỗ nào vậy?

- Bộ anh không thấy thật sao? Đập vào mắt ngay mà: ý nghĩ thay thế xác lẽ ra phải xuất phát từ chàng lính, chứ không phải từ quả phụ. Lẽ ra chàng phải tự cứu mạng mình vì nàng, vì biết rằng nàng không thể nào sống qua một mất mát to lớn mới về tình yêu.

- Em đã nói điều này với chồng sau khi được nghe đọc à?

- Đúng. Anh ấy ngạc nhiên và nói rằng phần lớn người ta nhìn thấy qua câu chuyện này sự minh họa thô thiển về việc phụ nữ không chung thủy. Rồi anh ấy tuyên bố với em rằng: “Anh muốn sau khi anh chết em phải hết sức dè dặt thận trọng, em yêu à, bởi vì người ta có thể lợi dụng tính tình của em”.

Có hồi im lặng lâu dài.

Rồi hẳn nói toạc ra:

- Anh cũng ngạc nhiên vậy. Em thật là can đảm mới dám nói với anh như thế. Lúc nào thì em mới nghĩ ra rằng có thể quả phụ thành Ephèse đã ám sát chồng?

- Cái gì? - Bà thốt lên - Em chưa hề nghĩ như thế. Như vậy... như vậy sẽ làm hỏng mất câu chuyện.

- Tôi cũng không biết nữa. Nghĩ lại, có thể em đã có nghĩ đến điều này. Hừm! Quả phụ thành Ephèse... Hay bây giờ ta thử xem xét một biến tấu của chủ đề thời cổ nay? Trong phiên bản thời nay, chính anh sẽ được cứu mang nhờ xác ông chồng.

Tay bà vẫn táy máy chiếc khăn tay nhỏ.

- Em không hiểu ý anh. - Bà nói.

- Không hiểu à? Anh nghĩ rằng em hiểu chứ, hẳn nói với thái độ tự tin lạnh lùng đến tàn nhẫn. Em có nhớ những gì xảy ra giữa hai ta tối qua không?

- Em không còn hiểu anh nữa... - Bà tuyệt vọng trả lời - Tối hôm qua, anh đã ngỏ lời cầu hôn em và em đã chấp thuận lấy anh. Anh bảo anh yêu em mà.

Hắn mỉm cười.

- Sau đó em có nhớ chuyện gì xảy ra không?

Bà tránh ánh mắt hắn.

- Ta đã đi nhiều chỗ khác nhau - Bà nói - Tâm trạng hai ta rất vui vẻ. Ta có uống sâm banh. Thậm chí em e rằng em đã uống hơi nhiều quá. Một tí sâm banh là em chóng mặt rồi.

- Đây là câu nói trại hay nhất thế kỷ - Hắn trêu - Xin phép cho anh giúp em nhớ lại. Trong buổi tối trữ tình của hai ta, em đã tâm sự rất nhiều với anh. Em đã thú nhận rằng em đã giết chết chồng em. Trong khi anh Jeff thương yêu của em đang bệnh, em đã cho hắn ta uống một chất gây tử vong... và em chưa bao giờ bị nghi ngờ.

Bà liếm môi trước khi phản đối, như đang trả bài:

- Không đúng. Em không thể nào nói với anh như thế.

- Có thể em không nhớ, nhưng em đã làm thế. Xét tình huống này, rõ ràng anh không thể cưới em được.

Bà nhìn hắn với nỗi buồn bã vô bờ bến. Rồi bà đứng dậy, rất trịnh trọng nói:

- Thôi được. Tôi hiểu. Mỗi tình tuyệt đẹp mà anh dành cho tôi chỉ tồn tại bằng lời nói mà thôi. Vậy mời anh ra về. Tôi không muốn bao giờ thấy mặt anh nữa.

- Bà thật bản lĩnh, Ella à - Hắn thừa nhận - Nhưng không cần thế. Tôi sẽ ra đi khi nào tôi thích, khi mọi việc đã giải quyết xong giữa hai ta. Nên bà cứ ngồi xuống lại đi. Có thể sẽ mất một khoảng thời gian để thống nhất vài việc nhỏ...

Hắn băng qua phòng tự rót cho mình một ly rượu mới.

- ... Ella à, tôi đã sẵn sàng liều chịu ràng buộc với cô qua hôn nhân, - Hắn nói tiếp - mặc dù cô không hề thuộc tip của tôi. Tôi đã sẵn sàng hy sinh như thế để được hưởng tiền của cô...

Hắn quay trở lại ghế, ngồi thật thoải mái.

- ... Cô hãy tin tôi và ngồi đi, - Hãn nói - bởi vì e rằng cô sẽ khổ nhọc khi nghe phần tiếp theo.

- Tôi cho anh một cơ may cuối cùng, bà nói mà vẫn không lớn tiếng. Anh hãy bước ra khỏi đây ngay và tôi sẽ quên đi tất cả.

- Cô đừng có ngốc thế! - Hãn bực bội đáp - Tôi không muốn cưới cô, mà cũng không muốn ra đi. Mà ở tình thế này, thì tôi cũng không cần phải lấy vợ nữa. Tôi có thể ăn bánh mà không cần ràng buộc suốt đời với người mời bánh, cô hiểu ý tôi chứ. Tình thế hiện nay hoàn toàn có lợi cho tôi và tránh được cho tôi các bất lợi. Thật may mắn rằng sấm banh tác động lên cô như thế. Ta chỉ còn mỗi việc xác định cách thức cô sẽ trả nợ đối với tôi. Và khi mà cô thanh toán cho tôi theo thỏa thuận, thì bí mật của cô sẽ được giữ kín.

- Như vậy là tổng tiền!

Sự phần nộ chính đáng của Ella khiến hãn buồn cười.

- Xét lại, thì tội này vẫn nhẹ hơn tội sát nhân.

- Anh không thể... Tôi không có....

- Cô hãy ngoan ngoan đi - Hãn khuyên - Nếu cô ngoan, tôi sẽ không buộc phải mách lại tâm sự của cô với cảnh sát. Tôi cho rằng một cuộc điều tra sẽ khai quật lên khá nhiều chuyện cùng với thi thể của Jeffrey Gainer.

Bà quay mặt đi khỏi hãn như để tránh một con vật bẩn thỉu.

- Được rồi, ta hãy giải quyết cho xong việc này - Bà vừa nói vừa bước nhanh đến cái bàn viết gần cửa sổ - Tôi có một vật rất quý giá. Tôi sẽ cho anh xem.

Bà mở ngăn kéo ra, hãn chụp sợi dây lấp lánh mà bà ném về phía hãn. Tia tham lam sáng lên trong mắt gã đàn ông. Hãn đưa vòng đeo cổ lên ánh sáng, rồi để xuống chân, nhìn kim cương lấp lánh trên nền vải quần màu sậm.

- Chắc chắn cái này trị giá rất nhiều tiền - Cuối cùng hãn thừa nhận - Nhưng tôi không thích. Tôi không ngu đâu. Không! Không lấy séc, không lấy nữ trang: chỉ nhận tiền mặt thôi. Nếu tôi thử đi bán cái này, tôi sẽ bị hỏi. Giả sử người ta không hỏi gì, thì tôi cũng sẽ buộc bán đi chỉ một phần ba trị giá của nó. Ella, tôi không muốn cái này.

- Ngồi yên đó! Không được động đây!

Hắn ngược mắt lên và thấy bà không chỉ lấy có một vòng đeo cổ từ ngăn kéo. Hiện một nòng súng đang chĩa thẳng vào hắn.

Máu rút đi khỏi gương mặt kẻ tổng tiền, tim hắn như ngưng đập.

- Ê! Khoan đã... Cô không thể đối xử với tôi như thế. Chúa ơi! Cô không thể giết luôn cả tôi. Cô không thể... Người ta sẽ nghe thấy tiếng súng... Và cô sẽ không thể nào giải thích về sự hiện diện của một xác chết trong phòng cô...

- Tôi đang cố gắng không vi phạm luật pháp - Bà bình tĩnh tuyên bố - Và khi điều đó xảy ra, thì tôi cố bằng mọi cách trở về con đường chính. Ngồi yên đó!

Hắn buồn rầu nhìn thấy bà nhắc ống nghe điện thoại.

- A-lô... Tôi là bà Gainer đây. Xin nối máy cho tôi nói chuyện với ban giám đốc.

- Cô có biết mình đang làm gì không? Cô đừng quên rằng tôi có thể cho cô lên ngồi ghế điện.

- Anh tưởng thế à? - Bà nói - Anh nghĩ sai rồi.

Rồi bà nói vào ống nghe:

- Ông Malverton à? Tôi có việc khẩn mời ông đến phòng tôi ngay lập tức.

Bà gác máy mà không động đây. Khẩu súng vẫn chĩa về đúng hướng... và được một bàn tay vững vàng cầm.

Gã đàn ông bị đe dọa tức điên lên; nhưng vẫn khiếp sợ. Hắn tự hỏi không biết Ella có hay biết về một chi tiết mà hắn không được biết hay không. Có thể sau suốt thời gian này, người ta sẽ không còn tìm thấy dấu vết chất độc trong hài cốt chồng bà. Tuy nhiên, cho dù có được thế... Chẳng lẽ bà không muốn tránh một vụ scandale? Xét gia tài bà, hắn đã nghĩ bà sẽ sẵn sàng trả giá đắt để được tiếp tục sống bình yên...

- Cô đừng có ngốc như thế nữa - Hắn nói - Tôi sẽ không moi hết sạch tiền của cô đâu. Cô hoàn toàn đủ khả năng trả cho tôi một khoản trợ cấp nhỏ mà không làm giảm đi thu nhập của cô bao nhiêu, đúng không? Ta có thể xác định một giá. Tôi chỉ cần có...

Bà lắc đầu.

- Lúc này, tôi đã cho anh một cơ hội thoát thân. Bây giờ đã quá trễ rồi.

Bây giờ gã đàn ông ướm đầm mồ hôi: hãn khiếp sợ. Chẳng lẽ bà sẽ giết hãn tại chỗ rồi bịa ra một câu chuyện nào đó kể với ông giám đốc khách sạn?... Hóa ra là thế! Mưu toan cướp của! Bà sẽ nói ông khách của bà toan giật vòng đeo cổ! Vì vậy mà...

Hãn thụt lùi, làm rơi món nữ trang óng ánh xuống thảm.

Hai cú gõ vào cửa.

- Mời ông Malverton vào. - Bà Gainer nói.

Nụ cười lịch thiệp chuyên nghiệp trên môi vị giám đốc khách sạn sững lại ngay khi ông đứng ở ngưỡng cửa thấy toàn bộ cảnh tượng.

- Nghĩa... nghĩa là thế nào vậy? - Ông ấp úng.

Nhưng ông định thần lại ngay và có thái độ thích hợp với gia tài và địa vị của nữ thân chủ - mặc dù bà Gainer đáng kính đang cầm súng - và nói thêm:

- Có chuyện gì vậy, thưa bà? Tôi có thể giúp ích được gì cho bà đây?

Ông cẩn thận đóng cửa lại, rồi bước vào phòng, tránh tầm súng.

- Chuyện xảy ra rất khó chịu và tôi rất lấy làm tiếc - Bà nói - Nhưng tôi nghĩ rằng ông có thể giúp ích được tôi trong việc này. Thưa ông Malverton, ông có biết người đàn ông này không?

- Không, phải nói rằng tôi không quen biết. Nhưng ông ta thường xuyên đến khách sạn.

- Đúng vậy - Bà Gainer nói - Tôi đã làm quen với hãn tại một nơi như thế. Hãn tỏ ra ăn nói rất hào hoa và tôi đã phạm sai lầm lắng nghe hãn... Một người phụ nữ cô độc luôn phải thận trọng. Vậy mà kẻ này vừa mới lên phòng tôi để ngỏ một đề nghị rất lạ lùng: hãn muốn bán cho tôi chiếc vòng đeo cổ kia. Tôi càng ngạc nhiên hơn nữa khi nghe hãn đòi một giá quá thấp.

Ông Malverton cúi xuống lượm chiếc vòng đeo cổ rồi ngạc nhiên thốt lên một tiếng.

- Tôi sẽ gọi cảnh sát ngay, thưa bà Gainer. Tôi gần như tin chắc rằng đây là vòng đeo cổ vừa mới bị trộm của một bà khách ở đây, bà Clifton. Một vụ đã gây xôn xao trong khách sạn...

Cuối cùng gã đàn ông thoát khỏi nỗi sửng sốt.

- Mòn kịch gì đây? - Hăn nói - Bà Gainer ơi, tôi chưa hề toan bán vòng đeo cổ này. Chính cô đã đưa nó cho tôi!

- Ô! Làm gì có chuyện đó - Bà Gainer đáp với giọng thương hại đượm chút kiêu ngạo - Vòng đeo cổ này không phải của tôi. Tất cả mọi người biết rằng tôi không bao giờ đeo nữ trang. Nếu thích, thì đúng là tôi vẫn tự mua được. Nhưng tôi chưa hề thích loại trang sức này. Ngoài ra, tại sao tôi lại tặng một món quà như thế cho một người đàn ông?

- Tôi nắm hết tình hình rồi, thưa bà Gainer. Tôi sẽ gọi cảnh sát. - Giám đốc khách sạn vừa nói vừa bước đến điện thoại.

- Khoan đã! - Gã đàn ông ngồi trên ghế thốt lên và quyết định chơi ách chủ bài - Ông hãy nghe này! Người phụ nữ kia đã sát hại chồng và tôi biết hết chuyện. Nên bà ấy đã toan mua chuộc sự im lặng của tôi bằng chiếc vòng đeo cổ kia. Ông cứ gọi cảnh sát. Tôi... tôi sẽ tố giác kẻ tội phạm chưa được trừng phạt kia!

- Ô! - Quả phụ kêu lên có vẻ bị sốc - Thế à! Tôi buộc phải đáp lại một lời vu khống như thế. Tôi thừa biết mình không phải tự vệ một lời buộc tội vô duyên như thế, nhưng ta sẽ tiết kiệm được thời gian... Ôi! Tôi thật đáng trách vì đã bắt chuyện một kẻ lạ!

Bà mở một ngăn kéo khác trong bàn viết, rút ra một xấp giấy có cột dây thung.

- Chờ một chút, phiền ông... Xem này, đúng đây rồi - Bà vừa nói vừa đưa cho ông giám đốc khách sạn một tờ giấy rút ra từ xấp tài liệu - Đây là bức thư mà Chính phủ đã gửi tôi thời ấy để báo tin rằng chồng tôi, sĩ quan Jeffrey Gainer, đã bị chết trong cuộc chiến tại Pháp, trong cuộc đổ bộ ở Normandie.

Ông Malverton lúng túng có một cử chỉ ra hiệu rằng lời nói của bà Gainer là đủ rồi.

- Tôi xin ông đọc lớn tiếng, thưa ông Malverton, để thuyết phục tên vu khống kia rằng hăn sẽ mất thời gian của chính hăn và của cảnh sát khi đưa ra một cáo buộc vô lý như thế.

Thế là ông giám đốc khách sạn đọc bức công văn: Chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin rằng... Rồi ông nhắc ống nghe điện thoại ngay.

Thế là xong. Cảnh sát dẫn độ tôi đi. Tôi bị xử và lãnh án vì tội trộm chiếc vòng đeo cổ kim cương.

Nhưng có một phần vụ án này vẫn không rõ đối với tôi. Và không giải được nó trọn vẹn khiến tôi như muốn điên lên. Tôi ngồi trong xà lim nặn óc để tìm hiểu cách tư duy của người phụ nữ kia. Dòng suy nghĩ của bà đã như thế nào sau khi tôi bị bắt giữ?

Thế rồi một ngày, tôi nhận được một bức thư nặc danh. Có lẽ bộ phận kiểm duyệt nhà tù đã sơ sót cho qua. Ngay khi đọc những từ đầu tiên, tôi đã nhận dạng được người gửi.

Tôi tin tưởng tuyệt đối vào Tình yêu toàn năng - Bức thư nói - Tôi tin rằng Tình Yêu có tính năng chữa lành. Tình Yêu có thể xóa sạch cái xấu và đôi khi chỉ có mình Tình Yêu là có khả năng chữa khỏi một con người khỏi cái tật trộm vặt. Nhưng ta phải đề phòng Tình Yêu khi nó chỉ là cái mặt nạ che giấu một sự tàn nhẫn có sức tàn phá tệ hại hơn cả tật tội phạm. Cả khi tình yêu vĩ đại không còn nữa, tính năng phụ hộ của nó vẫn còn mạnh. Tôi đã luôn áp dụng cách thử nghiệm mà Tình Yêu của tôi đã để lại cho tôi. Và những kinh nghiệm không hay đã cho tôi biết rằng dưới danh tình yêu có thể che núp biết bao nhiêu là động cơ xấu xa.

Sau khi đọc, tôi không mất bao lâu để hiểu ra toàn bộ vụ việc. Từ đó, tôi đã hiểu làm thế nào chiếc vòng đeo cổ đã rơi vào tay Ella Gainer, chính chiếc vòng đeo cổ mà bà đã dùng để tóm tôi. Cuối cùng tôi đã nhìn thấu được bà để hiểu lý do hành động của bà.

Sau khi cảnh sát bắt tôi, có lẽ bà đã lại cảm thấy đau buồn và cô đơn bởi vì, một lần nữa, một người cầu hôn lại tỏ ra không xứng đáng. Đối với bà, lại phải bắt đầu lại tất cả; bắt đầu lại với niềm hy vọng dai dẳng rằng cuối cùng bà sẽ gặp được người đàn ông sẽ yêu bà đúng như bà muốn được yêu: một tình yêu ngang hàng với mối tình mà Jeffrey Gainer dành cho bà. Khi nhớ đến chồng, kỷ niệm của bà có đượm tình cảm biết ơn đối với

người quá cố không? Trong thâm tâm, bà có còn cảm ơn “Tình Yêu của bà” phù hộ cho bà từ nơi suối vàng không?

Tôi không biết ông chồng đã nói chính xác những lời gì trước khi lên tàu đi đến cuộc chiến ở Pháp, nhưng tôi dễ dàng tưởng tượng ra: *Em yêu này, nếu anh bị giết ở chiến trường - rất có thể sẽ là số phận của anh - thì thế nào cũng sẽ có ngày em muốn tái giá. Nhưng em sẽ phải thử thách người đàn ông đó. Một người thật sự thương yêu em sẽ chấp nhận bất cứ điều gì và sẽ bảo vệ cho em. Em hãy nói với người đó rằng em đã ám hại anh. Nếu bất chấp việc này, người đó vẫn còn muốn cưới em, thì em sẽ biết chắc người đó thật sự yêu em.*

Bây giờ tôi đã biết chắc rằng bà Gainer hơi khác những người phụ nữ khác một tí. Bất cứ người phụ nữ nào cũng cần tình yêu, nhưng Ella Gainer đặc biệt khao khát tình yêu vì nguyên nhân bệnh lý: bà bị mắc chứng xung động ăn cắp. Vì vậy mà trong thư có nhắc đến cái “tật tội phạm”. Tình yêu cảm thông của Jeffrey đã giúp bà khỏi cái tật nhục nhã kia. Nhưng khi góa chồng, bà đã phải đấu tranh chống những xung động ăn cắp mới và bà hiểu rằng phương thuốc duy nhất là chung sống với một người yêu mình y như chồng từng yêu mình. Thế là bà cất công đi tìm người bạn đời lý tưởng.

Có lẽ ứng cử viên thì có rất nhiều. Phần lớn lịch sự rút lui sau khi nghe “lời xưng tội” của bà. Bà đã buồn rầu để họ ra đi. Điều không may là vào thời điểm tôi xuất hiện, Ella Gainer đã không cưỡng nổi việc ăn cắp vòng đeo cổ của bà Clifton. Có lẽ Ella Gainer đã rất nhẹ nhõm khi thấy tôi bị bắt và dẫn đến một nơi mà tôi sẽ không còn phương hại đến người phụ nữ nào khác nữa. Và có lẽ bà cũng đã mừng không kém khi được biết rằng món nữ trang - mà bà không thể và không muốn đeo - sẽ được hoàn lại cho chủ nhân.

Tuy nhiên có một điều tôi nhận thức mà bà không thấy. Có lẽ tôi sáng suốt được là nhờ tôi là đàn ông và không bị mù quáng bởi nỗi khát khao Tình Yêu Vĩ Đại như Ella. Jeffrey Gainer, người chồng thương yêu ân cần của bà, đã để lại cho vợ góa của ông một bài thử nghiệm có thể xua đuổi bất cứ một người đàn ông nào trên thế giới. Jeffrey Gainer đã muốn bảo đảm rằng Ella sẽ không bao giờ tái giá, rằng sẽ không một người đàn ông

nào khác được tận hưởng vợ ông và gia tài ông. Có lẽ ông ta hết lòng yêu bà. Nhưng mối tình có vẻ rục rờ ấy đã không ngăn cản ông hành động hơi giống con chó canh nhà....

Làm thế nào Ella đã không nghi ngờ ý đồ thầm kín của chồng, làm thế nào bà đã không đo lường được ảnh hưởng xấu của bài thử nghiệm tìm bằng chứng tình yêu từ phía người cầu hôn? Làm thế nào bà đã không thấy được rằng không một người đàn ông lý trí minh mẫn nào sẽ cưới quả phụ đã tự thú tội đầu độc chồng? Bà bị mê hoặc bởi sự tuân thủ ước muốn cuối cùng của người quá cố - bà thuộc loại phụ nữ như thế - và bởi lòng tin tuyệt đối rằng Jeff chỉ mong giúp bà sau khi chết. Rằng ông đã thật sự yêu vợ.

Vậy mà tôi bị nhốt ở đây... Tôi rất muốn phục thù bà. Có lúc, thậm chí tôi có nghĩ đến việc viết thư cho bà để vạch trần động cơ thật đã thôi thúc ông chồng để lại cho bà cái kiểu “trắc nghiệm chắc chắn một trăm phần trăm”. Nhưng tôi đã nghĩ lại. Bởi vì, giả sử tôi làm thế và bà chịu tin tôi, thì bà sẽ nghĩ mình có nghĩa vụ tinh thần phải xua đuổi một loạt người cầu hôn nữa bằng cách thử nghiệm họ. Và tôi tin chắc rằng trong điều kiện thuận lợi hơn như thế, thì bà sẽ tái giá rất nhanh.

Dù sao, bà sẽ quá sướng so với tôi. Bởi vì cách nhìn sự việc của tôi là như thế này. Tôi đang bị tù. Vậy sao không để bà cũng bị tù? Trong cái ngục vàng kim mà chìa khóa thì đã bị chồng bà mang sang thế giới bên kia. Vậy tôi sẽ làm sao cho, trái lại với quả phụ thành Ephèse, Ella Gainer sẽ không bao giờ tìm được người yêu.

6

Cây Tần Bì

M.R. James

Tất cả những ai đã đi qua lại vùng Anh quốc đều biết những ngôi nhà đồng quê năm rải rác nơi này. Đó là những kiến trúc nhỏ có ảnh hưởng kiểu Ý nằm giữa những công viên rộng khoảng một trăm acre. Tôi đã luôn bị thu hút bởi những ngôi nhà như thế. Tôi thích rào song gỗ sồi, cây uy nghi ao với sậy mọc ven bờ và đường rừng xa xa. Tôi thích những hàng hiên có cột, được xây thêm, có lẽ để theo thời trang “Hy Lạp” thế kỷ XVIII, vào những ngôi nhà cổ bằng gạch đỏ thời Hoàng hậu Anne. Tôi ước gì mình có được một ngôi nhà như vậy và có đủ tiền bảo trì nhà và tiếp bạn bè ở nhà một cách khiêm tốn.

Nhưng tôi đang tán rộng ngoài đề khi nói chuyện này. Tôi muốn kể cho quý vị nghe chuỗi sự kiện lạ lùng diễn ra tại một trong những ngôi nhà mà tôi đã cố mô tả cho quý vị. Nhà đó là Castringham Hall ở Suffolk. Tôi nghĩ ngôi nhà này đã bị sửa đổi nhiều từ thời xảy ra câu chuyện của tôi, nhưng vẫn còn những bộ phận chính: hàng hiên kiểu Ý, ngôi nhà vuông trắng bên trong thay đổi ít hơn bên ngoài, công viên viền khu rừng và ao. Cái duy nhất khiến ngôi nhà này khác những nhà khác không còn nữa: xưa kia, bên phải, có một cây tần bì to lớn già nua mọc cao khoảng một chục mét, có cành cây gần như chạm vào nhà. Tôi đoán cây tần bì này đã có từ thời Castringham Hall không còn là pháo đài nữa, nhà được xây theo kiểu thời Elizabeth đệ nhất. Dù thế nào đi nữa, chắc chắn cây tần bì này đã đạt chiều cao tối đa vào năm 1690.

Vào năm đó, tại vùng chỗ ngôi nhà Castringham Hall đã diễn ra vụ xử phù thủy rất lớn. Theo tôi nghĩ, sẽ phải còn lâu lắm mới hiểu được nguyên nhân sâu sa - nếu giả sử có nguyên nhân - về nỗi khiếp sợ mà phù thủy gây

nên thời đó. Những người bị buộc về tội ác này có thật sự nghĩ mình có một quyền phép quỷ quyết không? Hay những người này có ý muốn, nếu như không có quyền năng, ém bùa? Hay lời thú tội được moi ra do bị những người săn phù thủy tra tấn dã man? Theo tôi, đây là những câu hỏi còn lâu mới được giải đáp. Và câu chuyện mà tôi sắp kể vẫn còn khiến tôi phân vân. Tôi không thể phủ nhận câu chuyện như một vụ tưởng tượng bịa đặt thuần túy. Quý vị độc giả sẽ phải tự mình phán xét.

Castringham cung cấp một nạn nhân cho hình phạt thiêu hủy. Nạn nhân này tên là bà Mothersole và hơi khác với những người phù thủy còn lại trong làng là bà khá giả và có địa vị uy tín trong vùng quê này. Nhiều chủ nông trang cố gắng nhiều để cứu bà bằng cách làm chứng thuận lợi cho bà và lo lắng nhiều về bản án của bồi thẩm đoàn.

Chỉ có một lời chứng nguy hại cho bà: lời chứng của Sir Matthew Fell, chủ nhân Castringham Hall. Ông đã tuyên thệ nói thật rồi tuyên bố rằng “từ cửa sổ nhà, rất nhiều lần, khi trăng đang tròn, ông đã nhìn thấy bà đang nhổ cành cây tần bì non gần nhà”. Bà leo cây, chỉ mặc áo ngủ, và dùng con dao lưỡi cong cắt cành cây, vừa làm vừa nói chuyện với chính bà. Một lần ông đã cố tóm bà, nhưng ông vô tình gây ra tiếng động. Rồi khi xuống đến vườn, ông chỉ thấy mỗi một chú thỏ rừng bỏ chạy nhanh về hướng làng.

Đêm thứ ba, ông đã thử rượt để bắt kịp bà. Ông đã chạy đến nhà bà Mothersole và phải động cửa đến mười lăm phút. Cuối cùng bà ra mở, rõ ràng rất tức giận như vừa mới bị lôi ra khỏi giường. Và ông đã không giải thích được tại sao ông đến nhà bà.

Chủ yếu vì lời chứng này, mặc dù có những lời chứng khác của vài dân làng nhưng không gây ấn tượng bằng, mà bà Mothersole bị xử là có tội và bị tử hình. Một tuần sau vụ xử án, bà Mothersole bị treo cổ ở St. Edmond Bury cùng với năm sáu người phụ nữ tội nghiệp khác.

Sir Matthew Fell, khi đó là phụ tá cảnh sát trưởng, chứng kiến vụ xử tử. Đó là một buổi sáng lạnh lẽo trời mưa tháng ba. Chiếc xe ngựa kéo leo lên ngọn đồi phủ đầy cỏ ướt, về hướng Northgate, nơi giá treo cổ được dựng. Những nữ tử tội khác, chờ dẫn vì số phận hẩm hiu, không phản ứng gì. Nhưng, dù sống hay chết, bà Mothersole có cá tính khác hẳn. “Cơn tức

giận thâm độc” của bà, như một người kể lại, gây ấn tượng mạnh đến người xem - và cả đao phủ - đến nỗi mọi người đồng tình tuyên bố rằng bà thật sự là hiện thân của quỷ. Nhưng bà không hề chống cự những người đại diện pháp luật. Tuy nhiên tất cả những ai nhìn bà đều bị bà nhìn lại một cách quỷ quyệt và thâm độc đến nỗi - có một người khẳng định với tôi như thế một thời gian sau - mọi người bị “hình ảnh kinh khủng ấy ám ảnh suốt sáu tháng sau đó”.

Theo báo cáo về vụ tử hình, những lời duy nhất mà bà nói dường như vô nghĩa và như thế này: “Castringham Hall sẽ có khách.” Bà thì thầm những lời này nhiều lần.

Sir Matthew Fell bị ấn tượng mạnh bởi thái độ của người phụ nữ này. Ông nói chuyện với linh mục làng, khi trở về nhà cùng linh mục sau vụ treo cổ. Thật ra, ông không vui vẻ gì khi ra làm chứng. Ông không phải kẻ cuồng loạn trong cuộc truy lùng phù thủy, nhưng khi ấy ông tuyên bố, và ông lặp lại nhiều lần sau đó, rằng không thể nào tưởng tượng khác đi những sự kiện mà ông đã tận mắt nhìn thấy. Ông đã rất ghét toàn bộ vụ án này bởi vì ông là người thích sống hòa đồng và quan hệ tốt với đồng loại. Nhưng đối với ông, đó là một nghĩa vụ cần hoàn thành và ông đã hoàn thành. Thái độ của ông không có nguyên nhân nào khác. Linh mục khen ngợi ông, như bất cứ một người lý trí nào khác.

Vài tuần sau, khi trăng tròn tháng năm sáng trên bầu trời, linh mục và Sir Matthew Fell lại gặp nhau ngoài công viên và cùng nhau trở về nhà. Lady Fell đang ở cùng mẹ bị bệnh nặng và Sir Matthew Fell chỉ có một mình ở nhà. Nên linh mục dễ dàng nhận lời ở lại dùng cơm tối.

Tối hôm đó, Sir Matthew Fell tiếp khách không tốt lắm. Cuộc nói chuyện chủ yếu về các vấn đề gia đình và làng, và rất may là Sir Matthew Fell chuẩn bị bằng văn bản một bản ghi nhớ nêu rõ ý muốn và ý định của ông về tài sản. Về sau văn bản này sẽ rất hữu ích.

Đến chín giờ rưỡi tối, khi ông Crome, linh mục, quyết định đi về, Sir Matthew Fell và ông đi theo lối đi rải sỏi ở, sau nhà. Sự cố duy nhất mà ông Crome ghi nhớ như thế này: khi cây tần bì nằm trong tầm nhìn của hai

người, như tôi đã nói trước cây tần bì mọc sát bên cửa sổ nhà, thì Sir Matthew Fell dừng lại nói:

- Cái gì chạy lên chạy xuống dọc theo thân cây tần bì vậy? Chẳng lẽ con sóc? Giờ này, sóc về tổ hết rồi mà.

Linh mục nhìn và thấy một sinh thể động đậy nhưng không biết được màu thật của nó dưới ánh trăng. Hình bóng mà linh mục thoáng thấy trong chốc lát, và ông sẵn sàng thề đúng vậy mặc dù nghe rất điên khùng, nó có hơn bốn chân, cho dù đó là con sóc hay con gì khác.

Nhưng hai người đàn ông không quan tâm đến hình ảnh đó nữa và chia tay nhau.

Ngày hôm sau, đến sáu giờ, bảy giờ, và cả tám giờ, Sir Matthew Fell Clary chưa xuống nhà như thường lệ. Do đó, các gia nhân leo lên lầu gõ cửa phòng ông. Tôi khỏi phải mô tả gia nhân lo lắng như thế nào khi lắng nghe rồi lại tiếp tục gõ cửa nữa. Không thấy trả lời, đám gia nhân mở cửa và thấy ông chủ chết, mặt đen thui. Điều này, thì quý vị đã đoán được rồi. Người ta không phát hiện dấu vết bạo lực nào trên người ông lúc ấy, nhưng cửa sổ lại mở.

Có người đi tìm linh mục; rồi theo chỉ đạo của linh mục, người này đến chỗ cảnh sát. Ông Crome đích thân đến nhà và được cho vào phòng nơi người chết đang nằm. Linh mục đã để lại vài ghi chép, được tìm thấy trong giấy tờ của ông, cho thấy ông kính trọng Sir Matthew Fell như thế nào và rất đau buồn khi ông này chết. Để làm sáng tỏ một chút cách thức diễn ra sự việc và tín ngưỡng chung thời đó, tôi xin viết lại trích đoạn hồi ký của linh mục:

“Không có dấu vết gì chứng tỏ có người đột nhập vào phòng: nhưng cửa sổ để mở theo thói quen của anh bạn tội nghiệp vào mùa này. Bên cạnh anh, như mọi đêm, có cái ca bạc rót đầy bia, nhưng đêm hôm đó anh ấy không uống hết. Bác sĩ ở Bury, một ông Hodgkins nào đó, có xem xét nước uống này và không thể biết có trộn chất độc nào hay không, như sau này bác sĩ đã tuyên bố với cảnh sát. Bởi vì, xét thi thể bị đen và sưng, nên việc hàng xóm bàn tán về chất độc là điều bình thường... Thi thể nằm lộn xộn trên giường. Các chi co quắp nhiều đến nỗi có lẽ anh bạn, con chiên kính

mến của tôi đã qua đời trong cơn đau đớn quằn quại. Và sau đây, thêm một điều không giải thích được và đối với tôi là một bằng chứng rõ rệt về ý đồ đen tối của những kẻ thực hiện vụ ám sát man rợ kia: những người phụ nữ phụ trách việc làm vệ sinh cho xác chết, là thành viên đáng kính của hội khóc mướn, hoang mang đến tìm tôi. Những người phụ nữ này nói rằng - khi nhìn họ là lời họ được xác nhận ngay - khi vừa chạm tay không vào ngực xác chết, thì họ cảm thấy đau nhói tay, rồi lòng bàn tay sưng lên đến tận cánh tay một cách khó tin. Cái đau kéo dài suốt nhiều tuần, điều được xác nhận về sau, và những người này buộc phải bỏ nghề. Nhưng họ không mang dấu vết nào trên da.

Sau khi nghe chuyện này, tôi cho gọi bác sĩ trong nhà và chúng tôi thử chẩn đoán bằng cách xem xét da trên ngực người chết bằng kính hiển vi pha lê; chúng tôi không tìm thấy gì đáng lưu ý với công cụ mà chúng tôi có ngoài vài cái lỗ nhỏ xíu như vết kim chích và chúng tôi kết luận rằng chất độc đã được đưa vào bằng cách đó.

Đó là những điều nói được về các triệu chứng tìm thấy trên xác chết. Những gì tôi nói thêm chỉ rút ra từ kinh nghiệm riêng và để người sau đánh giá xem những gì tôi viết có đáng tin hay không. Trên bàn kê đầu giường có một quyển Kinh thánh nhỏ, mà anh bạn hay đọc một chương buổi tối trước khi ngủ và buổi sáng trước khi dậy. Tôi cầm quyển Kinh thánh lên và nhớ lại rằng trong những lúc rối tâm, chúng tôi dễ dàng có khuynh hướng chụp bắt bất cứ tia sáng nào sẽ soi sáng cho ta. Tôi quyết định thử hỏi sự ngẫu nhiên. Một trong các ví dụ chủ yếu về sự mê tín dị đoan này được kể lại như do đức vua Charles của ta và Lord Falkland dùng đến. Tôi phải thừa nhận rằng việc thử này không giúp ích gì được tôi. Tuy nhiên nếu trong tương lai về sau, người ta nghiên cứu về nguyên nhân và nguồn gốc của các sự kiện khủng khiếp này, thì có lẽ tôi nên ghi lại kết quả phòng trường hợp một trí thông minh nhạy bén hơn tôi phát hiện được điều gì đó về cái Ác.

Tôi thử ba lần, mở quyển sách Thánh ra và đặt đại ngón tay vào một vài đoạn. Lúc đầu tôi trúng phải câu ngụ ngôn này trong Phúc âm của thánh Luc: ‘Hãy đồn giết nó’, sau đó là những câu này trong quyển của Isaie: ‘Sẽ

không bao giờ có người ở’. Và lời cuối cùng rút ra từ quyển của Job: ‘Con của nó cũng sẽ được nuôi bằng máu’.”

Đó là tất cả những gì tôi cần nói về giấy tờ ghi chép của ông Crome để lại. Sir Matthew Fell được liệt và chôn cất. Chủ nhật hôm sau, diều văn cho Sir Matthew Fell của ông Crome đọc được in lại dưới tựa đề: “Anh quốc lâm nguy trước những trò hiểm độc quỷ quyệt của kẻ phản Chúa”. Đó chính là quan điểm của linh mục, và cũng là quan điểm của tất cả những người trong vùng: người ta tin rằng Sir Matthew Fell đã là nạn nhân của những kẻ âm mưu chống Giáo hoàng.

Con trai ông, Sir Matthew, người thứ hai mang tên này, kế nghiệp ông. Và màn một tấn bi kịch Castringham Hall kết thúc như thế. Phải nói rằng, mặc dù việc này không có gì đáng ngạc nhiên, rằng ngài huân tước mới không ở trong phòng nơi cha đã qua đời. Căn phòng chỉ thỉnh thoảng mới có khách ở. Huân tước mất vào năm 1735 và tôi không thấy gì đánh dấu đặc biệt cuộc đời ông, ngoại trừ gia súc hay chết vô cớ, tỷ lệ chết cứ tăng dần theo thời gian.

Những ai quan tâm đến chi tiết này sẽ thấy một bảng thống kê trong lá thư gửi Tạp Chí Chủ Lôu Đài năm 1772, trong đó có tường thuật lại những sự việc lấy trong hồi ký của huân tước. Ông ngăn chặn sự chết chóc này bằng một cách rất đơn giản: tất cả gia súc được nhốt vào chuồng vào ban đêm. Thật vậy, ông đã để ý rằng gia súc được nhốt không bao giờ bị tấn công vào đêm. Sau biện pháp này, chỉ còn thú rừng và chim chóc là biến mất mà không có nguyên nhân rõ rệt. Nhưng do không có bản tường thuật chính xác về những sự kiện này, tôi không muốn nói nhiều về cái mà các chủ nông trang ở Suffolk gọi là “căn bệnh Castringham”.

Như đã nói, Sir Matthew, người thứ nhì mang tên này, mất năm 1735 và con trai ông, Sir Richard, kế nghiệp ông. Chính vào thời này băng ghế lớn của dòng họ Fell được xây ở phần bắc nhà thờ làng. Mộ bà Mothersole nằm chính chỗ đó, vị trí được biết rõ nhờ có ghi chú trên bản đồ nhà thờ và nghĩa địa do ông Crome thiết lập.

Cả làng khá kích động lên khi biết rằng bà phù thủy, mà một số người vẫn còn nhớ, sẽ bị khai quật. Và dân làng càng ngạc nhiên và lo lắng thêm

khi phát hiện rằng, mặc dù cái hòm còn tốt, nhưng hòm không chứa dấu vết thi hài, xương, hay cát bụi gì. Thật ra, đây là một hiện tượng rất kỳ lạ, vì thời bà bị chôn người ta không nghĩ đến chuyện thi hài sống lại và có thể nghĩ ra một lý do hợp lý giải thích vụ trộm một xác chết trừ phi người ta muốn dùng trong phòng phẫu tích.

Sự cố này đánh thứ hai trong một thời gian tất cả những chuyện có liên quan đến các vụ xử và những kỳ tích của phù thủy đang bị quên lãng từ bốn chục năm nay. Khi Sir Richard ra lệnh thiêu cháy cái hòm, nhiều người nghĩ rằng ông hành động một cách bạo dạn, nhưng ông vẫn cương quyết làm.

Chắc chắn rằng Sir Richard là người có đầu óc canh tân khá nguy hiểm. Trước khi ông kế nghiệp cha, Castringham Hall là một lâu đài xây bằng gạch đỏ rất đẹp, nhưng Sir Richard đã đi du ngoạn sang Ý và bị lây nhiễm phong cách Ý. Ngoài ra, do có nhiều tiền hơn những người tiền nhiệm, ông quyết định sửa ngôi nhà Anh thành một lâu đài Ý. Thế là thạch cao và đá hoa giả che mất gạch đỏ; vài pho tượng La Mã bằng đá hoa khá tầm thường được bố trí ở cửa nhà và ngoài vườn; một bản sao chép ngôi đền Sybille ở Tivoli được xây ngay bờ ao. Nên Castringham Hall có dáng vẻ hoàn toàn mới mẻ nhưng, tôi buộc phải nói, không dễ chịu bằng. Nhưng có rất nhiều người khen và bắt chước làm theo những năm sau đó.

Vào một buổi sáng (năm đó là năm 1754), Sir Richard thức dậy sau một đêm ngủ không ngon. Bên ngoài gió đã thổi rất mạnh, còn lò sưởi thì liên tục nhả khói. Tuy nhiên trời lạnh đến nỗi buộc phải đốt lửa. Ngoài ra gió làm rung kính cửa sổ đến nỗi không một người nào có thể yên nghĩ được. Rồi còn viễn tưởng nhiều vị khách quý sẽ đến trong ngày. Khách mong được tham dự một cuộc săn hấp dẫn, nhưng do thú rừng cứ tiếp tục biến mất, Sir Richard sợ bị ảnh hưởng uy tín. Nhưng điều quấy rối ông nhiều nhất là đêm không ngủ vừa trải qua. Chắc chắn Sir Richard sẽ không bao giờ ngủ trong phòng này nữa.

Đó chính là đề tài suy gẫm của ông trong khi ăn sáng. Sau đó Otwell, Sir Richard tiến hành xem xét một cách hệ thống tất cả mọi phòng ốc để xem phòng nào thích hợp với ông nhất. Ông phải mất rất lâu mới tìm ra

được một phòng. Một phòng nằm hướng đông; phòng kia thì hướng bắc; phòng thứ ba thì bị đám gia nhân buộc phải đi ngang qua liên tục, còn phòng thứ tư thì Sir Richard không thích gõ giường. Không được, nhất định ông cần một phòng nhìn hướng tây, để không bị mặt trời đánh thức quá sớm và ngoài ra, phòng phải tách biệt khỏi sinh hoạt trong nhà. Bà giúp việc không biết nghĩ ra phòng nào nữa.

- Kìa, Sir Richard ơi, - Bà nói - ông thừa biết rằng cả nhà chỉ có một phòng như thế mà thôi.

- Phòng nào vậy? - Sir Richard hỏi.

- Phòng của Sir Matthew - phòng hướng tây.

- Vậy thì cứ dọn đồ tôi sang đó, tôi sẽ ngủ đó đêm nay - Sir Richard trả lời - Làm thế nào để đến phòng đó? À, dĩ nhiên là đi ngả này.

Rồi Sir Richard vội đi đến phòng đó.

- Ôi! Sir Richard ơi, nhưng không ai ngủ đó đã bốn mươi năm nay. Không khí trong đó chưa được cho thay mới từ khi Sir Matthew mất.

Bà giúp việc vừa nói vừa chạy theo sau Sir Richard.

- Kìa, chị Chiddock, chị cứ mở cửa ra đi chứ. Tôi muốn xem phòng.

Thế là cửa phòng được mở ra và toàn là mùi hôi mốc và hầm hơi thoát ra. Sir Richard bước đến cửa sổ, bực bội mở các cửa lá sách ra. Phần nhà này là phần ít bị sửa đổi nhất: phần nhà được xây khi cây tần bì được trồng và nằm khuất nên không ai bỏ công ra sửa chữa.

- Chị cứ để cửa sổ mở cả ngày, chị Chiddock à, rồi chiều nay chị hãy cho dọn đồ dùng đêm của tôi sang. Chị sắp xếp cho giám mục vùng Kilmore ở phòng cũ của tôi.

- Sir Richard ơi, xin phép anh, - Một giọng nói lạ xen vào - anh có thể cho tôi được nói chuyện với anh một hồi không?

Sir Richard quay lại thấy một người đàn ông mặc đồ đen đứng ở ngưỡng cửa nghiêng mình chào:

- Xin anh thứ lỗi cho việc tôi đột nhập vào nhà như thế. Sir Richard à, có thể anh không nhớ tôi lắm? Tôi tên là William Crome. Ông nội tôi là linh mục thời ông nội của anh.

- Họ Crome từng là và sẽ luôn là một giấy thông hành để vào Castringham Hall - Sir Richard nói - Tôi rất vui lòng được nối lại một tình bạn đã bắt đầu cách đây hai thế hệ. Tôi có thể giúp anh được gì? Bởi vì, xét trang phục anh, tôi đoán anh hơi vội?

- Sự thật đúng là như vậy. Tôi đang đi ngựa từ Norwich đến Bury St. Edmunds nhanh nhất theo khả năng và tôi chỉ ghé qua đây để lại cho anh vài giấy tờ mà chúng tôi vừa mới tìm thấy trong số giấy tờ ông nội để lại. Chúng tôi nghĩ có thể anh sẽ tìm thấy một điều gì đó thú vị về dòng họ anh.

- Anh Crome, anh tử tế quá. Mời anh theo tôi vào phòng khách uống ly rượu và cùng nhau xem số giấy tờ đó. Còn chị, chị Chiddock, như tôi đã nói, chị cứ lo làm thông hơi căn phòng này... Phải, ông nội tôi đã chết trong phòng này... Phải, có thể cây kia làm cho phòng ấm hơn... Thôi, tôi không muốn nghe chị nói nữa. Xin chị, chị đừng gây thêm rắc rối. Tôi đã chỉ thị xong rồi đó... nào. Anh theo tôi nhé?

Hai người đi vào phòng khách. Cái gói mà ông Crome mang theo chứa nhiều giấy tờ, trong đó có những ghi chép của ông linh mục già khi Sir Matthew Fell qua đời. Và lần đầu tiên, Sir Richard đọc được những “ngẫu nhiên kinh thánh” mà quý vị đã đọc trên đây. Sir Richard rất lấy làm buồn cười về sự mê tín dị đoan này.

- Vậy, - Sir Richard nói - Kinh thánh của ông nội tôi đã cho một lời khuyên khá khôn ngoan: “Hãy đốn giết nó”. Nếu nói về cây tần bì, thì chắc chắn tôi sẽ làm theo lời này. Cây tần bì ấy là một ổ chướng khí và mầm bệnh!

Phòng khách có chứa một số sách của gia đình, không nhiều lắm và để đó chờ bộ sách của Sir Richard gửi về từ Ý và xây thêm một chỗ thích hợp để cất sách.

Sir Richard ngược mắt lên nhìn tủ sách.

- Không hiểu, - Sir Richard nói - quyển Kinh thánh cũ còn đây không? Dường như tôi nhìn thấy.

Sir Richard băng qua phòng, lấy một quyển sách Kinh thánh dày mang dòng chữ này trên trang đầu tiên: “Anne Aldous, mẹ đỡ đầu, tặng con Matthew Fell, ngày 2 tháng chín 1659”.

- Anh Crome, hay ta thử lại xem sao... Nào mở sách ra và thấy gì?: “Sáng mai người sẽ tìm ta nhưng sẽ không thấy ta”. A ha, câu này có thể là một lời tiên tri khá thú vị đối với ông nội anh nhỉ? Còn tôi, tôi đã tham khảo thầy bói đủ rồi! Họ kể toàn chuyện tào lao không hà! Anh Crome à, tôi rất cảm ơn anh đã trao cho tôi cái gói này. E rằng anh đang nóng lòng muốn lên đường. Để tôi rót thêm cho anh một ly nữa.

Sau khi tiếp đón thân mật (Sir Richard rất thích người đàn ông trẻ kia và cung cách của anh), hai người đàn ông chia tay nhau.

Khách đến vào buổi chiều: giám mục vùng Kilmore, lady Mary Hervey, Sir William Kentfield.v.v. Ăn tối lúc năm giờ, rượu vang, chơi bài, ăn nhẹ. Rồi ai nấy về phòng mình.

Sáng hôm sau, Sir Richard cảm thấy không đủ khỏe để lấy súng đi săn cùng mọi người. Ông ở lại nói chuyện cùng giám mục vùng Kilmore. Khác hẳn với các giám mục Ái Nhĩ Lan thời mình, vị giáo sĩ có chức này từng qua trụ sở giám mục và ở lại đó khá lâu. Sáng hôm đó, trong khi hai người đi dạo trên sân hiên và thảo luận về những sửa đổi và cải thiện cho ngôi nhà, giám mục chỉ qua cửa sổ phòng hướng tây rồi nói:

- Sir Richard à, anh sẽ không bao giờ thuyết phục nổi các con chiên Ái Nhĩ Lan của tôi ngủ trong phòng này đâu.

- Tại sao vậy, thưa giám mục? Thật ra đây là phòng của chính con.

- Thì người nông dân Ái Nhĩ Lan tin rằng ngủ gần cây tần bì là xui xẻo. Vậy mà anh có một cây rất to mọc cách cửa sổ có hai mét. Có thể, - Giám mục mỉm cười nói - anh đã bị ảnh hưởng rồi, vì trông anh như nghĩ đêm không tốt như bạn bè mong.

- Đúng là cái này, hay một cái gì đó khác, đã làm tôi không ngủ được cho đến bốn giờ sáng, thưa giám mục. Nhưng ngày mai tôi sẽ cho đốn bỏ cây. Như vậy sẽ không nghe nói đến nó nữa.

- Tôi rất tán thành quyết định của anh. Chắc chắn rằng hít thở một không khí đã bị ô nhiễm qua tán cây rậm rạp như thế là không lành mạnh đâu.

- Tôi nghĩ giám mục nói đúng. Nhưng tối hôm qua, cửa sổ phòng không mở. Có lẽ là do tiếng động không dứt... kính cửa sổ... cành cây cứ

đập vào kính... vì vậy mà tôi đã không ngủ được.

- Chuyện thật khó tin, Sir Richard à. Anh hãy nhìn từ đây. Cả những cành cây gần nhất cũng không chạm được kính cửa sổ, trừ phi trời đông bão. Mà đêm hôm qua thì không có bão.

- Giám mục nói đúng. Vậy tôi không hiểu cái gì đã cạ vào kính cửa sổ như thế... và để lại vết bụi trên bờ cửa sổ?

Cuối cùng hai người thống nhất với nhau: có lẽ chuột đã leo lên đó theo cây thường xuân bám trên tường nhà. Đó là ý kiến của giám mục và Sir Richard cũng đồng tình.

Thế là cả ngày trôi qua bình yên. Đến đêm, khách chúc Sir Richard ngủ yên giấc rồi tản đi về phòng mình.

Hiện ta đang ở trong phòng Sir Richard, đèn tắt, Sir Richard nằm trên giường. Căn phòng nằm phía trên nhà bếp, đêm ấm áp, và cửa sổ phòng để mở.

Giường chiếu sáng rất ít, nhưng có sự nhộn nhịp bất thường; dường như Sir Richard đang lắc đầu từ trái sang phải cố gây thật ít tiếng động. Và ta có thể tưởng tượng, vì bóng tối rất dễ lầm, rằng có rất nhiều cái đầu, tròn và đen đen, lắc lư từ trước ra sau, và gần như rơi trúng ngực Sir Richard. Áo giắc kinh tởm à? Chỉ thế thôi? Đó! Có một cái gì đó rơi xuống giường, như một con mèo nhỏ, nó chui qua cửa sổ như tia chớp; rồi một con khác, rồi bốn con... Sau đó, mọi sự bình yên trở lại.

“Sáng mai người sẽ tìm ta nhưng sẽ không thấy ta”.

Cũng y như Sir Matthew: Sir Richard chết đen trên giường!

Khách và gia nhân tái mặt im lặng tập hợp dưới cửa sổ khi biết tin. Bọn đầu độc người Ý, chướng khí: đó là những lời giải thích được nêu ra thử. Rồi giám mục vùng Kilmore nhìn cây tần bì. Một con mèo rừng đang núp trong những cành cây thấp, quan sát một cái hốc trong thân cây. Nó chăm chú theo dõi một cái gì đó trong hốc.

Con mèo đột nhiên đứng thẳng lên, thò cổ ra phía trên hốc. Rồi cành cây chỗ con mèo gãy sụp xuống. Mọi người giật mình khi nghe tiếng động.

Ai cũng biết rằng con mèo có thể khóc; nhưng hy vọng rằng ít ai trong ta đã nghe thấy một tiếng hét như tiếng đã thốt ra từ thân cây tần bì lớn. Có

hai ba tiếng kêu (các nhân chứng không chắc chắn về số lượng) rồi sau đó chỉ nghe tiếng vật lộn. Lady Mary Hervey bị xỉu ngay, một nữ gia nhân bịt tai lại rồi chạy cho đến ngắt xỉu ở sân hiên.

Giám mục vùng Kilmore và Sir William Kentfield ở lại, nhưng kinh hoàng vì tiếng khóc của con mèo. Sir William nuốt nước miếng một hai lần trước khi nói được:

- Trong cây này có một cái gì đó mà ta không biết. Tôi nghĩ phải tiến hành lục soát ngay.

Và mọi người đồng ý. Một cái thang được mang đến và một người làm vườn leo lên. Người này nhìn xuống đáy hốc và chỉ thấy được một cái gì đó động đậy. Người ta đi tìm đèn và cho hạ đèn xuống đáy bằng dây.

Người làm vườn lại leo lên một lần nữa, cầm đèn, thả đèn từ từ xuống. Trong khi người làm vườn cúi xuống nhìn, ánh đèn vàng chiếu sáng gương mặt anh và, đúng lúc đó, những người đứng xem nhìn thấy nét mặt kinh hoàng của anh. Người làm vườn hét lên bằng một giọng không giống người và té xuống thang. Cũng may là có hai người đỡ kịp, còn đèn thì rơi vào bên trong cây tần bì.

Người làm vườn gần như bị ngắt xỉu và phải một hồi lâu anh mới nói chuyện được.

Khi đó sự chú ý của mọi người lại chuyển sang một cái khác. Đèn đã làm cháy đồng lá khô dưới đáy hốc cây và trong vài phút, một đám khói dày đặc bay lên, và chẳng bao lâu có ngọn lửa bắn ra. Cả cây tần bì bốc cháy.

Những người xem đứng thành vòng tròn cách đám cháy một khoảng. Sir William và giám mục cho người đi lấy mọi vũ khí và công cụ tìm được bởi vì rõ ràng có một sinh thể nào đó đã dùng cây làm hang và nó sẽ buộc phải chạy ra.

Và chuyện xảy ra đúng như thế. Trước tiên, trên cành cây chẻ, mọi người thấy một cục lửa tròn bắn ra, gần bằng đầu người. Nó như teo lại, rồi rơi xuống đất. Rồi năm sáu lần, một khối tròn y như thế bắn lên không khí, rơi trở xuống chỗ nơi một hồi sau lại nằm yên. Giám mục bước lại gần và nhìn thấy... những gì còn lại của một con nhện to tương cháy thành than!

Và khi lửa giảm lại, những hình thể ghê tởm như thế chui ra khỏi thân cây. Và người ta thấy chúng phủ lông xám xám.

Cây tần bì cháy cả ngày cho đến hết. Người ta tiếp tục canh chừng và thỉnh thoảng giết những con vật kinh tởm chui ra. Rồi suốt một hồi lâu không có gì xuất hiện. Khi đó mọi người bước lại gần xem xét rễ cây.

- Họ tìm thấy, - Giám mục vùng Kilmore nói - phía dưới cây tần bì một cái hốc có hai ba con vật như thế bị chết ngạt do khói. Và điều kỳ lạ hơn nữa là dưới đáy hang, chạm tường nhà, có bộ xương người mà lớp da vẫn còn dính vào xương. Trên sọ còn vài sợi tóc đen. Những người xem xét tuyên bố rằng có lẽ đó là xác của một người phụ nữ đã chết cách đó năm chục năm.

HẾT

Table of Contents

1

Cầu Thủy Tinh

2

Nét Vẽ Bằng Máu

3

Mới Vào Nghề

4

Kẻ Sát Nhân Làm Gì Có Cảnh

5

Quả Phụ Thành Ephèse

6

Cây Tần Bì